

 PV GAS
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2012



TÂM NHÌN

Giữ vững vai trò chủ đạo trong công nghiệp khí Việt Nam, gia nhập thị trường quốc tế, trở thành một trong các thương hiệu Khí mạnh trong khu vực ASEAN và châu Á.

SỨ MỆNH

Xây dựng, vận hành an toàn hiệu quả toàn bộ hệ thống thu gom, nhập khẩu, vận chuyển, tàng trữ, chế biến, phân phối khí, các sản phẩm khí và đường ống kết nối với hệ thống khí khu vực, đảm bảo cung cấp khí, các sản phẩm khí và dịch vụ khí cho các hộ tiêu thụ trên toàn quốc và mở rộng ra thị trường quốc tế, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Mục Lục

04	Thông điệp của Ban lãnh đạo
06	Ngành nghề kinh doanh, địa bàn hoạt động
08	Các cột mốc quan trọng trong chặng đường 22 năm hình thành và phát triển
10	Sơ đồ tổ chức
12	Công ty Khí hàng đầu Việt Nam
14	Giới thiệu Ban lãnh đạo
18	Báo cáo của Hội đồng Quản trị
21	Báo cáo của Ban kiểm soát
23	Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
26	Chỉ số tài chính
31	Cổ đông
34	Đối tác
36	Không ngừng phát triển để phục vụ khách hàng
38	Thu gom và phân phối khí khô
40	Kinh doanh LPG
41	Đầu tư xây dựng
42	Công ty trực thuộc và Công ty thành viên
47	Đổi mới và tái cấu trúc doanh nghiệp
48	Cam kết kinh doanh an toàn và hiệu quả
50	Quản trị rủi ro
52	An toàn - Chất lượng - Sức khỏe - Môi trường
54	Con người và doanh nghiệp
56	Tiềm lực con người
58	Hoạt động cộng đồng
59	Danh hiệu và giải thưởng
60	Phát triển, cải tiến, đổi mới
62	Định hướng phát triển
63	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013
65	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Kính thưa Quý cổ đông!

Năm 2012 đi qua với những khó khăn chung của nền kinh tế thế giới, tăng trưởng toàn cầu thấp so với dự báo đầu năm. Điều này đã ảnh hưởng dây chuyền đến nền kinh tế Việt Nam, làm cho điều kiện tín dụng bị thắt chặt, thị trường tiêu thụ giảm sút, làm nhiều doanh nghiệp giảm, thậm chí dừng sản xuất kinh doanh; theo đó, tác động trực tiếp đến PV Gas là nhu cầu khí của các nhà máy điện – khách hàng chính của PV Gas không tăng nhiều; giá LPG trung bình của thế giới (Contract Price) cao hơn năm 2011 8%, biến động liên tục với biên độ dao động rộng hơn,...

Chủ động nhìn nhận, đánh giá được những trở ngại này, Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV PV Gas đã có những giải pháp phù hợp, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quản lý, điều hành, tận tâm, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh. Và cho đến ngày hôm nay, kết thúc năm thứ 2 PV Gas hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, chúng ta – Ban lãnh đạo, toàn thể CBCNV cùng tất cả các cổ đông của PV Gas đều rất phấn khởi nhìn thấy PV Gas vững vàng vượt qua khó khăn để không chỉ tăng trưởng mà còn phát triển bền vững. Điều này được thể hiện ở những con số, sự kiện có ý nghĩa quan trọng mà PV Gas đã làm nên như sau:

- Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2012 đã được ĐHĐCĐ thông qua và tăng trưởng so với năm 2011; về đích sớm trước 4 tháng đối với chỉ tiêu lợi nhuận, nộp ngân sách và trước 2 tháng đối với chỉ tiêu doanh thu, sản lượng LPG;
- Đạt doanh thu (68.420 tỷ đồng) và lợi nhuận (trước thuế 12.350 tỷ đồng, sau thuế 10.102 tỷ đồng) vượt trội, cao nhất kể từ khi thành lập đến nay; giữ vững vị trí là một trong số những đơn vị dẫn đầu của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và trên sàn giao dịch chứng khoán về lợi nhuận; đứng thứ 12 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR500; đóng góp đáng kể vào ngân sách quốc gia, góp phần cùng PVN ổn định kinh tế vĩ mô của đất nước;
- Cung cấp m³ khí thứ 70 tỷ cho các nhà máy điện, đạm và khách hàng tiêu thụ khí thấp áp vào ngày 25/9/2012; đáp ứng nguồn nguyên, nhiên liệu để sản xuất 40% sản



Bà Nguyễn Thị Lan
(Chủ tịch HĐQT)

Ông Đỗ Khang Ninh
(Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc)

- lượng điện, 70% sản lượng phân đạm cả nước;
- Sản xuất và kinh doanh tấn LPG thứ 6,8 triệu tại thị trường trong và ngoài nước; chiếm trên 70% thị phần LPG cả nước, giữ vững vị trí là nhà sản xuất và kinh doanh LPG hàng đầu tại Việt Nam;
 - Đạt trên 6 triệu giờ làm việc an toàn trên tất cả các công trình khí;
 - Hoàn thành bảo dưỡng sửa chữa trong đợt dừng khí toàn bộ hệ thống khí Cửu Long trước tiến độ 129 giờ và trong đợt dừng khí toàn bộ hệ thống khí PM3 – Cà Mau trước tiến độ 3 ngày. (Các con số này thực sự ấn tượng khi xét trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas là 24/24 giờ, diễn ra trong tất cả các ngày trong năm);
 - Thực hiện thành công niêm yết và giao dịch ngày đầu tiên cổ phiếu của PV Gas trên sàn giao dịch chứng khoán Tp. HCM vào ngày 21/5/2012; khối lượng giao dịch cổ phiếu PV Gas luôn ở mức cao với giá giao dịch cao hơn giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Tp. HCM (trên 40.000 đồng/cổ phần so với 36.000 đồng/cổ phần khi niêm yết);
 - Áp dụng thành công sáng kiến khoa học trong vận hành Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, làm tăng sản lượng LPG sản xuất;
 - Triển khai tích cực công tác đầu tư xây dựng, thường xuyên rà soát, cập nhật, đánh giá lại dự án, kịp thời điều chỉnh phương án đầu tư phù hợp với tình hình thực tế để duy trì và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án. Các công trình kho chứa LPG lạnh, kho chứa LNG, đường ống dẫn khí lô B – Ô Môn, Nam Côn Sơn 2, Hàm Rồng – Thái Bình, Thăng Long – Đông Đô, Rồng,... đang dần hình thành lên mỗi ngày trên các bản vẽ thiết kế, ngoài công trường;

- Hoàn thành và đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất ống thép Dầu khí đầu tiên ở Việt Nam (thuộc PV Pipe);
 - Bọc ống cho các dự án Biển Đông, Sư Tử Trắng, Hải Sư Trắng, Hải Sư Đen, Dừa...;
 - Tinh thần làm việc hăng say, vượt khó, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất lan truyền trong mỗi người lao động PV Gas.
- Và như ông cha ta ngày xưa thường nói “Lửa thử vàng, gian nan thử sức”. Trong khó khăn, PV Gas càng chứng tỏ nội lực của mình.
- Bước sang năm 2013, phía trước còn nhiều yếu tố tác động tích cực cũng như những khó khăn sẽ có thể ảnh hưởng đến hoạt động của PV Gas mà chưa thể dự báo hết được. Nhưng, chúng ta tin tưởng rằng với những lợi thế về nhân lực, cơ sở vật chất, tài sản, tài chính, kinh nghiệm, thương hiệu,... PV Gas sẽ tiếp tục đạt được những thành công mới khi:
- Nhu cầu tiêu thụ khí của khách hàng luôn ở mức cao;
 - Hoạt động đầu tư mở rộng của PV Gas để bổ sung nguồn cung cấp khí và sản phẩm khí cho thị trường trong nước được triển khai theo kế hoạch với các sự kiện trong năm là: Tiếp nhận nguồn khí mới từ mỏ Hải Thạch, Mộc Tinh (bể Nam Côn Sơn), làm tăng sản lượng khí cấp cho các khách hàng khu vực Đông Nam Bộ thêm gần 2 tỷ m³ khí/năm; Hoàn thành và đưa vào vận hành trạm nén khí Cà Mau để tăng quyền nhận khí PM3 và sản lượng khí cấp cho các khách hàng khu vực Tây Nam Bộ lên 6,2 triệu m³/ngày; Khởi công dự án kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải để nhập khẩu LNG; Hoàn thành và đưa vào vận hành kho chứa LPG lạnh công suất 60.000 tấn tại Thị Vải - kho chứa LPG

lạnh duy nhất, hiện đại nhất và lớn nhất tại Việt Nam hiện nay, góp phần nâng công suất kho chứa LPG của PV Gas lên 50% tổng công suất kho chứa LPG của cả nước, hội đủ điều kiện cho phép PV Gas có những giải pháp tàng trữ LPG với khối lượng lớn, lâu dài, tạo thêm lợi thế trong kinh doanh LPG; Hoàn thành và đưa vào vận hành dự án cấp bù khí ấm Nam Côn Sơn cho Nhà máy xử lý khí Dinh Cố để tăng sản lượng LPG sản xuất và gia tăng giá trị sử dụng khí;...

- Công nghiệp khí là 1 trong 5 lĩnh vực kinh doanh chính trong Chiến lược phát triển của PVN.

Tuy nhiên, không chủ quan, tự mãn, với mỗi giờ làm việc vàng ngọc, mỗi cán bộ lãnh đạo của PV Gas sẽ không ngừng phấn đấu với tinh thần trách nhiệm cao nhất để nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp hiện đại, nhạy bén với những diễn biến của thực tế, có tầm nhìn chiến lược lâu dài, kịp thời ban hành các quyết sách hợp lý; và mỗi người lao động của PV Gas sẽ không ngừng nỗ lực làm việc sáng tạo với ý thức kỷ luật cao nhất để PV Gas đạt được những mục tiêu phát triển không chỉ riêng trong năm 2013, mà còn cả trong dài hạn, luôn là doanh nghiệp hàng đầu của ngành công nghiệp khí Việt Nam, sớm vươn ra khu vực và thế giới, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.

Thay mặt cho hơn 3.000 CBCNV PV Gas, Ban lãnh đạo PV Gas xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý cổ đông đã tin tưởng và đồng hành cùng PV Gas trong những năm qua. PV Gas rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ và đồng hành quý báu của Quý cổ công trên hành trình phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Thị Lan

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Khang Ninh

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Lấy lĩnh vực thu gom, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, kinh doanh khí làm trọng tâm



Trải qua 22 năm hình thành và phát triển, đến nay, PV Gas đã xây dựng được ngành công nghiệp khí tương đối hoàn chỉnh, tập trung chủ yếu vào lĩnh vực thu gom, nhập khẩu, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, kinh doanh khí và các sản phẩm khí, trở thành nhà cung cấp khí khô duy nhất tại Việt Nam và là nhà sản xuất và kinh doanh LPG số 1 tại thị trường Việt Nam, tiếp tục là một trong số các đơn vị dẫn đầu trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam cũng như trên sàn giao dịch chứng khoán về lợi nhuận, đóng góp trên 2% GDP cả nước.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

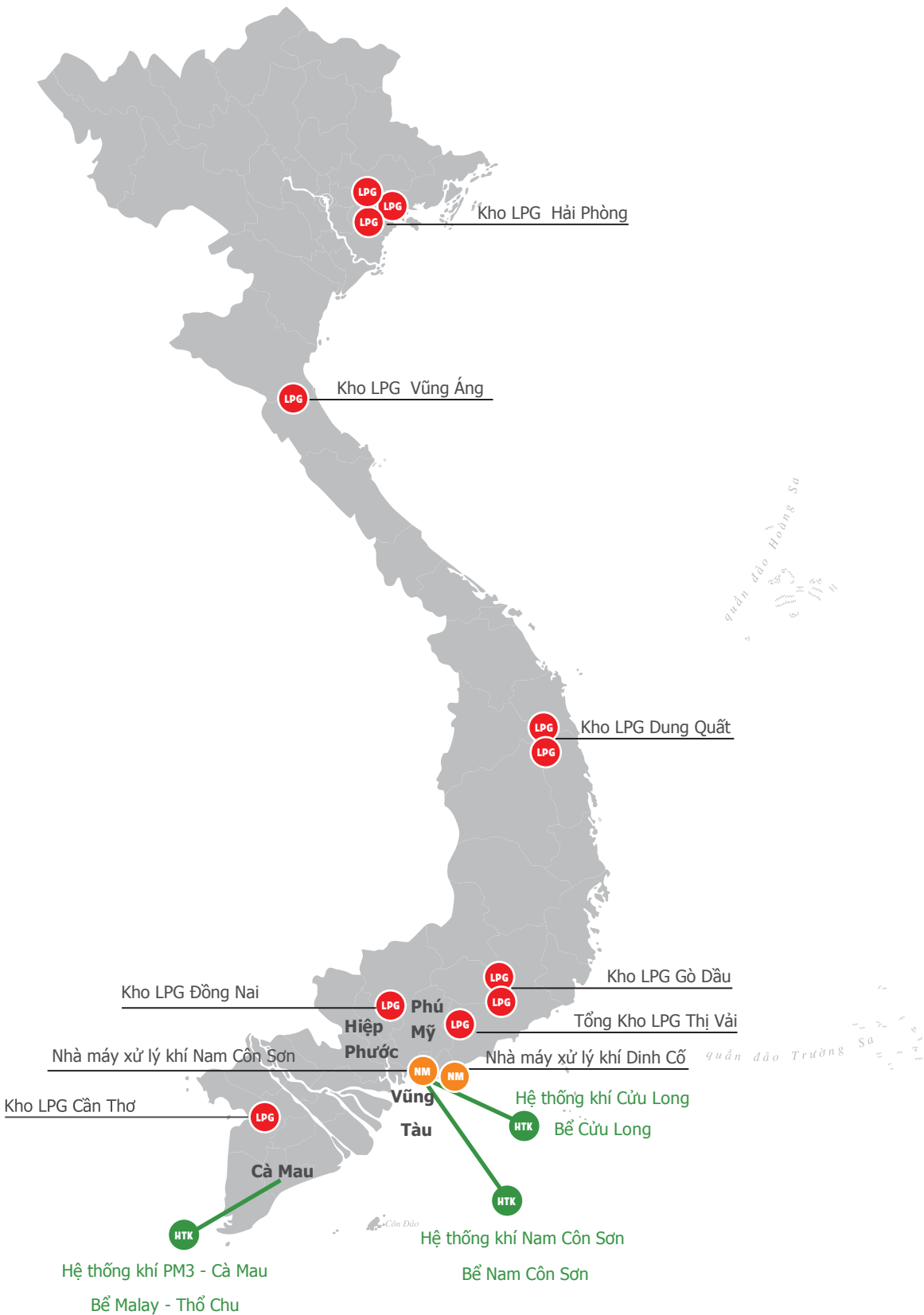
- **Thu gom, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, kinh doanh, xuất nhập khẩu** các sản phẩm khí khô, LNG, CNG, LPG, Condensate; kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí; kinh doanh dịch vụ cảng, kho bãi.
- **Đầu tư cơ sở hạ tầng**, hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng đồng bộ, thống nhất trong toàn PV Gas từ khâu nguồn cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ trên phạm vi cả nước.
- **Đại lý bao tiêu LPG** từ các nhà máy lọc hoá dầu và các nguồn khác của PVN.
- **Tư vấn** thiết kế, lập dự án đầu tư, thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các

công trình, dự án khí và liên quan đến khí.

- **Nghiên cứu** ứng dụng ngành khí, thiết kế, cải tạo công trình khí.
- **Cung cấp dịch vụ** trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông, lâm, ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí; dịch vụ vận tải của các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí.
- **Tham gia đầu tư các dự án khí** thượng nguồn nhằm tăng tính chủ động và hiệu quả cho hoạt động chế biến và kinh doanh sản phẩm khí.
- **Đầu tư tài chính** vào các công ty bên ngoài; mua, bán, chuyển nhượng, đàm phán, ký các hợp đồng, dự án, tài sản, công trình khí.

CƠ SỞ HẠ TẦNG, ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM

- **3** bể khí: **Cửu Long, Nam Côn Sơn, Malay - Thổ Chu**
- **3** hệ thống khí:
 - Hệ thống khí Cửu Long (khu vực Đông Nam Bộ): **370 km**
 - Hệ thống khí Nam Côn Sơn (khu vực Đông Nam Bộ): **400 km**
 - Hệ thống khí PM3 - Cà Mau (khu vực Tây Nam Bộ): **325 km**
- **2** Nhà máy xử lý khí: Dinh Cỗ, Nam Côn Sơn
- Hệ thống kho chứa LPG trên cả nước
- **4** loại khí và sản phẩm khí: Khí khô, LPG, Condensate, CNG
- **3** miền Bắc, Trung, Nam.

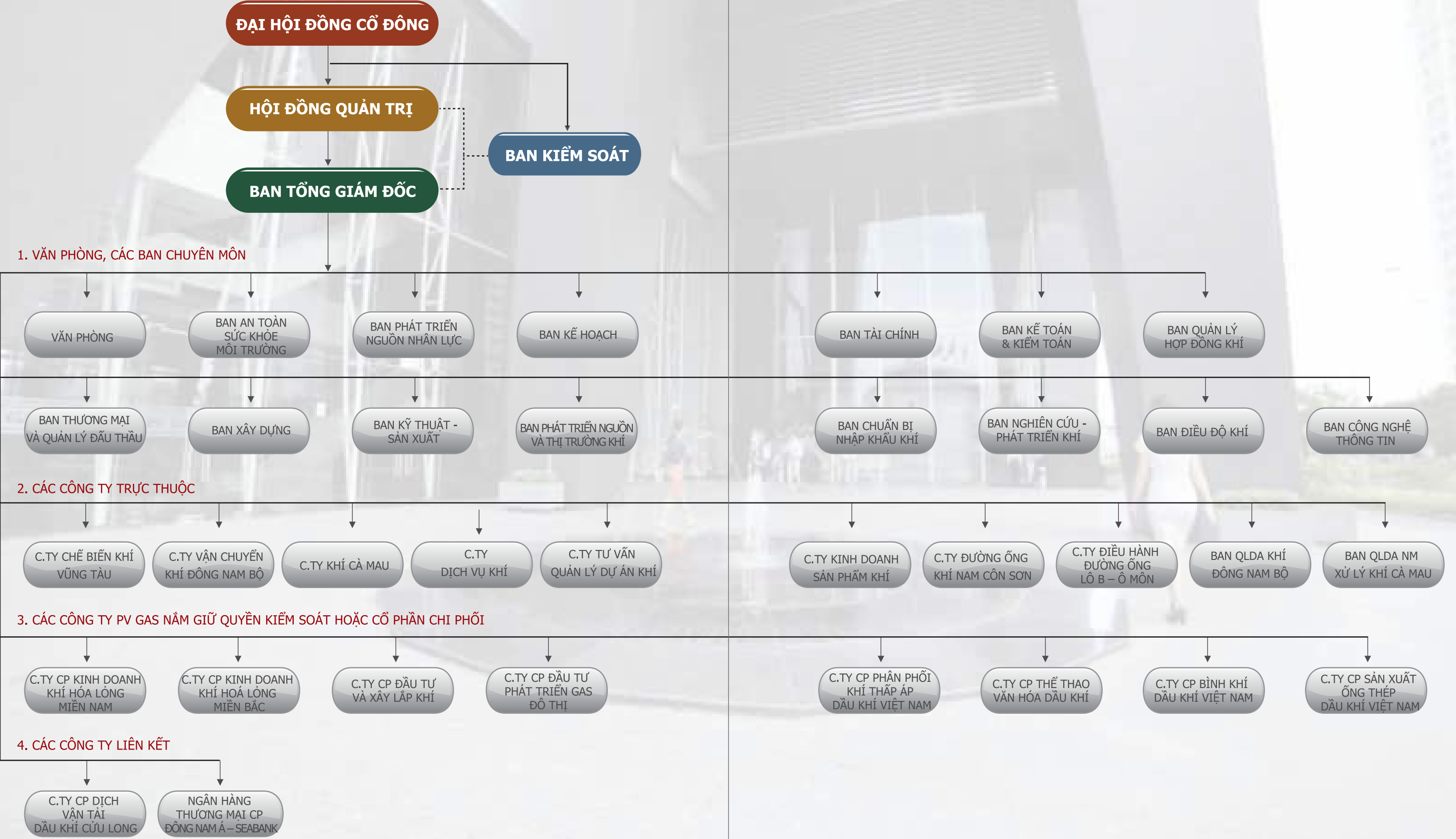


CÁC CỘT MỐC QUAN TRỌNG TRONG CHẶNG ĐƯỜNG 22 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



- **09/1990:** Thành lập Công ty Khí đốt với nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, kinh doanh khí và các sản phẩm khí.
- **04/1995:** Dòng khí đầu tiên từ bể Cửu Long được đưa vào bờ cung cấp cho hộ tiêu thụ khu vực Đông Nam Bộ.
- **10/1998:** LPG & Condensate lần đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam.
- **12/2002:** Dòng khí đầu tiên từ bể Nam Côn Sơn được đưa vào bờ cung cấp cho hộ tiêu thụ khu vực Đông Nam Bộ.
- **11/2003:** Mạng cấp khí thấp áp đầu tiên hoàn thành.
- **05/2007:** Dòng khí đầu tiên từ mỏ PM3 – 46 Cái Nước được đưa vào bờ cung cấp cho hộ tiêu thụ khu vực Tây Nam Bộ.
- **07/2007:** Trở thành Tổng công ty Khí, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.
- **05/2011:** Trở thành Công ty cổ phần, vốn điều lệ: 18.950 tỷ đồng.
- **05/2012:** Niêm yết và giao dịch ngày đầu tiên cổ phiếu của PV Gas trên sàn chứng khoán Tp.HCM.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CÔNG TY KHÍ HÀNG ĐẦU VIỆT NAM



NĂM 2012

DOANH THU: **68.420** TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ: **12.350** TỶ ĐỒNG

CUNG CẤP **9.173** TRIỆU M³ KHÍ CHO
NHÀ MÁY ĐIỆN, ĐẠM VÀ KHÁCH HÀNG TIÊU THỤ KHÍ THẤP ÁP

SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH GẦN **1,3** TRIỆU TẤN LPG

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO



Bà Nguyễn Thị Lan
(Chủ tịch HĐQT)

Quá trình công tác:

- 1988 - 1990: Công tác tại Công ty Thủy sản khu vực 3, Bộ Thủy sản tại Tp.HCM.
- 1990 - 1994: Công tác tại Phòng Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, Chi cục Kho bạc Tp.HCM.
- 11/1994 - 1997: Du học tại Úc.
- 8/1997 - 12/2006: Chuyên viên, Phó Ban Tài chính kế toán, Kế toán trưởng PV Gas.
- 12/2006 - 8/2007: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng PV Gas.
- 9/2007 - 1/2009: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc PV Gas.
- 2/2009 - 7/2010: Thành viên HĐQT kiêm Kiểm soát viên chính PV Gas.
- 8/2010 - 12/2010: Thành viên HĐQT PV Gas.
- 1/2011 - 4/2011: Chủ tịch HĐQT PV Gas.
- 4/2011 đến nay: Chủ tịch HĐQT PV Gas.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kế toán công nghiệp.
- Cử nhân quản trị kinh doanh (tốt nghiệp tại Úc).



Ông Vũ Đình Chiến
(Phó Chủ tịch HĐQT)

Quá trình công tác:

- 9/1977 - 9/1982: Kỹ sư, Vụ Xây dựng cơ bản, Tổng cục Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam.
- 10/1982 - 5/1987: Phó phòng, Vụ Xây dựng cơ bản, Tổng cục Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam.
- 6/1987 - 8/1989: Phó phòng, Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Vietsovpetro, Tổng cục Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam.
- 9/1989 - 5/1991: Học viên, Học viện Chính trị Quốc gia Nguyễn Ái Quốc.
- 5/1991 - 5/1993: Trưởng Phòng Xây dựng cơ bản, Tổng cục Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam.
- 5/1993 - 6/1998: Phó trưởng Phòng Vận chuyển xử lý và phân phối khí, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam.
- 7/1998 - 2004: Giám đốc PV Gas.
- 1/2008 - 4/2011: Phó Chủ tịch HĐQT PV Gas.
- 4/2011 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT PV Gas.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Cơ khí, Trường Đại học Dầu khí Quốc gia, Cộng hòa Liên bang Nga.



Ông Đỗ Khang Ninh
(Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc)

Quá trình công tác:

- 1984 - 1986: Công tác tại Xí nghiệp liên hiệp xây lắp Dầu khí.
- 1986 - 1996: Phó Phòng Công nghệ và xây dựng mỏ, Viện Nghiên cứu khoa học và thiết kế, Vietsovpetro.
- 1996 - 1999: Phó Giám đốc Ban QLDA khí (đơn vị tiền thân của PV Gas).
- 1999 - 2004: Phó Giám đốc PV Gas.
- 2004 - 6/2007: Giám đốc PV Gas.
- 7/2007 - 3/2008: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc PV Gas.
- 4/2008 - 1/2010: Chủ tịch HĐQT PV Gas.
- 1/2010 - 4/2011: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc PV Gas.
- 4/2011 đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc PV Gas.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư ngành thiết kế đường ống và kho chứa dầu khí (tốt nghiệp tại Cộng hòa Liên bang Nga).
- Thạc sỹ Khoa học kỹ thuật (tốt nghiệp tại Cộng hòa Liên bang Nga).



Ông Nguyễn Anh Tuấn
(Trưởng Ban Kiểm soát)

Quá trình công tác:

- 9/1997 - 9/1999: Chuyên viên, Cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- 10/1999 - 5/2006: Kế toán tổng hợp, Phó Trưởng Phòng Tài chính kế toán, Ban QLDA nhà số 1 & 5 Lê Duẩn, PVN.
- 6/2006 - 11/2006: Chuyên viên Phòng Kế toán, Xí nghiệp Chế biến khí, PV Gas.
- 11/2006 - 06/2008: Trưởng Phòng Kế toán – Ban QLDA đường ống dẫn khí Phú Mỹ - Tp.HCM.
- 7/2008 - 8/2010: Trưởng Phòng Kế toán, Công ty Tư vấn QLDA Khí, PV Gas.
- 8/2010 - 4/2011: Kiểm soát viên chính PV Gas.
- 4/2011 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát PV Gas.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Tài chính kế toán.



Ông Phạm Đình Đạt
(Thành viên Ban Kiểm soát)

Quá trình công tác:

- 9/1984 - 5/1985: Học tiếng Nga tại Trường Đào tạo CBCNV cho Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Vietsovpetro.
- 5/1985 - 9/1990: Chuyên viên Phòng Kế hoạch, Ban Quản lý công trình Dầu khí Vũng Tàu (đơn vị tiền thân của PV Gas).
- 9/1990 - 6/1993: Chuyên viên Phòng Kế hoạch, PV Gas.
- 6/1993 - 12/2004: Chuyên viên; Phó Phòng Kế hoạch, Ban QLDA khí, PV Gas.
- 12/2004 - 9/2007: Chuyên viên Phòng Kế hoạch, PV Gas.
- 9/2007 - 4/2011: Kiểm soát viên chuyên trách, PV Gas.
- 4/2011 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát PV Gas.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế kế hoạch.



Bà Hồ Thị Ái Thanh
(Thành viên Ban Kiểm soát)

Quá trình công tác:

- 4/1999 - 8/2007: Chuyên viên Phòng Tài chính - kế toán, PV Gas.
- 9/2007 - 4/2011: Kiểm soát viên chuyên trách PV Gas.
- 4/2011 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát PV Gas.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Tài chính doanh nghiệp.
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



Ông Nguyễn Trung Dân
(Thành viên HĐQT)

Quá trình công tác:

- 1980 - 1981: Công tác tại Ban Kiến thiết khu công nghiệp Dầu khí Vũng Tàu.
- 1981 - 1985: Chuyên viên Phòng Kế hoạch, trợ lý Trưởng Ban Quản lý công trình Dầu khí Vũng Tàu (đơn vị tiền thân của PV Gas).
- 1985 - 1987: Tổ trưởng Tổ Đơn giá - Dự toán, Ban Quản lý công trình Dầu khí Vũng Tàu.
- 1987 - 1990: Phó Phòng Thẩm tra thiết kế - dự toán, Ban Quản lý công trình Dầu khí Vũng Tàu.
- 1991 - 1993: Phó Phòng Kế hoạch, PV Gas.
- 1994 - 1995: Trưởng Phòng Kế hoạch, PV Gas.
- 1996 - 4/2011: Phó Tổng Giám đốc PV Gas.
- 4/2011 đến nay: Thành viên HĐQT PV Gas.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Toán – Cơ lý thuyết (tại Belarus).



Ông Phan Quốc Nghĩa
(Thành viên HĐQT)

Quá trình công tác:

- 6/1990 - 4/1999: Công tác tại Công ty liên doanh Coats Total Phong Phú.
- 4/1999 - 12/2000: Tổng Công ty Dầu Khí Việt Nam tiếp nhận và cử đi học tại Viện Công nghệ châu Á (AIT), Thái Lan.
- 4/2001 - 11/2007: Kỹ sư; Phó phòng; Trưởng Phòng Nam Côn Sơn, PV Gas.
- 11/2007 - 2/2009: Trưởng Ban Kinh tế thị trường, PV Gas.
- 2/2009 - 4/2011: Thành viên HĐQT PV Gas.
- 4/2011 đến nay: Thành viên HĐQT PV Gas.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Cơ khí.
- Cử nhân Anh ngữ.
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
- Thạc sỹ Kỹ nghệ công nghiệp (tại Thái Lan).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT



Ông Đỗ Khang Ninh
(Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc)

(xem phần giới thiệu HĐQT)



Ông Dương Mạnh Sơn
(Phó Tổng giám đốc)

Quá trình công tác:

- 5/1992 - 3/1994: Công tác tại Nhà máy sửa chữa tàu biển Phà Rừng, Hải Phòng.
 - 3/1994 - 5/1995: Công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp xây lắp Dầu khí.
 - 5/1995 - 6/1999: Công tác tại Công ty Thiết kế và xây dựng Dầu Khí.
 - 6/1999 - 4/2002: Công tác tại Công ty Đăng kiểm Lloyd's Register of Shipping, Vương quốc Anh.
 - 4/2002 - 10/2006: Phó Phòng, Phụ trách Phòng, Trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất, PV Gas.
 - 10/2006 - 6/2007: Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh khí thấp áp (nay là Công ty cổ phần phân phối khí thấp áp), PV Gas.
 - 10/2007 - 2/2009: Trưởng Ban Xây dựng, PV Gas.
 - 2/2009 đến nay: Phó Tổng giám đốc PV Gas.
- Trình độ chuyên môn:**
- Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy - công nghệ hàn.
 - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



Ông Trần Hưng Hiến
(Phó Tổng giám đốc)

Quá trình công tác:

- 3/1982 - 4/1984: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật, Ban Quản lý công trình Dầu khí Vũng Tàu (đơn vị tiền thân của PV Gas).
 - 5/1984 - 3/1994: Kỹ sư, Trưởng Phòng Kế hoạch - kỹ thuật, Phó giám đốc Xí nghiệp kết cấu thép thuộc Xí nghiệp liên hiệp xây lắp Dầu khí.
 - 4/1994 - 4/1998: Phó Phòng, Trưởng Phòng Kinh tế kỹ thuật, Công ty Thiết kế và xây dựng Dầu khí.
 - 5/1998 - 2/2004: Phó Ban QLDA; Trưởng Phòng Quản lý dự án đầu tư, Công ty Thương mại Dầu khí.
 - 3/2004 - 9/2006: Trưởng Ban QLDA đường ống dẫn khí Phú Mỹ - Tp.HCM, PVN.
 - 10/2006 - 12/2007: Phó Tổng giám đốc PV Gas kiêm Trưởng Ban QLDA đường ống dẫn khí Phú Mỹ - Tp.HCM.
 - 12/2007 - đến nay: Phó Tổng giám đốc PV Gas.
- Trình độ chuyên môn:**
- Cử nhân Quản lý công nghiệp.
 - Thạc sỹ ngành xây dựng đường ống, bể chứa dầu khí (tại CHLB Nga).



Ông Nguyễn Thanh Nghị
(Phó Tổng giám đốc)

Quá trình công tác:

- 12/1979 - 3/1980: Công tác tại Trường tập huấn, Bộ tư lệnh Không quân.
 - 3/1980 - 4/1982: Học viên Trường trung cấp Kinh tế, Bộ Cơ khí và luyện kim.
 - 4/1982 - 7/1993: Công tác tại Nhà máy A41 Không quân, Sân bay Tân Sơn Nhất.
 - 7/1993 - 5/1996: Công tác tại Công ty Bảo hiểm Bà Rịa - Vũng Tàu, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (Bảo Việt).
 - 5/1996 - 6/2008: Công tác tại một số đơn vị thuộc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI).
 - 6/2008 - 7/2009: Phó Tổng giám đốc PVI.
 - 7/2009 đến nay: Phó Tổng giám đốc PV Gas.
- Trình độ chuyên môn:**
- Cử nhân Kinh tế kế hoạch.
 - Thạc sỹ quản trị kinh doanh.



Ông Phạm Hồng Lĩnh
(Phó Tổng giám đốc)

Quá trình công tác:

- 1983 - 1995: Phó giám đốc Xí nghiệp Cung ứng vật tư vận tải; Phó giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 1; Phó Phòng Vật tư thiết bị; Trưởng Phòng Kinh tế - kỹ thuật Xí nghiệp liên hiệp xây lắp Dầu khí.
 - 1995 - 1998: Phó giám đốc Công ty Dịch vụ du lịch Dầu khí.
 - 1998 - 2001: Phó giám đốc Công ty Tư vấn đầu tư xây dựng Dầu khí.
 - 2001 - 2007: Trưởng Ban QLDA nhà số 1-5 Lê Duẩn, PVN.
 - 2007 - 2/2009: Phó Tổng giám đốc PV Gas kiêm Trưởng Ban QLDA khí Tây Nam Bộ.
 - 2/2009 - 3/2010: Trưởng Ban QLDA khí Tây Nam Bộ, PVN.
 - 4/2010 - 11/2011: Phó Tổng giám đốc PV Gas kiêm Giám đốc Công ty Điều hành đường ống Lô B - Ô Môn.
 - 11/2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc PV Gas.
- Trình độ chuyên môn:**
- Kỹ sư Xây dựng.
 - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



Ông Nguyễn Mậu Dũng
(Phó Tổng giám đốc)

Quá trình công tác:

- 12/1991 - 12/1994: Công tác tại Xí nghiệp liên hiệp xây lắp Dầu khí Vũng Tàu.
 - 1/1995 - 1/2005: Công tác tại Công ty Thiết kế và xây dựng Dầu khí.
 - 1/2005 - 2006: Học viên cao học Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM.
 - 1/2007 - 12/2007: Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và thiết kế Dầu khí.
 - 1/2008 - 2/2009: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Xây lắp Dầu khí Hà Nội.
 - 3/2009 - 4/2011: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp khí (PMD).
 - 4/2011 - 5/2011: Chủ tịch HĐQT PVID; Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo ống thép Dầu khí (PV Pipe).
 - 5/2011 - 4/2012: Phó Tổng giám đốc PV Gas kiêm Chủ tịch HĐQT PVID kiêm Giám đốc PV Pipe.
 - 5/2012 đến nay: Phó Tổng giám đốc PV Gas.
- Trình độ chuyên môn:**
- Kỹ sư cơ khí.
 - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



Ông Hồ Tùng Vũ
(Phó Tổng giám đốc)

Quá trình công tác:

- 7/1983 - 3/1994: Nhân viên; Phó Phòng, Công ty Xuất nhập khẩu thiết bị kỹ thuật Dầu khí.
 - 4/1994 - 10/1994: Trưởng Phòng, Công ty Xuất nhập khẩu thiết bị Dầu khí.
 - 11/1994 - 6/2001: Trưởng Phòng, Công ty Thương mại Dầu khí (nay là Tổng công ty Dầu Việt Nam).
 - 7/2001 - 6/2008: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thương mại Dầu khí (nay là Tổng công ty Dầu Việt Nam).
 - 6/2008 - 12/2010: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam.
 - 1/2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc PV Gas.
- Trình độ chuyên môn:**
- Kỹ sư Kinh tế Dầu khí.
 - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



Ông Bùi Ngọc Quang
(Phó Tổng giám đốc)

Quá trình công tác:

- 3/1983 - 7/1989: Kỹ sư khoan, Công ty Dầu khí I Thái Bình.
 - 8/1989 - 10/1991: Phòng Kỹ thuật, Công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí Hà Nội.
 - 11/1991 - 10/1995: Trưởng Phòng Hợp đồng, Công ty liên doanh ADF - Việt Nam.
 - 11/1995 - 8/2006: Phó giám đốc thứ nhất, Chủ tịch HĐQT kiêm Phó giám đốc thứ nhất Công ty M-I Việt Nam.
 - 9/2006 - 4/2009: Tổng giám đốc, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí.
 - 4/2009 - 8/2009: Phó Ban Kế hoạch, PVN.
 - 8/2009 - 12/2010: Trưởng Ban QLDA khí Đồng Nam Bộ, PVN.
 - 1/2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc PV Gas kiêm Trưởng Ban QLDA khí Đồng Nam Bộ.
- Trình độ chuyên môn:**
- Kỹ sư khoan - Khai thác dầu khí.



Ông Nguyễn Quốc Huy
(Phó Tổng giám đốc)

Quá trình công tác:

- 9/1994 - 1/1997: Chuyên viên Phòng Công nghệ khí và Trung tâm Vận hành khí, PV Gas.
 - 1/1997 - 12/2001: Trưởng Phòng Kỹ thuật - Trung tâm Vận hành khí, PV Gas.
 - 12/2001 - 8/2002: Trưởng Phòng kỹ thuật Trung tâm vận hành, kiêm Phó quản đốc Kho cảng Thị Vải, PV Gas.
 - 8/2002 - 10/2002: Phó Giám đốc Trung tâm vận hành, kiêm Phó Quản đốc Kho cảng Thị Vải, PV Gas.
 - 10/2002 - 10/2006: Phó Giám đốc Xí nghiệp chế biến khí, kiêm Quản đốc Kho cảng Thị Vải, PV Gas.
 - 10/2006 - 3/2008: Phó Giám đốc Công ty Chế biến khí Vũng Tàu, PV Gas.
 - 3/2008 - 1/2010: Giám đốc Công ty Chế biến khí Vũng Tàu, PV Gas.
 - 1/2010 đến nay: Phó Tổng giám đốc PV Gas.
- Trình độ chuyên môn:**
- Cử nhân khoa học ngành tin học.



Ông Mai Hữu Ngạn
(Kế toán trưởng)

Quá trình công tác:

- 05/1988 - 10/1991: Kế toán tổng hợp, Xí nghiệp Thi công cơ giới, Công ty Thiết kế và xây dựng Dầu khí (nay là Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam).
 - 11/1991 - 12/2002: Kế toán tổng hợp, Phụ trách kế toán, Xí nghiệp Dịch vụ cung ứng vật tư hàng hóa, Công ty Dịch vụ - Du lịch Dầu khí (nay là Tổng công ty cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí).
 - 12/2002 - 07/2007: Trưởng Phòng Kế toán Xí nghiệp Vận chuyển khí (nay là Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ), PV Gas.
 - 08/2007 - nay: Kế toán trưởng PV Gas.
- Trình độ chuyên môn:**
- Cử nhân kinh tế - ngành kế toán.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Khái quát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 của PV Gas

Năm 2012, kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, tăng trưởng toàn cầu thấp so với dự báo đầu năm. Những ảnh hưởng từ nền kinh tế thế giới đã gây tác động không nhỏ đến kinh tế Việt Nam, làm cho nhu cầu trong nước giảm mạnh, lãi suất tăng cao. Điều này đã gây bất lợi không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước, trong đó có PV Gas. Xác định được những khó khăn khách quan của nền kinh tế, ngay từ đầu năm 2012, PV Gas đã tập trung mọi nguồn lực, nỗ lực phấn đấu triển khai tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả là PV Gas đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch 2012 đã được ĐHĐCĐ thông qua với mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2011. Đặc biệt là PV Gas đã về đích sớm, hoàn thành kế hoạch trước 4 tháng đối với chỉ tiêu lợi nhuận, nộp ngân sách và 2 tháng đối với chỉ tiêu doanh thu, sản lượng LPG. Đây cũng là năm PV Gas đạt doanh thu và lợi nhuận cao nhất kể từ khi thành lập đến



Hội đồng Quản trị PV Gas

nay, tiếp tục là một trong số những đơn vị dẫn đầu của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam cũng như trên sàn giao dịch chứng khoán về lợi nhuận. Cụ thể:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH năm 2012	TH năm 2012/KH năm 2012 (%)	TH năm 2012/TH năm 2011 (%)
1	Sản lượng khí khô (*)	Tỷ M3	9,2	104	108
2	Sản lượng LPG (**)	Nghìn tấn	1.027,0	118	88
3	Sản lượng Condensate	Nghìn tấn	61,4	123	106
4	Tổng doanh thu	Nghìn tỷ đồng	68,4	124	106
	Tr.đó: Công ty mẹ		60,1	115	105
5	Nộp ngân sách	Nghìn tỷ đồng	6,8	228	125
6	Lợi nhuận trước thuế	Nghìn tỷ đồng	12,4	192	161
	Tr.đó: Công ty mẹ		12,0	194	176
7	Lợi nhuận sau thuế	Nghìn tỷ đồng	10,1	191	157
	Tr.đó: Công ty mẹ		9,9	194	172
8	Tỷ suất LNST/VĐL	%	52	194	172

(*) Cung cấp nguồn nguyên nhiên liệu đầu vào sản xuất trên 40% sản lượng điện toàn quốc và 70% sản lượng phân đạm cả nước.

(**) Nếu tính cả sản lượng LPG của các công ty thành viên (trừ phần trùng) thì năm 2012 toàn PV Gas đã cung cấp ra thị trường trong và ngoài nước gần 1,3 triệu tấn, chiếm trên 70% thị phần trong nước.

Bên cạnh việc vận hành an toàn các công trình khí, hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa lớn các hệ thống khí và đưa vào vận hành an toàn trước thời hạn, hoàn thành toàn bộ các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, PV Gas cũng đã tích cực triển khai thực hiện đầu tư nhiều dự án lớn, quan trọng, góp phần nâng cao vị thế của PV Gas (dự án đường ống dẫn khí lô B - Ô Môn, Nam Côn Sơn 2, Hàm Rồng - Thái Bình - khởi công tháng 1/2013, kho chứa LNG 1 triệu tấn tại Thị Vải - DAĐT đã được duyệt, theo đó dự án sẽ hoàn thành vào năm 2016, nhà máy xử lý khí Cà Mau, Kho chứa LPG lạnh tại Thị Vải - hoàn thành tháng 1/2013, thu gom khí mỏ Rồng - hoàn thành quý

IV/2013, kho chứa LNG Bình Thuận đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương,...).

Đối với các nhà đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas luôn tạo được niềm tin, sự tin tưởng của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, điều đó được thể hiện qua khối lượng giao dịch và giá cổ phiếu của PV Gas trên sàn giao dịch. Đó là, khối lượng cổ phiếu PV Gas giao dịch luôn ở mức cao và kể từ khi niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đến nay, giá cổ phiếu của PV Gas luôn cao hơn giá niêm yết (trên 40.000 đồng/cổ phần so với 36.000 đồng/cổ phần khi niêm yết).

Hoạt động năm 2012 của Hội đồng Quản trị

HDQT tiếp tục gồm 5 thành viên, trong đó có 4 thành viên chuyên trách và 1 thành viên kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc PV Gas, nắm giữ số lượng cổ phần trong PV Gas như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	CP nắm giữ	Trong đó sở hữu cá nhân
1	Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch HĐQT	506.435.900	100.000
2	Ông Vũ Đình Chiến	Phó Chủ tịch HĐQT	379.103.200	103.200
3	Ông Đỗ Khang Ninh	Thành viên HĐQT, kiêm TGD	379.182.600	182.600
4	Ông Nguyễn Trung Dân	Thành viên HĐQT	284.302.900	52.900
5	Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên HĐQT	284.280.900	30.900



Trong năm qua, HDQT PV Gas đã hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua các quy chế, nghị quyết/quyết định, các cuộc họp với Ban Điều hành. Ngoài việc tổ chức họp HDQT theo định kỳ, HDQT đã tham gia tất cả các cuộc họp giao ban định kỳ của Ban Tổng giám đốc và chủ trì/đồng chủ trì nhiều cuộc họp

quan trọng liên quan đến triển khai các dự án trọng điểm, công tác tái cấu trúc, sơ kết/tổng kết tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas,... HDQT đã hướng tới các chuẩn mực quản trị công ty cổ phần, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ PV Gas, Quy chế hoạt động của HDQT và các quy định của pháp luật. Việc giám sát, đôn đốc, kiểm tra của HDQT đã giúp Ban Điều

hành tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, hiệu quả, giúp cho PV Gas hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh 2012 một cách xuất sắc. HĐQT đã ban hành trên 165 nghị quyết/quyết định/chương trình hành động trong quản lý, điều hành. Cụ thể là:

- HĐQT đã ban hành mới/sửa đổi và ban hành lại để phù hợp với thực tế: Quy chế tài chính, Định mức kinh tế kỹ thuật trong vận hành và bảo dưỡng sửa chữa công trình khí, Quy chế quản lý hao hụt sản phẩm lỏng, Quy trình đấu giá LPG Dinh Cố, Quy chế trả lương trả thưởng của PV Gas,...
- Về công tác tái cấu trúc doanh nghiệp và niêm yết cổ phiếu: HĐQT đã chỉ đạo thành lập 4 chi nhánh theo quy định, giải thể Công ty CP Thể thao Văn hóa Dầu khí, bán toàn bộ phần vốn của PV Gas tại Công ty CP bình khí Dầu khí Việt Nam, niêm yết cổ phiếu PV Gas trên sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM vào ngày 21/5/2012.
- Về đầu tư xây dựng và hoạt động sản xuất kinh doanh: HĐQT đã thực hiện phân cấp mạnh mẽ cho Tổng giám đốc và các đơn vị, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thông qua Ban Kiểm soát PV Gas. Trong năm 2012, trên cơ sở kế hoạch được HĐQT phê duyệt, Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh tại 12 đơn vị (là các công ty trực thuộc và công ty cổ phần có vốn góp chi phối của PV Gas). Từ kết quả kiểm tra, Ban Lãnh đạo PV Gas đã có chỉ thị chấn chỉnh kịp thời đối với từng đơn vị. Về đầu tư xây dựng, HĐQT đã phê duyệt dự án đầu tư Hệ thống thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng - Thái Bình, đồng thời thực hiện nhiều chỉ đạo khác thông qua các nghị quyết/quyết định/các cuộc họp với Ban Điều hành đối với các dự án lớn B - Ô Môn, Nam Côn Sơn 2, nhà máy xử lý khí Cà Mau, thu gom khí mỏ Rồng, nhà máy sản xuất ống thép, kho chứa LPG lạnh tại Thị Vải....Kết quả là các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của PV Gas thực hiện theo đúng định hướng, đúng các qui định hiện hành, tiến độ các dự án được đảm bảo.
- Về hợp tác đầu tư và các thỏa thuận dài hạn: để phục vụ cho chiến lược phát triển ổn định, lâu dài, việc tìm kiếm, hợp tác với các khách hàng có tiềm lực về lĩnh vực khí/liên quan đến lĩnh vực khí là hết sức quan trọng và cấp thiết. Chính vì vậy, ngay trong năm 2012, một số nội dung hợp tác liên quan đến lĩnh vực này với đối tác nước ngoài (Tokyo Gas về LNG, Gazprom về LNG, Steel Flower và Busan City về sản xuất ống thép dầu khí) đã được HĐQT xem xét, chấp thuận, làm cơ sở cho Ban Điều hành triển khai tiếp.

Kế hoạch hoạt động năm 2013 của Hội đồng Quản trị

Theo dự báo, kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, tăng trưởng thấp. Những khó khăn chung của kinh tế thế giới sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam và đến hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam. Đối với PV Gas, nhiệm vụ đặt ra cũng hết sức nặng nề và khó khăn. Đó là, ngoài việc đảm bảo vận hành an toàn, cấp khí với sản lượng tối đa cho các hộ tiêu thụ, trong năm 2013 PV Gas còn phải tiếp tục triển khai một số dự án quan trọng với yêu cầu vốn lớn và liên quan đến nhiều bên. Với đặc điểm tình hình trong và ngoài nước cũng như của riêng PV Gas, để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2013, HĐQT xác định cần thực hiện một số

nội dung chính như sau:

- Tiếp tục tổ chức bộ máy HĐQT làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành;
- Tiếp tục tổ chức các phiên họp bất thường khi cần thiết để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời tham gia đầy đủ các phiên họp của Ban Điều hành theo quy định/được mời để cùng Ban Điều hành xử lý kịp thời các công việc;
- Đôn đốc, giám sát chặt chẽ việc triển khai các giải pháp đảm bảo phát triển bền vững trong toàn PV Gas mà HĐQT đã phê duyệt;
- Chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện tái cấu trúc PV Gas đến năm 2015 theo hướng gọn nhẹ và tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, hiệu quả;
- Chỉ đạo rà soát các dự án đầu tư, ưu tiên tập trung nguồn lực cho thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm;
- Chỉ đạo xây dựng và đưa vào áp dụng Văn hóa doanh nghiệp PV Gas, đảm bảo các hoạt động của PV Gas được thực hiện một cách chuyên nghiệp, xứng tầm;
- Chỉ đạo đẩy mạnh nghiên cứu, tìm kiếm thêm nguồn khí ở nước ngoài, bổ sung cho nguồn khí có hạn trong nước nhằm đảm bảo để PV Gas phát triển bền vững.



Mục tiêu phấn đấu năm 2013 là:

- Vận hành an toàn, hiệu quả các công trình khí hiện có, đảm bảo các dự án dự kiến đưa vào sử dụng trong năm 2013 đúng tiến độ.

- Cung cấp trên **9** tỷ m³ khí khô cho các hộ tiêu thụ.

- Đảm bảo sản lượng cung cấp LPG chiếm trên **70%** thị phần toàn quốc.

- Doanh thu toàn PV Gas đạt trên **55.000** tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế gần **11.000** tỷ đồng.

“Xứng đáng là đơn vị chủ lực của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và đạt được kỳ vọng của cổ đông PV Gas”.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tình hình và kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2012

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ PV Gas và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, năm 2012, Ban Kiểm soát đã tiến hành giám sát các hoạt động của PV Gas. Cụ thể như sau:

• Công tác kiểm tra, kiểm toán

- BKS đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2012, thống nhất với HĐQT và triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát tại 12 đơn vị (là các công ty trực thuộc và công ty cổ phần có vốn góp chi phối của PV Gas) và thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư 4 dự án; phản ánh những kết quả đạt được và những tồn tại, thiếu sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị; nêu kiến nghị, giải pháp khắc phục; báo cáo HĐQT sau mỗi đợt kiểm tra để HĐQT ban hành các chỉ thị đối với từng đơn vị;

- Công tác giám sát cũng được thực hiện thông qua các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, và thông qua kết quả kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý Nhà nước, của cấp trên, như: Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ Tài chính, các đoàn kiểm tra của PVN;

- Định kỳ hàng quý/năm, BKS lập báo cáo kiểm tra giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của PV Gas và báo cáo cơ quan cấp trên.

• Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2012

BKS đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn, minh bạch trong các báo cáo. Cụ thể như sau:

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế của PV Gas đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành; việc lập và nộp báo cáo đã theo đúng quy định Nhà nước, phản ánh tính đúng đắn và toàn diện hoạt động tài chính của PV Gas.

- Báo cáo tài chính năm 2012 của PV Gas đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của PV Gas tại thời điểm 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012.

- PV Gas đã tổ chức quản lý, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán theo đúng quy định.

- PV Gas đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM theo quy định của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Các chỉ số tài chính cho thấy tình hình tài chính năm 2012 của PV Gas là lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán, bảo toàn và phát triển vốn.



Ban Kiểm soát PV Gas

- Báo cáo tài chính năm 2012 của PV Gas đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán theo quy định tại Điều lệ PV Gas và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2012.

Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

• Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trên cơ sở chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh, HĐQT đã trình ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 của PV Gas; phê duyệt các giải pháp thực hiện của năm 2012 và các năm tiếp theo để đảm bảo sự phát triển bền vững của PV Gas, bao gồm: Giải pháp về các lĩnh vực nguồn và thị trường tiêu thụ khí; Giải pháp về khoa học công nghệ và sản xuất; Giải pháp về kinh doanh; Giải pháp về đầu tư xây dựng; Giải pháp về tổ chức nhân sự, đào tạo, lao động, tiền lương; Giải pháp về quản lý.

- HĐQT đã ban hành 165 nghị quyết/quyết định/chương trình hành động liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và tổ chức nhân sự theo đúng quy định hiện hành và Điều lệ PV Gas. HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc và các phòng, ban chức năng, đơn vị của PV Gas điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, và đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ phê duyệt.

- HĐQT đã thực hiện nghiêm túc việc sắp xếp, ổn định hoạt động của PV Gas theo mô hình công ty cổ phần, đồng thời thực hiện thành công việc giao dịch chính thức trên sàn chứng khoán Tp.HCM vào ngày 21/05/2012; đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục; thực hiện tái cấu trúc PV Gas.

- HĐQT đã phát triển công tác thúc đẩy các hoạt động hợp tác, tìm kiếm cơ hội đầu tư trong và ngoài nước nhằm tìm thêm các nguồn khí, đối tác kinh doanh (với Tokyo Gas về LNG, Gazprom về LNG, Steel Flower và Busan City về sản xuất ống thép dầu khí).

- Trên cơ sở các thoả thuận hợp tác đã ký kết, PV Gas tiếp tục duy trì mối quan hệ với các đối tác nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư.

• **Hoạt động của Ban Tổng giám đốc**

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai, chỉ đạo các đơn vị, phòng, ban chức năng phối hợp thực hiện nghiêm túc các nghị quyết/quyết định/chỉ thị của HĐQT và cố gắng khắc phục các khó khăn, có những biện pháp điều hành sát sao và đã hoàn thành xuất sắc vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012.

- Ban Tổng giám đốc đã rà soát, đánh giá lại hiệu quả các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án trọng điểm để quyết định đẩy nhanh/dừng hay giãn tiến độ và chỉ tiến hành đầu tư khi có hiệu quả; đồng thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án khác đang triển khai nhằm đảm bảo thực hiện đúng tiến độ.

- Ban Tổng giám đốc thường xuyên làm việc với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị.

- Công tác tuyển dụng tại PV Gas thực hiện theo đúng quy trình, quy chế về tuyển dụng, đúng nhu cầu cần thiết cho công việc. Công tác đào tạo và phát triển nguồn lực có nhiều chuyển biến tích cực và được quán triệt đến từng công ty trực thuộc, thành viên, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Về tiền lương và chế độ chính sách: Ban Tổng giám đốc đã thực hiện việc nâng/điều chỉnh lương kịp thời cho CBCNV khi đến thời hạn, chi trả lương theo đúng quy định, quy chế hiện hành, đảm bảo ổn định thu nhập của người lao động.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc



- Giữa BKS và HĐQT, Ban Tổng giám đốc PV Gas luôn có sự phối hợp chặt chẽ. BKS đã nhận được sự hợp tác, tạo điều kiện từ HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp thông tin, tài liệu, cử cán bộ làm việc với BKS khi có yêu cầu. Các báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát của BKS đều được gửi tới HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát trong năm 2013

Để thực hiện tốt công tác kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PV Gas, BKS xây dựng nội dung kế hoạch làm việc năm 2013 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của PV Gas, tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT PV Gas;

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của PV Gas;

- Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế, quy trình quản lý nội bộ của PV Gas;

- Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư của PV Gas;

- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính quý, năm của PV Gas;

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên BKS tại các đơn vị, với bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát;

- Cử các thành viên trong BKS tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia đầy đủ các hội nghị chuyên ngành liên quan đến công tác kiểm soát.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012

Kinh tế tiếp tục gặp nhiều khó khăn, điều kiện tín dụng bị thắt chặt, thị trường tiêu thụ giảm sút làm nhiều doanh nghiệp giảm, thậm chí dừng sản xuất kinh doanh; theo đó, liên quan trực tiếp đến PV Gas là nhu cầu khí của các nhà máy điện – khách hàng chính của PV Gas không tăng nhiều, giá CP trung bình cao hơn năm 2011 8%, biến động liên tục với biên độ dao động rộng hơn,... là những trở ngại nổi bật đối với PV Gas trong năm 2012.

Chủ động nhìn nhận, đánh giá được những trở ngại này, tập thể lãnh đạo và người lao động PV Gas càng quyết liệt hơn trong quản lý, điều hành, càng nhiệt tình, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh để giảm thiểu những tác động xấu của trở ngại, tiếp tục phát huy các thế mạnh để không chỉ tăng trưởng mà còn phát triển bền vững. Kết quả là, PV Gas đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2012 đã được ĐHĐCĐ thông qua và tăng trưởng so với năm 2011; về đích sớm trước 4 tháng đối với chỉ tiêu lợi nhuận, nộp ngân sách và trước 2 tháng đối với chỉ tiêu doanh thu, sản lượng LPG; đạt doanh thu và lợi nhuận vượt trội, cao nhất kể từ khi thành lập đến nay; giữ vững vị trí là một trong số những đơn vị dẫn đầu của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và trên sàn giao dịch chứng khoán về lợi nhuận; đứng thứ 12 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR500. Công tác an toàn, chất lượng, sức khỏe, môi trường và thanh tra bảo vệ trở nên ngày càng chuyên nghiệp hơn, đáp ứng thêm nhiều tiêu chuẩn quốc tế, không chỉ trong nội bộ PV Gas, mà còn cả trong ý thức và thực hành của các hộ dân, ngư dân sinh sống gần các công trình khí. Nhờ vậy, năm 2012, PV Gas đạt trên 6 triệu giờ làm việc an toàn, vận hành hệ thống khí ổn định, liên tục, góp phần sản xuất và cung cấp 9.173 triệu m³ khí cho nhà máy điện, đạm, khách hàng tiêu thụ khí thấp áp, bằng 104% kế hoạch, tăng 8% so với năm 2011 và đáp ứng nguồn nguyên, nhiên liệu để sản xuất 40% sản lượng điện, 70% sản lượng phân đạm cả nước. Sản xuất và kinh doanh LPG tiếp tục duy trì ở mức cao và hiệu quả, đạt gần 1,3 triệu tấn LPG và chiếm trên 70% thị phần LPG cả nước, càng khẳng định vai trò là nhà sản xuất và kinh doanh LPG hàng đầu tại Việt Nam của PV Gas. Công tác đầu tư xây dựng được triển khai tích cực với việc thường xuyên rà soát, cập nhật, đánh giá lại dự án, kịp thời điều chỉnh phương án đầu tư phù hợp với tình hình thực tế để duy trì và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án. Các công trình kho chứa LPG lạnh, kho chứa LNG, đường ống dẫn khí lô B – Ô Môn, Nam Côn Sơn 2, Hàm Rồng – Thái Bình, Thăng Long – Đông Đô, Rồng,... đang dần hình thành lên mỗi ngày trên các bản vẽ thiết kế, ngoài công trường, là tiền đề để PV Gas tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao vị thế của PV Gas trong ngành công nghiệp khí Việt Nam. Tinh thần làm việc hăng say, vượt khó, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất lan truyền đến mỗi người lao động để cùng chung tay góp sức xây dựng thương hiệu PV Gas ngày càng vững bước vào thị trường khí khu vực và thế giới.



Ban Tổng giám đốc PV Gas

Kết quả nổi bật đạt được

• **An toàn, chất lượng, sức khỏe, môi trường và thanh tra bảo vệ**

Công nghiệp khí là một ngành có kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, phòng chống cháy nổ. Do đó, công tác an toàn, chất lượng, sức khỏe, môi trường và thanh tra bảo vệ (AT-CL-SK-MT-TTBV) luôn là mối quan tâm hàng đầu của PV Gas với phương châm “Sản xuất phải an toàn, an toàn để sản xuất”.

Nhờ vậy, năm 2012 PV Gas đạt trên 6 triệu giờ làm việc an toàn với rất nhiều chương trình, hoạt động chuyên nghiệp, thường xuyên về AT-CL-SK-MT-TTBV như: tiếp tục áp dụng và duy trì hệ thống quản lý tích hợp AT-CL-SK-MT theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008, ISO 14001:2004 tại từng đơn vị, bộ phận trong toàn PV Gas; duy trì công tác đào tạo nội bộ và bên ngoài về AT-CL-SK-MT-TTBV cho CBCNV, đặc biệt là lực lượng lao động trực tiếp sản xuất, và huấn luyện cho tất cả các nhân viên của nhà thầu và khách tham quan; 100% các công trình khí đều được xây dựng các phương án an ninh - an toàn - phòng chống cháy nổ - bảo vệ (AN-AT-PCCN-BV), được cơ quan quản lý Nhà nước cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy chữa cháy và an ninh trật tự; hiện đại hóa Văn phòng ứng cứu khẩn cấp, duy trì chế độ liên lạc 24/24h và thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin với Ban Chỉ đạo Ứng cứu Khẩn cấp (ƯCKC) của PVN, các cơ quan quản lý Nhà nước, chính quyền địa phương nơi có các công trình khí; tổ chức diễn tập “Xử lý thông tin ứng phó sự cố tràn dầu đường ống dẫn khí Bạch Hổ ngoài khơi” với sự tham gia của các lực lượng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu như: Sở NN & PTNT, Sở TNMT, BCH Quân sự, BCH Bộ đội biên phòng, Công an Tỉnh, Trung tâm tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực III, Cảng vụ Vũng Tàu, Văn phòng ƯCKC PVN và PV Gas; tổ chức hội thi AN-AT-SK-MT-PCCC qui mô lớn với nội dung thi khó và đa dạng hơn năm trước, gắn liền với thực tế như triển khai chữa cháy trên cao, cứu người bị nạn trong không gian kín, xử lý các tình huống ứng cứu phức tạp dùng thiết bị thở, quần áo chống cháy và đã được Cục Cảnh sát PCCC - Bộ Công an đánh giá cao về

công tác tuyên truyền, thực tập, đảm bảo mỗi người lao động là một chiến sỹ PCCC; cử các đội PCCC cơ sở tham gia các Hội thao PCCC do Công an PCCC tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai tổ chức và đều đạt giải nhì, giải ba toàn đoàn; ký kết các quy chế phối hợp với các lực lượng công an, bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Cà Mau, Đồng Nai, Tp.HCM – nơi có công trình khí đi qua để cùng chính quyền địa phương phối hợp đảm bảo AN-AT-PCCN cho công trình; phát 750 tờ rơi tuyên truyền, ký cam kết với 200 hộ dân và tổ chức truyền thông cho 2.900 người dân sống xung quanh công trình khí trên bờ, tăng hơn 14% so với năm 2011, phát 23.300 tờ rơi và tổ chức truyền thông cho 10.910 ngư dân 12 tỉnh miền Tây và miền Trung có hoạt động đánh bắt hải sản gần đường ống biển, tăng 11% so với năm 2011;...

Năm 2012, PV Gas và nhiều đơn vị, cá nhân thuộc PV Gas tự hào được Bộ Công an tặng Bằng khen vì thành tích xuất sắc trong 10 năm thực hiện Luật PCCC, Bộ Công Thương tặng thưởng Bằng khen vì thành tích xuất sắc trong công tác AT-VSLD-PCCN.

• Sản xuất kinh doanh

Vận hành hệ thống khí an toàn, ổn định, liên tục, sản xuất và cung cấp 9.173 triệu m³ khí, bằng 104% kế hoạch, tăng 8% so với năm 2011. Bảo dưỡng sửa chữa đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2012, mặc dù có mưa lũ nhiều, là điều kiện thuận lợi cho EVN huy động thủy điện nhiều hơn, làm giảm nhu cầu khí của các nhà máy điện (sử dụng nhiên liệu khí); đồng thời, sản lượng khí mỏ Bạch Hổ tiếp tục giảm theo thời gian; một số mỏ ở thượng nguồn dừng cấp khí để bảo dưỡng sửa chữa, khắc phục sự cố, làm ảnh hưởng đến sản lượng khí về bờ, song PV Gas đã nỗ lực, linh hoạt áp dụng chế độ vận hành tối ưu, ổn định, điều độ khí hợp lý để vận hành hệ thống khí an toàn, ổn định, liên tục, sản xuất và cung cấp 9.173 triệu m³ khí, bằng 104% kế hoạch, tăng 8% so với năm 2011, bao gồm 6.215 triệu m³ khí Nam Côn Sơn, 1.056 triệu m³ khí Cửu Long và 1.902 triệu m³ khí PM3 cấp cho các nhà máy điện, đạm và khách hàng tiêu thụ khí thấp áp, đáp ứng nguồn nguyên, nhiên liệu để sản xuất 40% sản lượng điện, 70% sản lượng phân đạm. Dịch vụ vận chuyển khí và Condensate Nam Côn Sơn đáp ứng yêu cầu của khách hàng, bao gồm vận chuyển 6.215 triệu m³ khí và toàn bộ Condensate Nam Côn Sơn, hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu dịch vụ vận chuyển.

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm lỏng tiếp tục duy trì ở mức cao và hiệu quả.

- Về sản xuất: với sáng kiến cải tiến trong vận hành Nhà máy xử lý khí Dinh Cổ, PV Gas đã tối ưu hóa sản lượng sản phẩm lỏng sản xuất được, đạt 266.712 tấn LPG, bằng 126% kế hoạch và 60.393 tấn Condensate, bằng 121% kế hoạch.

- Về kinh doanh: nhu cầu tiêu thụ LPG của thị trường Việt Nam bị ảnh hưởng khá nhiều bởi sự suy giảm của hoạt

động sản xuất công nghiệp nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung; giá CP trung bình cao hơn so với năm 2011 8%, biến động liên tục với biên độ dao động rộng hơn (CP cao nhất tháng 3 tăng lên 1.205 USD/tấn, CP thấp nhất tháng 7 giảm còn 598 USD/tấn), đã tác động xấu đến tâm lý tiêu dùng, thậm chí có không ít người tiêu dùng chuyển sang sử dụng nhiên liệu thay thế khác; nhà máy lọc dầu Dung Quất ngưng cung cấp LPG kéo dài trong tháng 5 và đầu tháng 6, đột xuất trong tháng 8; hoạt động nhập khẩu và kinh doanh quốc tế LPG gặp nhiều thách thức do biến động giá lớn. Các yếu tố trên đã làm cho thị trường LPG Việt Nam trải qua một năm nhiều sóng gió. Nhưng, nhờ thực hiện tốt công tác dự báo giá cả, thị trường, nhờ có hệ thống kho chứa rộng khắp, đồng thời áp dụng chính sách bán hàng hợp lý, nên hoạt động kinh doanh LPG tiếp tục được duy trì ở mức cao và hiệu quả, cung cấp ra thị trường trong và ngoài nước 1.027.044 tấn LPG, bằng 118% kế hoạch, đạt gần 1,3 triệu tấn nếu tính cả sản lượng LPG của PV Gas South và PV Gas North sau khi đã trừ phần trùng, chiếm trên 70% thị phần LPG toàn quốc. Đối với Condensate, toàn bộ 61.439 tấn Condensate do Nhà máy xử lý khí Dinh Cổ sản xuất đã được cung cấp cho khách hàng sản xuất xăng.

• Đầu tư và xây dựng

Triển khai tích cực công tác đầu tư xây dựng, thường xuyên rà soát, cập nhật, đánh giá lại dự án, kịp thời điều chỉnh phương án đầu tư phù hợp với tình hình thực tế để duy trì và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án.

Đầu tư xây dựng thêm các công trình khí mới là tiền đề để PV Gas tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao vị thế của PV Gas trong ngành công nghiệp khí Việt Nam. Vì vậy, song song với hoạt động vận hành, sản xuất, kinh doanh 24/24h, các công trình khí mới của PV Gas đang tiếp tục được hình thành từ những ý tưởng mới mẻ đến những bản dự án đầu tư, thiết kế chuyên ngành và hoạt động xây dựng, lắp đặt khẩn trương tại công trường. Năm 2012, PV Gas đã thực hiện quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp để chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư 13 dự án nhóm A, B bằng việc phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các đơn vị, lập tiến độ triển khai cụ thể, tổ chức giao ban thường xuyên tại công trường, phối hợp chặt chẽ với nhà thầu, thu xếp vốn kịp thời theo tiến độ dự án,... Vì vậy, hầu hết các dự án đều đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình,...; giải ngân được 3.044 tỷ đồng, trong đó, cơ bản hoàn thành kho chứa LPG lạnh; triển khai thực hiện hợp đồng EPC hệ thống thu gom khí Hàm Rồng – Thái Bình; hoàn thành thiết kế kỹ thuật tổng thể kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải; tiếp tục triển khai đền bù, giải phóng mặt bằng, khảo sát, thiết kế kỹ thuật tổng thể, lập dự toán ,... đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2, lô B – Ô Môn, nhà máy xử lý khí Cà Mau; phê duyệt dự án đầu tư hệ thống thu gom khí Thăng Long – Đông Đô, Rồng giai đoạn 1; hoàn thành lập dự án đầu tư hệ thống kho cảng tiếp nhận và phân phối LNG nhập khẩu tại Sơn Mỹ và báo cáo quyết toán vốn đầu tư 7 công trình.

• Nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật

Hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật ngày càng có tính thực tiễn cao, đem lại lợi ích kinh tế thiết thực, tức thời cũng như chuẩn bị cho hoạt động sản xuất kinh doanh mới của PV Gas trong những năm tiếp theo.

Để chuẩn bị cho hoạt động sản xuất kinh doanh mới của PV Gas trong những năm tiếp theo, PV Gas hiện đang triển khai nghiên cứu và hoàn thành 3 trong 6 đề tài nghiên cứu khoa học về sử dụng phương pháp mới để thu gom khí các mỏ nhỏ; sản xuất, phân phối khí và sản phẩm khí từ nguồn khí mỏ Cá Voi Xanh; tiêu chuẩn đo đếm hệ thống cung cấp khí dân dụng cho các đô thị;...

Trong năm, nhiều phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất được toàn thể CBCNV PV Gas hưởng ứng sôi nổi và phát huy hiệu quả, thể hiện qua các con số sau đây: 93 sáng kiến được Công đoàn PV Gas và PV Gas công nhận, trong đó có 82 sáng kiến đã được áp dụng vào thực tế, làm lợi cho PV Gas trên 16,6 triệu USD và 5,8 tỷ đồng.

• Tổ chức, nhân sự

Duy trì cơ cấu tổ chức và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực hiện có cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bước sang năm thứ hai hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, PV Gas vẫn duy trì cơ cấu tổ chức gồm ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, 15 Ban chuyên môn; 10 công ty trực thuộc trực tiếp sản xuất kinh doanh, thực hiện dự án đầu tư; và 8 công ty thành viên, 2 công ty liên kết hoạt động trong các ngành nghề liên quan do PV Gas đã sắp xếp lại cơ cấu tổ chức khi trở thành công ty cổ phần vào năm 2011 theo hướng chuyên môn hóa ngành nghề, lĩnh vực hoạt động, phân vùng thị trường kinh doanh, và cơ cấu này vẫn phù hợp với hoạt động hiện nay của PV Gas.

PV Gas cũng không có thay đổi nào về nhân sự đảm nhiệm các chức danh: Thành viên trong HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

Tính đến ngày 31/12/2012, tổng số CBCNV tại cơ quan điều hành, các công ty trực thuộc và thành viên là 3.386 người; trong đó công ty mẹ là 1.274 người, chỉ tăng 29 người so với năm 2011, nhưng PV Gas vẫn quản lý, điều hành và lao động với năng suất lao động cao hơn, đem lại lợi nhuận vượt trội cho PV Gas. Nhờ vậy, người lao động xứng đáng được hưởng tiền lương, thu nhập ổn định và các chế độ đãi ngộ khác.

Thù lao, lương thưởng của HĐQT và Ban Kiểm soát thực chi trong năm 2012 theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ.

• Tài chính

PV Gas đạt được doanh thu và lợi nhuận cao nhất kể từ khi thành lập đến nay, tình hình tài chính lành mạnh, tăng trưởng; niềm yết thành công cổ phiếu của PV Gas tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM.

Công ty mẹ:

Doanh thu: đạt 60.109 tỷ đồng, bằng 115% kế hoạch và tăng 5% so với năm 2011. Doanh thu khí khô tiếp tục tăng so với năm 2011, phù hợp với lộ trình tăng giá bán khí trong nước, dần tiếp cận với giá thế giới. Giá bán LPG bình quân tăng nhanh hơn so với tốc độ tăng của giá CP và cũng cao hơn so với năm 2011, mặc dù thị trường LPG Việt Nam trải qua một năm nhiều sóng gió, nhiều doanh nghiệp lở trong kinh doanh LPG khi giá CP biến động tăng cao, giảm sâu liên tục. Doanh thu các dịch vụ khác cũng có sự tăng trưởng ổn định.

Lợi nhuận: vượt qua mọi mong đợi mà ĐHĐCĐ giao cho PV Gas (6.196 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, 5.093 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế), khép lại năm 2012 là con số lợi nhuận lớn nhất từ khi thành lập đến nay: 12.007 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, 9.901 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, bằng 194% kế hoạch, tăng 72% so với năm 2011. Con số cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas đang trong giai đoạn rất ổn định, quyền lợi của PV Gas và cổ đông được đảm bảo hơn từ lộ trình tăng giá bán khí trong nước, dần tiếp cận với giá thế giới. PV Gas đã duy trì được mức chi phí hoạt động tương đối ổn định, không những thế lại còn tiết giảm được trên 16,6 triệu USD và 5,8 tỷ đồng từ việc phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Bên cạnh đó, năm 2012, PV Gas hầu như không có lỗ do chênh lệch tỷ giá. Các yếu tố trên cùng với sự tăng sản lượng so với kế hoạch năm 2012 và số thực hiện năm 2011 đã giải thích nguyên nhân đạt được lợi nhuận cao về mặt con số. Ngoài ra, một nguyên nhân quan trọng khác chính là yếu tố con người – đội ngũ cán bộ quản lý và lực lượng lao động của PV Gas.

Các chỉ số tài chính khác: ROA, ROE, EPS, P/E, tổng tài sản, vốn chủ sở hữu, hệ số thanh toán...tăng trưởng tốt.

Thu xếp vốn: được triển khai tích cực, bám sát tiến độ của từng dự án và có kết quả tốt nhờ uy tín của PV Gas và hiệu quả kinh tế của các dự án đầu tư có nhu cầu vốn vay, mặc dù tình hình kinh tế khó khăn, điều kiện tín dụng thắt chặt. Nhờ vậy, PV Gas đã thu xếp xong vốn cho dự án hệ thống thu gom khí Hàm Rồng - Thái Bình; sẽ thu xếp xong vốn cho dự án kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải trong quý I/2013 và hai dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2, lô B – Ô Môn trong năm 2013.

Đầu tư tài chính: hoạt động các công ty cổ phần có phần vốn góp của PV Gas ít nhiều bị ảnh hưởng bởi những khó khăn của nền kinh tế. Tuy nhiên, nhờ nền tảng kinh doanh vững chắc nên các công ty này vẫn duy trì được lãi trong kinh doanh. Các công ty PV Gas D, PV Gas South, PV Gas North vẫn thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư tại thị trường niêm yết. Do đó, hoạt động đầu tư tài chính vẫn đem lại lợi nhuận cho PV Gas. Ngoài ra, PV Gas cũng đã nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần của PV Gas tại PV Pipe từ 85% lên 94%.

PV Gas hợp nhất:

Mặc dù thị trường tiêu thụ bị thu hẹp do ảnh hưởng từ nền kinh tế khó khăn, nhưng các công ty thành viên và liên kết của PV Gas cũng đã nỗ lực duy trì được lãi trong kinh doanh, cùng với Công ty mẹ gặt hái kết quả tài chính vượt trội, với doanh thu hợp nhất 68.420 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất 12.350 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hợp nhất 10.102 tỷ đồng.

Tổng tài sản

Tổng tài sản của PV Gas năm 2012 là 45.146 tỷ đồng. Tỷ lệ tăng trưởng tổng tài sản bình quân từ năm 2010 đến năm 2012 là 7%/năm, là mức tăng tài sản tương đối lớn đối với những doanh nghiệp có tổng tài sản lớn như PV Gas.

Tài sản dài hạn trong tổng tài sản của PV Gas giảm nhẹ so với năm 2011. Tỷ trọng giá trị tài sản dài hạn cao hơn tỷ trọng giá trị tài sản ngắn hạn là an toàn và phù hợp với lĩnh vực hoạt động công nghiệp của PV Gas - sản xuất và kinh doanh khí và sản phẩm khí.

Cơ cấu tài sản

	2010	2011	2012
TS ngắn hạn/ Tổng TS	0,41	0,42	0,45
TS dài hạn/ Tổng TS	0,59	0,56	0,54

Vốn chủ sở hữu

Vốn của PV Gas trong những năm qua tăng nhanh. Vốn chủ sở hữu năm 2012 đạt 27.191 tỷ đồng, tăng 3.711 tỷ đồng, tương đương mức tăng 15,8% so với năm 2011, trong đó vốn điều lệ là 18.950 tỷ đồng. Tỷ lệ tăng trưởng vốn chủ sở hữu bình quân từ năm 2010 đến năm 2012 là 11%/năm.

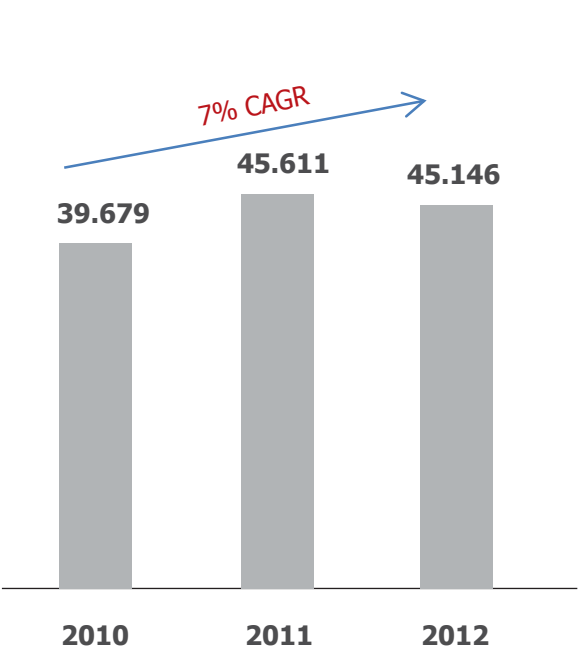
Mặc dù PV Gas là doanh nghiệp sản xuất với chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng rất lớn, nhưng tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn lớn hơn 50% và có xu hướng tăng, đạt 60% trong năm 2012.

-> Lợi nhuận để tái đầu tư của PV Gas lớn và khả năng tự chủ về nguồn vốn để đầu tư của PV Gas cao.

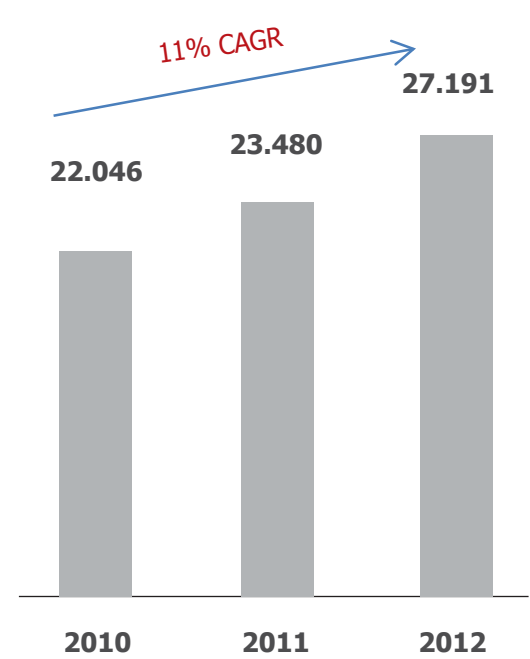
Cơ cấu nguồn vốn

	2010	2011	2012
Nợ phải trả/Tổng NV	0,43	0,45	0,36
VCSH/Tổng NV	0,56	0,51	0,6

Tổng tài sản (Tỷ đồng)



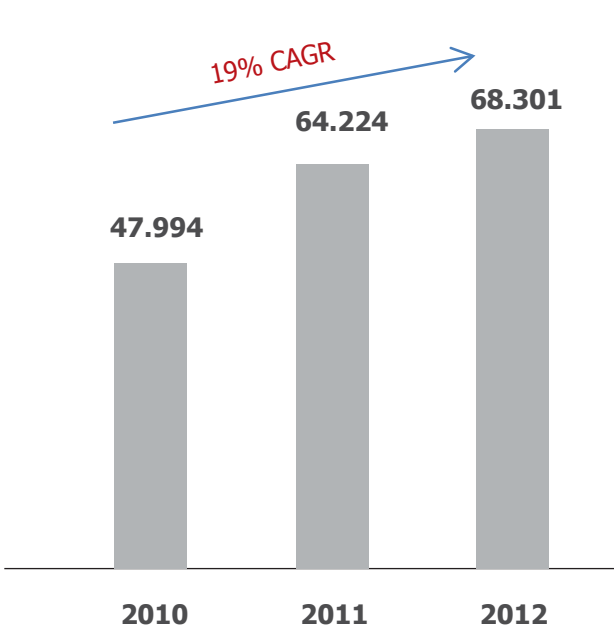
Vốn chủ sở hữu (Tỷ đồng)



Doanh thu thuần

Doanh thu thuần năm 2012 đạt 68.301 tỷ đồng, tăng 4.077 tỷ đồng, tương đương mức tăng 6,3% so với năm 2011. Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu thuần bình quân giai đoạn 2010-2012 đạt 19%/năm.

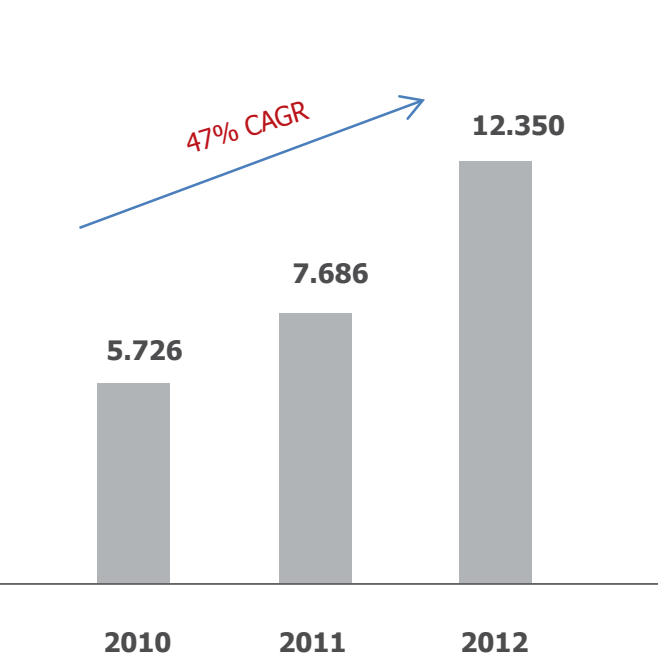
Doanh thu thuần (Tỷ đồng)



Lợi nhuận trước thuế

Lợi nhuận trước thuế năm 2012 đạt 12.350 tỷ đồng, tăng 4.665 tỷ đồng so với năm 2011, tương đương mức tăng 60,7%. Tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân từ năm 2010 đến 2012 đạt 47%/năm. Lợi nhuận trước thuế năm 2012 tăng mạnh do sản lượng khí khai thác năm 2012 tăng 669 triệu m³ khí so với năm 2011 và giá khí bình quân bán cho khách hàng tăng so với năm 2011.

LNTT (Tỷ đồng)



Khả năng sinh lời

Hiệu quả kinh doanh của PV Gas tốt và tăng trưởng hàng năm cao ngay cả khi kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn như trong năm 2011 và 2012. Việc sử dụng vốn chủ sở hữu và tài sản của PV Gas đạt hiệu quả cao được thể hiện qua các chỉ số về khả năng sinh lời tăng trưởng tốt so với năm 2010 và 2011.

	2010	2011	2012
LN trước thuế/Tổng doanh thu	12%	12%	18%
LN sau thuế/Tổng doanh thu	10%	10%	15%
Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản (ROA)	16%	15%	22%
Lợi nhuận ròng/Vốn CSH (ROE)	33%	28%	40%
EPS (đồng)			5.167
P/E			7,47

Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh trong năm 2012 của PV Gas đều ở mức tốt và cao hơn so với năm 2010 và 2011. Nguyên nhân là do trong năm 2012, các khoản nợ phải trả của PV Gas giảm, trong khi lợi nhuận tăng dẫn đến tài sản ngắn hạn tăng.

	2010	2011	2012
Hệ số TT hiện hành: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,66	1,86	2,53
Hệ số TT nhanh: (Giá trị TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,57	1,76	2,33

Với hệ số khả năng thanh toán như trên cho thấy năng lực tài chính của PV Gas tốt, khả năng thanh toán các khoản nợ tốt và không gặp khó khăn về tài chính khi các khoản nợ đến hạn.

Vòng quay các khoản phải thu, hàng tồn kho

	2010	2011	2012
Vòng quay các khoản phải thu	8,55	8,94	11,08
Thời gian quay vòng khoản phải thu (ngày)	42,69	40,81	32,93
Vòng quay hàng tồn kho	40,27	55,70	39,96
Thời gian quay vòng hàng tồn kho (ngày)	9,06	6,55	9,13

Vòng quay các khoản phải thu năm 2012 đạt 11,08 vòng (tương đương 33 ngày/vòng quay). Tỷ lệ này phù hợp với chính sách bán hàng của PV Gas cũng như thể hiện tình hình thu nợ ngày càng tốt hơn với số ngày của 1 vòng quay giảm dần qua các năm. Để đạt được hiệu quả trong việc thu hồi nợ phải thu, PV Gas luôn tăng cường công tác thu hồi nợ, phân tích tuổi nợ, phân loại và lựa chọn khách hàng để hạn chế tối đa nợ xấu.

Vòng quay hàng tồn kho trong năm 2012 là 39,96 vòng (tương đương 9 ngày/vòng quay), giảm nhẹ so với năm 2011. Trong giai đoạn 2010-2012, vòng quay hàng tồn kho của PV Gas biến động không theo xu hướng nhất

định là do đặc thù kinh doanh LPG của PV Gas. Hoạt động kinh doanh LPG của PV Gas là hoạt động thương mại, theo đó, trong trường hợp PV Gas nhập LPG vào thời điểm cuối năm tài chính thì số dư hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm sẽ cao (do PV Gas chưa kịp bán được nhiều LPG), còn trong trường hợp PV Gas nhập LPG vào thời điểm trước thời điểm kết thúc năm khoảng 20-30 ngày, thì khi đó số dư hàng tồn kho LPG sẽ thấp. Trong hoạt động kinh doanh LPG, PV Gas đã lập 1 tổ công tác LPG để thường xuyên theo dõi giá LPG cũng như xác định cung - cầu thị trường theo tháng để đảm bảo việc nhập khẩu và tiêu thụ LPG đạt hiệu quả, không để tình trạng ứ đọng hàng tồn kho.

Các chỉ số tài chính khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) năm 2012 của PV Gas là 5.167 đồng/cổ phiếu, hệ số P/E đạt 7,47.

	2012
EPS (đồng)	5.167
P/E	7,47





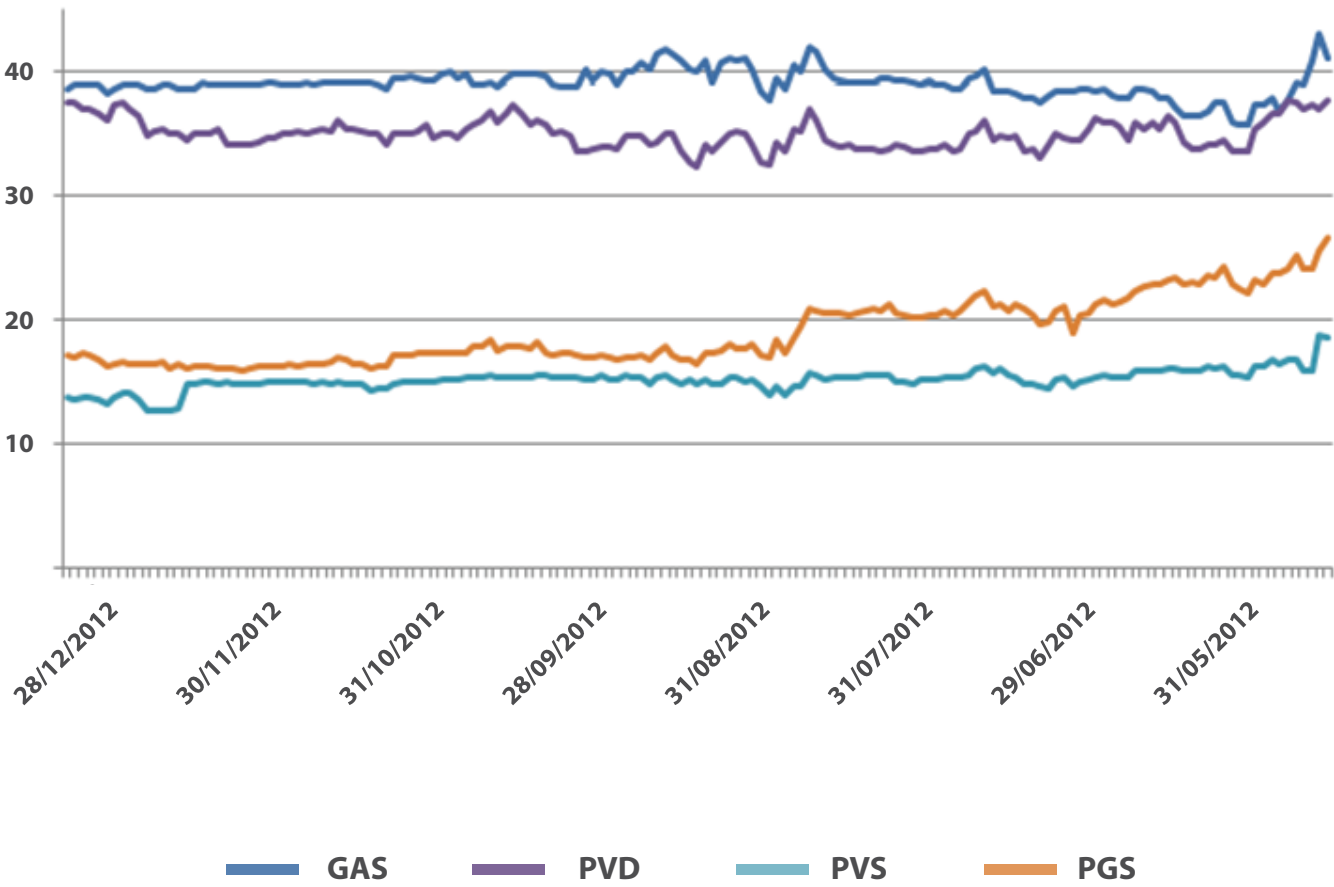
CỔ ĐÔNG

Ngày 21/05/2012 đã đánh dấu sự hiện diện cổ phiếu PV Gas - GAS trên sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM - bước chuyển mình mới của PV Gas, góp phần nâng cao khả năng huy động vốn, năng lực tài chính, đổi mới công nghệ của ngành khí nổi riêng và ngành Dầu khí Việt Nam nói chung. Kể từ khi cổ phần hóa và niêm yết đến nay, mã chứng khoán GAS trở thành một trong những cổ phiếu tốt trên thị trường, thu hút sự quan tâm của đông đảo nhà đầu tư trong và ngoài nước.

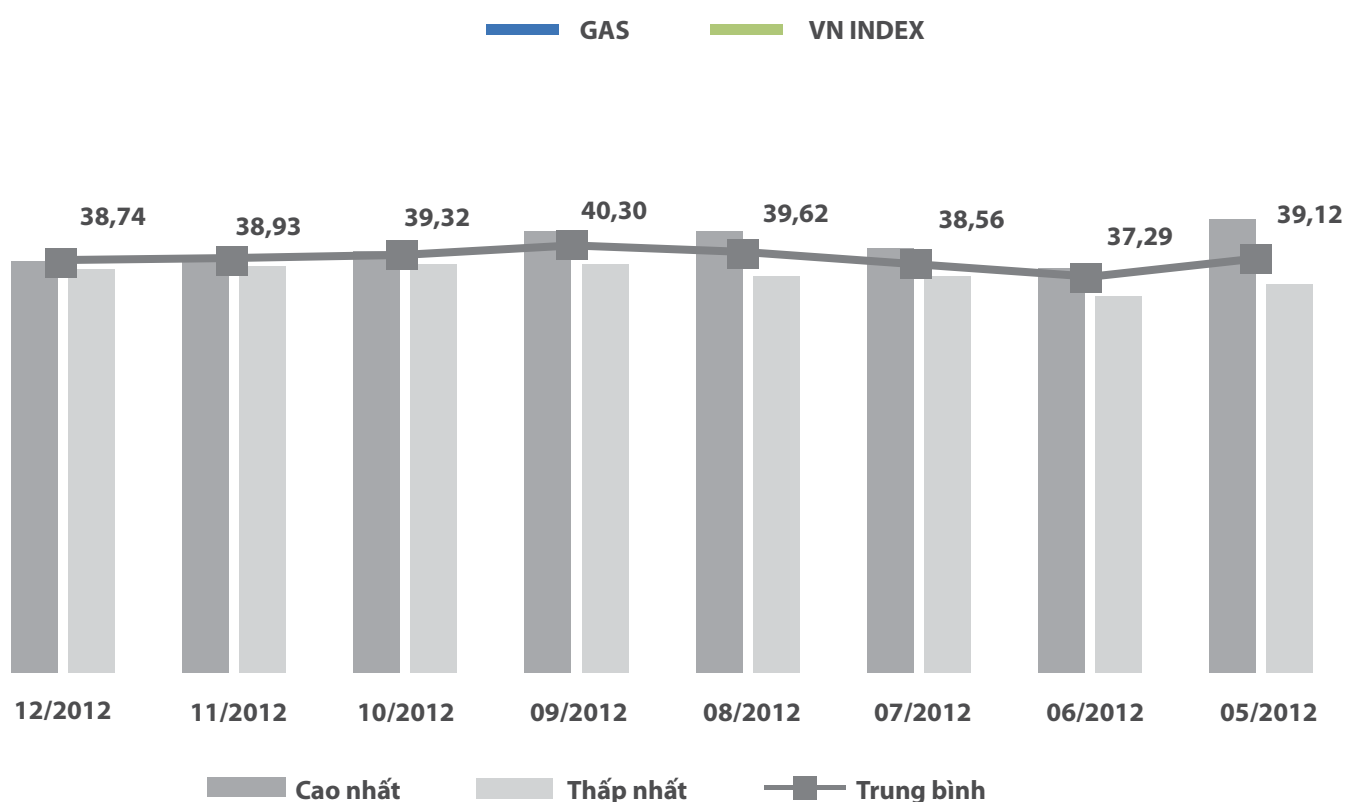
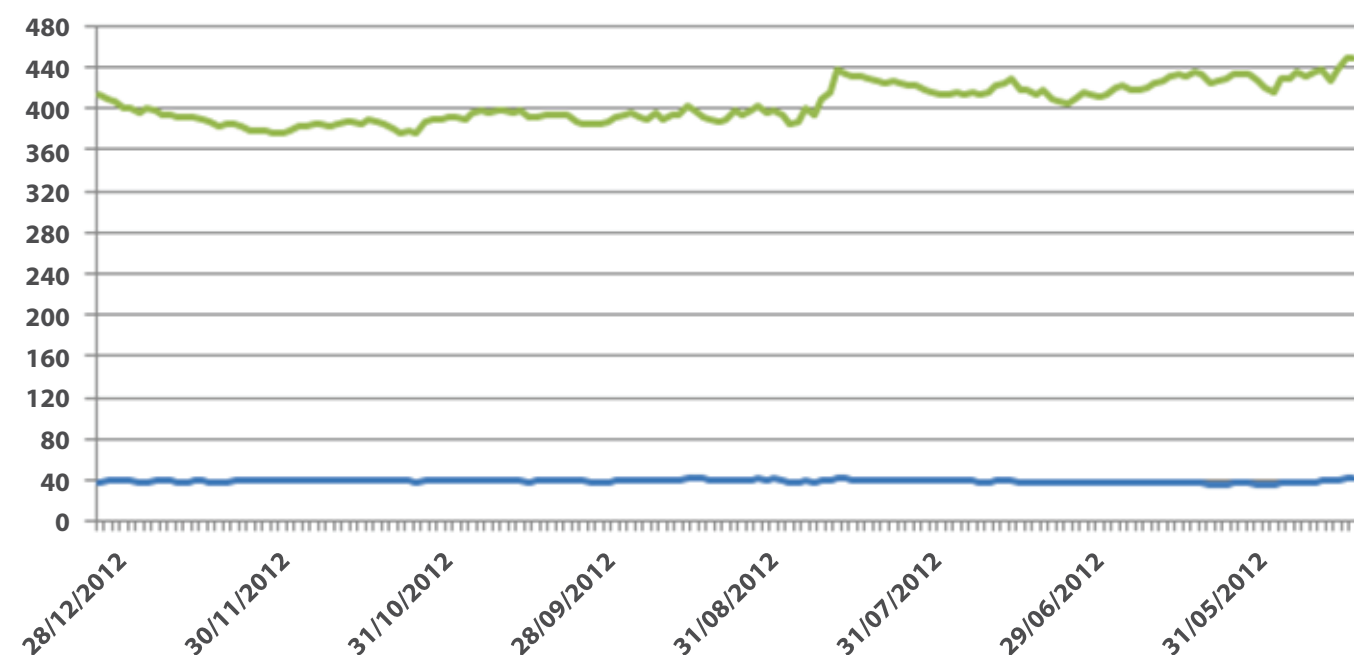
Giá cổ phiếu

Với giá trị vốn hóa thị trường trên 70 nghìn tỷ đồng vào ngày 28/12/2012, là một thành viên bộ chỉ số VN Index và PVN Index – bộ chỉ số đi vào hoạt động từ tháng 07/2012 (là thước đo hoạt động kinh doanh của PVN và các công ty thành viên PVN niêm yết trên thị trường chứng khoán), hiện nay GAS đang **là một trong những cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất thị trường và là cổ phiếu mạnh nhất trong họ PetroVietnam.**

Giá cổ phiếu phiên đóng cửa của PV Gas so với một số đơn vị thành viên của PVN từ ngày 21/05/2012 đến ngày 28/12/2012



Giá cổ phiếu trung bình tháng, giá cổ phiếu đóng cửa cao nhất và thấp nhất tháng



Giá cổ phiếu của PV Gas trong 6 tháng vừa qua dao động quanh ngưỡng 39.000 đồng/cp. Từ ngày 31/05/2012 đến ngày 28/12/2012, giá trị cổ phiếu GAS tăng 3,76%, trong khi đó VN Index giảm 3,6% và luôn giữ ở mức cao so với các đơn vị thành viên khác trong PVN. Biến động tài chính toàn cầu, bất ổn kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước mặc dù đã ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường chứng khoán Việt Nam, song không làm ảnh hưởng nhiều đến cổ phiếu GAS. Tình hình sản xuất kinh doanh tốt, cạnh tranh bền vững, thực trạng và tương lai PV Gas là những nhân tố quyết định duy trì tính hấp dẫn của cổ phiếu GAS trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

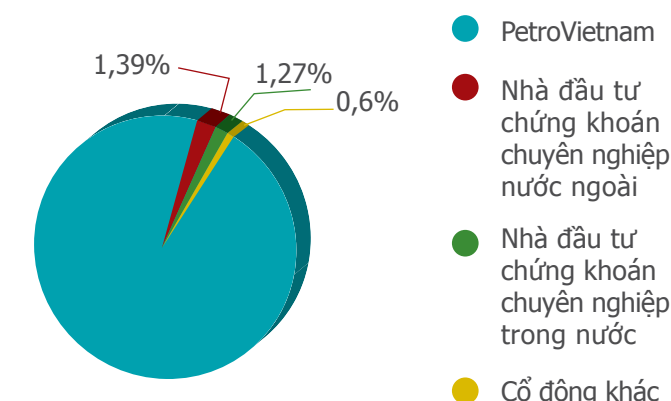
Lợi nhuận cổ đông và cổ tức

	Đvt	2011 (giai đoạn từ 16/05/2011 - 31/12/2011)	2012
LNST của cổ đông thiểu số	Tỷ đồng	254	295
LNST của cổ đông của công ty mẹ	Tỷ đồng	4.334	9.807
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	2.285	5.167
Cổ tức	%	12	30

Cơ cấu cổ đông của PV Gas

Cổ phiếu GAS thu hút sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư chứng khoán trong và ngoài nước. Trong số các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong và ngoài nước có thể kể đến:

- 1.1% Ngân hàng TMCP Phương Nam
- 0.2% JF VietNam Opportunities Fund
- 0.1% Wareham Group Limited
- 0.1% KITMC Worldwide VietNam Rsp Balance Fund
- 0.1% VietNam Enterprise Investment Limited
- 0.1% Royal Bank Of Scotland Plc
- 0.1% Pheim Aizwa Trust



Công tác quan hệ cổ đông và công bố thông tin

Sau 2 năm hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, PV Gas đang dần thực hiện công tác quan hệ cổ đông và công bố thông tin chuyên nghiệp hơn và đa dạng hơn. Cụ thể là PV Gas:

- Tổ chức bộ phận chuyên trách quản trị website của PV Gas <http://www.pvgas.com.vn> về hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin và về nội dung thông tin, đảm bảo tính sẵn sàng, liên tục, nhanh chóng của website và thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas được cung cấp, cập nhật đầy đủ, thường xuyên và chính xác;

- Lập riêng chuyên mục Quan hệ cổ đông trên website <http://www.pvgas.com.vn>, tạo cầu nối giữa cổ đông và PV Gas;

- Tổ chức/Tham dự các hội thảo, buổi gặp gỡ giữa PV Gas với nhà đầu tư trong và ngoài nước, tạo mối giao lưu trực tiếp;

- Thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật thông qua website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM và website của PV Gas;

- Tham dự họp báo định kỳ do PVN tổ chức;

- Cải chính kịp thời những thông tin sai lệch về PV Gas, tránh gây thiệt hại cho PV Gas và cổ đông.

ĐỐI TÁC

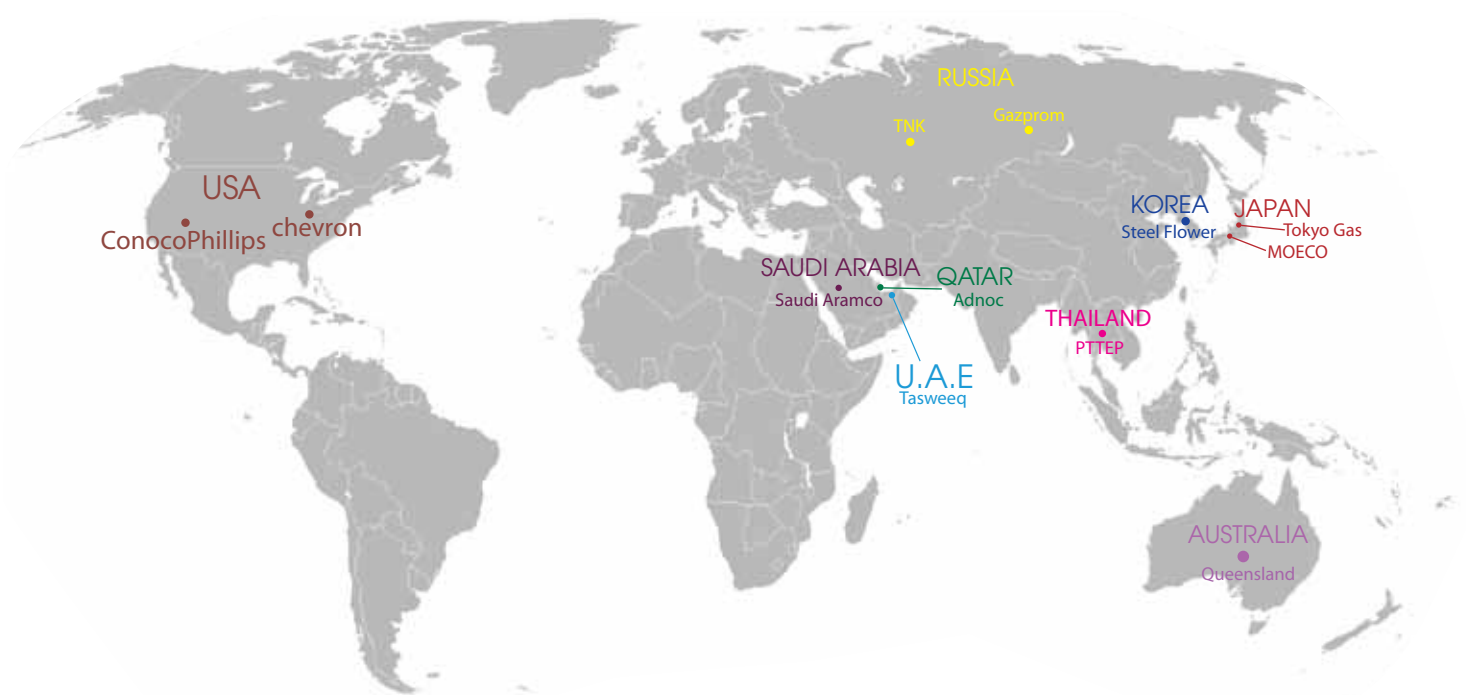
PV Gas hợp tác với những đối tác đáng tin cậy trong và ngoài nước, các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, các đối tác lớn ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương, châu Âu, châu Úc, khu vực Trung Đông. Quan hệ hợp tác với những đối tác uy tín góp phần phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam cũng như nâng cao vị thế PV Gas trên thị trường trong nước và quốc tế.

Tăng cường hợp tác với đối tác trong nước



Hoạt động hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước đã được PV Gas thiết lập và duy trì trong nhiều năm qua để khai thác các mỏ khí ngoài khơi Việt Nam (ConocoPhillips, TNK, Chevron, MOECO, PTTEP, Vietsovpetro, JRPC, HLJOC, Thang Long JOC,...), tiêu thụ khí khô (EVN, PV Power, PVFCCo, PVCFC), nhập khẩu LPG (Adnoc, Tasweeq, Saudi Aramco,...), tiêu thụ LPG (SaigonPetro, PetroLIMEX,...). Trong năm 2012, PV Gas tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác với Tokyo Gas, Gazprom về đầu tư, nhập khẩu và kinh doanh LNG, Steel Flower và thành phố Busan, Hàn Quốc về sản xuất ống thép dầu khí. Những đối tác uy tín này đã, đang và sẽ là những người bạn đồng hành thiết thực, cùng PV Gas phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam.

Mở rộng tìm kiếm đối tác nước ngoài



Lễ ký kết Biên bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác giữa Tokyo Gas (Nhật Bản) và PV Gas

**KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN
ĐỂ PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG**



NĂM 2012

ĐÁP ỨNG NGUỒN NGUYÊN, NHIÊN LIỆU ĐỂ SẢN XUẤT

40% SẢN LƯỢNG ĐIỆN CẢ NƯỚC

70% SẢN LƯỢNG PHÂN ĐẠM CẢ NƯỚC

CHIẾM TRÊN **70%** THỊ PHẦN LPG CẢ NƯỚC

THU GOM VÀ PHÂN PHỐI KHÍ KHÔ

Thu gom khí

Năm 2012, hoạt động thu gom khí tại các bể ngoài khơi Việt Nam diễn ra ổn định tại 3 bể Cửu Long, Nam Côn Sơn (Đông Nam Bộ) và Malay – Thổ Chu (Tây Nam Bộ) với 9,3 tỷ m³ khí vào bờ, tăng 8% so với năm 2011.

Nguồn khí đồng hành từ bể Cửu Long (mỏ Bạch Hổ, Vòm Bắc, Rạng Đông, Phương Đông, Rồng, Đồi Mồi, Sư Tử Đen, Sư Tử Vàng, Sư Tử Trắng, Tê Giác Trắng, Cá Ngừ Vàng) suy giảm theo thời gian khai thác, giảm khoảng 30 triệu m³ khí so với năm 2011; trữ lượng khí/mỏ ít, phụ thuộc vào việc khai thác dầu của chủ mỏ. Tuy nhiên, xét về hiện trạng dây chuyền sản xuất của PV Gas, hệ thống khí Cửu Long vẫn có thể mạnh riêng về sản xuất 3 loại sản phẩm là khí khô, LPG và Condensate.

Nguồn khí thiên nhiên từ bể Nam Côn Sơn (lô 06.1, 11.2, Chim Sáo) về bờ vẫn vượt trội hơn so với nguồn khí từ bể Cửu Long và PM3 về sản lượng, đạt 6.215 triệu m³ khí, chiếm 67% tổng sản lượng khí, tăng 6% so với năm 2011. Nguồn khí thiên nhiên dồi dào từ bể Nam Côn Sơn cho phép PV Gas chủ động hơn trong huy động nguồn khí vào bờ để đáp ứng nhu cầu khách hàng. Năm 2013, hệ thống khí Nam Côn Sơn sẽ tiếp nhận và vận chuyển nguồn khí mới từ mỏ Hải Thạch, Mộc Tinh, càng khẳng định vai trò quan trọng của hệ thống khí Nam Côn Sơn trong toàn bộ hệ thống khí của PV Gas.

Tuy nhỏ hơn khí từ bể Nam Côn Sơn về sản lượng, nhưng trong năm 2012, khí PM3 thuộc bể Malay - Thổ Chu có mức tăng trưởng cao nhất, tăng 23% so với năm 2011, đạt 1.902 triệu m³ do có thêm nhu cầu tiêu thụ của nhà máy đạm Cà Mau trong suốt 12 tháng của năm 2012. Trong vận hành hệ thống khí PM3-Cà Mau, PV Gas luôn nỗ lực huy động tối đa nguồn khí PM3 vào bờ để tận dụng hết quyền lợi của Việt Nam trong việc khai thác mỏ khí tại khu vực chồng lấn này với Malaysia.

Bước sang năm 2013, tuy chỉ có thêm nguồn khí Hải Thạch – Mộc Tinh với sản lượng khai thác ban đầu còn thấp, nhưng cũng đủ để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, và quan trọng hơn cả là PV Gas sẽ ổn định, điều độ hợp lý các nguồn khí trong từng thời điểm, đối với từng khách hàng để khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước và đem về lợi nhuận tối đa cho PV Gas trong hoạt động sản xuất và kinh doanh khí khô. Hoạt động thu gom khí tại các bể ngoài khơi Việt Nam sẽ có bước chuyển biến mạnh mẽ hơn về lượng khí PV Gas hoàn thành đầu tư đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2, lô B – Ô Môn và Thái Bình – Hàm Rồng trong những năm tiếp theo.

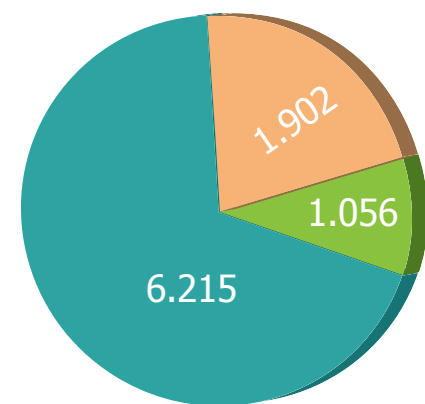
Ngoài ra, trong tương lai, nếu chỉ dựa vào nguồn khí trong nước, nhu cầu tiêu thụ khí sẽ lớn hơn khả năng cung cấp. Vì vậy, bên cạnh kế hoạch tăng cường thu gom khí tại các bể ngoài khơi Việt Nam, PV Gas sẽ nhập khẩu LNG để bổ sung nguồn cung cấp khí cho thị trường tiêu thụ thông qua 2 dự án là kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải và kho chứa, cảng LNG 3-6 triệu tấn/năm tại Sơn Mỹ và dự kiến nhập khẩu sản phẩm LNG đầu tiên vào năm 2016.

Phân phối

Hoạt động phân phối khí khô của PV Gas tập trung vào 3 nhóm khách hàng: nhà máy điện, nhà máy đạm và khách hàng tiêu thụ khí thấp áp; trong đó, khu vực Đông Nam Bộ có đủ 3 nhóm khách hàng, khu vực Tây Nam Bộ chưa có khách hàng tiêu thụ khí thấp áp.

Sản xuất và kinh doanh khí khô chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của PV Gas. Vì vậy, PV Gas luôn đảm bảo phối hợp nhịp nhàng giữa hoạt động thu gom và phân phối khí khô để khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước và đem về lợi nhuận tối đa cho PV Gas.

Cơ cấu nguồn khí năm 2012 (triệu m³)



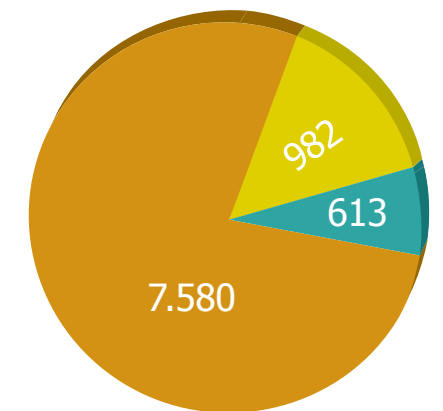
- Nam Côn Sơn
- PM3
- Cửu Long

Do điều kiện thời tiết trong năm 2012 thuận lợi đối với thủy điện, mưa nhiều, nên EVN huy động các nhà máy thủy điện nhiều hơn, làm nhu cầu sử dụng khí của các nhà máy điện ít hơn so với năm 2010 có thời tiết rất khô hạn. Mặc dù vậy, sản lượng năm 2012 cũng tăng thêm trên 100 triệu m³ khí so với năm 2011, đạt 7.580 triệu m³. Năm 2012 cũng là năm thứ 2 tiếp tục thực hiện lộ trình tăng giá bán khí như phê duyệt của Chính phủ.

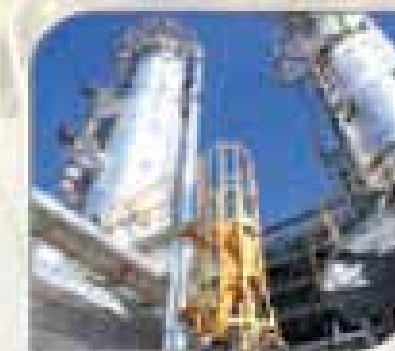
Sản lượng khí bán cho nhà máy đạm tăng lên đáng kể, đạt 982 triệu m³ do có thêm lượng khí tiêu thụ ổn định trong cả năm 2012 của nhà máy đạm Cà Mau.

Mặc dù nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, một số nhà máy tạm thời giảm, dừng sản xuất, kéo theo giảm tiêu thụ khí thấp áp làm nguyên, nhiên liệu sản xuất, nhưng nhờ vẫn tiếp tục mở rộng thêm đường ống dẫn khí thấp áp đến nhiều khu công nghiệp tại các tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai, Tp.HCM, nên sản lượng khí cấp cho khách hàng tiêu thụ khí thấp áp vẫn duy trì được mức tăng trưởng cao 15%, đạt trên 610 triệu m³ trong năm 2012, phù hợp với chủ trương tăng dần tỷ trọng sản lượng khí bán cho khách hàng tiêu thụ khí thấp áp trong cơ cấu khách hàng của PV Gas, giúp PV Gas chủ động hơn trong phân phối khí khô, hạn chế dần sự phụ thuộc vào một nhóm khách hàng lớn. Các khách hàng mới trước mắt sẽ là các khách hàng tiêu thụ khí thấp áp tại Thái Bình và các tỉnh lân cận khi đường ống khí Hàm Rồng - Thái Bình hoàn thành, bắt đầu cấp khí vào năm 2013, 2014.

Cơ cấu khách hàng theo sản lượng tiêu thụ năm 2012 (triệu m³)



- Nhà máy điện
- Nhà máy đạm
- Khách hàng khí thấp áp



KINH DOANH LPG

Tổng quan về thị trường LPG thế giới

Trong năm 2012, thị trường LPG thế giới tiếp tục đà tăng giá, trong đó, giá CP trung bình năm 2012 - chỉ số giá giao dịch LPG cơ bản tại thị trường Trung Đông tăng 7,8% so với năm 2011. Điều này tác động khá lớn đến giá LPG tại Việt Nam nói riêng, và tại khu vực châu Á nói chung, do khoảng 80-85% nguồn hàng nhập về châu Á có xuất xứ từ khu vực Trung Đông. Trong điều kiện tăng trưởng kinh tế toàn cầu khá chậm và tình trạng suy thoái kinh tế vẫn tiếp diễn ở nhiều nước trên thế giới; nguồn cung LPG đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ trên toàn thế giới, mặt bằng giá CP năm 2012 được đánh giá là khá cao so với giá dầu thô khi giá dầu thô năm 2012 ước tính chỉ tăng khoảng 0,7% so với năm 2011.

Tổng quan về thị trường LPG trong nước

Trong năm 2012, Nhà máy xử lý khí Dinh Cố và Nhà máy lọc dầu Dung Quất đều tăng sản lượng LPG sản xuất so với năm 2011, tuy không nhiều nhưng đã đáp ứng được trên 50% nhu cầu của toàn thị trường. Tuy nhiên, dù nguồn cung nội địa có tăng, nhưng thị trường LPG Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng lớn từ thị trường LPG thế giới do khoảng 50% nhu cầu còn lại vẫn phải dựa vào nguồn nhập khẩu và nguồn nhập khẩu luôn sẵn có để đáp ứng nhu cầu thị trường. Theo số liệu thống kê, tổng lượng LPG nhập khẩu phục vụ cho thị trường trong nước ước gần 560.000 tấn, trong đó khoảng 40% nhập khẩu từ khu vực Trung Đông và 60% nhập từ các nước lân cận như Trung Quốc, Malaysia, Đài Loan, Singapore...

Trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ LPG của thị trường Việt Nam bị ảnh hưởng khá nhiều bởi sự suy giảm của hoạt động sản xuất công nghiệp nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. Ước tính tổng nhu cầu tiêu thụ LPG tại Việt Nam năm 2012 giảm khoảng 2,7% so với năm 2011 và chỉ đạt khoảng 1,2 triệu tấn.

Hoạt động kinh doanh LPG của PV Gas

Nhu cầu tiêu thụ LPG của thị trường Việt Nam suy giảm, trong khi giá CP trung bình cao hơn năm 2011 7,8%, biến động liên tục với biên độ dao động rộng hơn (CP cao nhất tháng 3 tăng lên 1.205 USD/tấn, CP thấp nhất tháng 7 giảm còn 598 USD/tấn) đã tác động xấu đến tâm lý tiêu dùng, thậm chí có không ít người tiêu dùng chuyển sang sử dụng nhiên liệu thay thế khác. Nhà máy lọc dầu Dung Quất ngưng cung cấp LPG kéo dài trong tháng 5 và đầu tháng 6, đột xuất trong tháng 8. Hoạt động nhập khẩu và kinh doanh quốc tế LPG gặp nhiều thách thức do biến động giá lớn. Các yếu tố trên đã làm cho thị trường LPG Việt Nam trải qua một năm nhiều sóng gió.

Nhưng nhờ thực hiện tốt công tác dự báo giá cả, thị trường, nhờ có hệ thống kho chứa rộng khắp, đồng thời áp dụng chính sách bán hàng hợp lý, nên hoạt

Lợi thế về cơ sở vật chất, nguồn hàng, đội ngũ nhân viên và đối tác kinh doanh LPG giúp PV Gas tiếp tục giữ vững vị trí là nhà sản xuất và kinh doanh LPG số 1 tại thị trường Việt Nam. PV Gas không chỉ hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo dự trữ lưu thông, ổn định nguồn cung cho thị trường bằng việc tiêu thụ hết nguồn LPG sản xuất trong nước và thực hiện điều tiết cân đối cung cầu cho thị trường bằng nguồn LPG nhập khẩu mà Nhà nước và PVN giao cho, mà còn đảm bảo hiệu quả kinh doanh LPG cho PV Gas.

động kinh doanh LPG tiếp tục được duy trì ở mức cao và hiệu quả, cung cấp ra thị trường trong và ngoài nước 1.027.044 tấn LPG, bằng 118% kế hoạch, và đạt gần 1,3 triệu tấn nếu tính cả sản lượng LPG của PV Gas South và PV Gas North, sau khi đã trừ phần trùng, chiếm trên 70% thị phần LPG toàn quốc.

Với vai trò là doanh nghiệp đầu mối lớn nhất Việt Nam, PV Gas luôn nỗ lực đảm bảo ổn định nguồn cung cho thị trường bằng việc tiêu thụ hết nguồn LPG sản xuất trong nước và thực hiện điều tiết cân đối cung cầu cho thị trường bằng nguồn LPG nhập khẩu. Hiện nay, vì PV Gas là doanh nghiệp kinh doanh LPG duy nhất tại Việt Nam có khả năng nhập khẩu LPG lạnh với khối lượng lớn từ các nước thuộc khu vực Trung Đông, nên PV Gas luôn có đủ lượng LPG dự trữ lưu thông theo yêu cầu của Chính phủ để cung cấp LPG cho thị trường, kể cả trong những thời điểm nguồn LPG sản xuất trong nước bị hạn chế.

Nhằm tăng cường cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh LPG, PV Gas đã đầu tư và đưa vào hoạt động trong quý I/2013 kho chứa LPG lạnh công suất 60.000 tấn tại Thị Vải - kho chứa LPG lạnh hiện đại nhất, lớn nhất và duy nhất tại Việt Nam hiện nay, góp phần nâng công suất kho chứa LPG của PV Gas lên 50% tổng công suất kho chứa LPG của cả nước, hội đủ điều kiện cho phép PV Gas có những giải pháp tàng trữ LPG với khối lượng lớn, lâu dài, tạo thêm lợi thế trong kinh doanh LPG.

Song song với hoạt động bán buôn LPG, PV Gas tiếp tục phát triển hoạt động bán lẻ thông qua 2 công ty thành viên là PV Gas South và PV Gas North. Đến nay, thương hiệu bình PETROVIETNAM GAS đã trở nên phổ biến trên thị trường toàn quốc và được đánh giá là một trong những thương hiệu bán lẻ hàng đầu tại thị trường LPG Việt Nam. Ngoài ra, các thương hiệu bán lẻ LPG khác thuộc quyền sở hữu của PV Gas South và PV Gas North cũng được nhiều người biết đến và có thị phần nhất định trên thị trường. Trong năm 2012, tổng sản lượng bán lẻ của PV Gas South và PV Gas North trên 6 thương hiệu đạt gần 190 ngàn tấn, tiếp tục đạt thị phần bán lẻ LPG lớn nhất cả nước, 28%, tăng 4% so với năm 2011.

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Đầu tư xây dựng thêm các công trình khí mới là tiền đề để PV Gas tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao vị thế của PV Gas trong ngành công nghiệp khí Việt Nam. Vì vậy, song song với hoạt động vận hành, sản xuất, kinh doanh 24/24h, các công trình khí mới của PV Gas đang tiếp tục được hình thành từ những ý tưởng mới mẻ đến những bản dự án đầu tư, thiết kế chuyên ngành và hoạt động xây dựng, lắp đặt khẩn trương tại công trường.

Sau những năm đầu xây dựng các công trình khí đầu tiên, bước đầu hình thành ngành công nghiệp khí Việt Nam, công tác đầu tư xây dựng của PV Gas hiện nay tập trung vào mở rộng thêm cơ sở hạ tầng để thu gom khí ở các mỏ lân cận và mỏ mới; nhập khẩu LNG; và tăng cường năng lực chế biến, tàng trữ khí, sản phẩm khí.

Trong năm 2012, để chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư cùng lúc 13 dự án nhóm A, B, PV Gas đã thực hiện quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp bằng việc phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các đơn vị, lập tiến độ triển khai cụ thể, tổ chức giao ban thường xuyên tại công trường, phối hợp chặt chẽ với nhà thầu, thu xếp vốn kịp thời theo tiến độ dự án,... Vì vậy, hầu hết các dự án đều đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình,...; giải ngân được 3.044 tỷ đồng.

Các dự án khí tiêu biểu đang chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư

Thu gom khí ở các mỏ lân cận

- Mục đích: thu gom khí ở các mỏ lân cận, đấu nối vào hệ thống khí Cửu Long, duy trì sản lượng khí bể Cửu Long đưa vào bờ.

- Dự án: thu gom khí mỏ Rồng giai đoạn 1 và Thăng Long - Đông Đô: phê duyệt dự án đầu tư, thực hiện hợp đồng xây dựng, lắp đặt; dự kiến lần lượt hoàn thành vào quý IV/2013 và năm 2015.

Thu gom khí ở các mỏ mới

- Mục đích: xây dựng hệ thống đường ống dẫn khí mới để thu gom khí ở các mỏ mới đưa vào bờ, bổ sung nguồn cung cấp khí cho thị trường tiêu thụ.

- Dự án: đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 (Đông Nam Bộ), lô B - Ô Môn (Tây Nam Bộ) và Hàm Rồng - Thái Bình (Bắc Bộ). Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2, lô B - Ô Môn có quy mô lớn về vốn đầu tư, công suất; dự kiến hoàn thành vào năm 2016 (một phần khí của dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 sẽ được đưa trước vào bờ vào giữa năm 2013). Hệ thống thu gom khí Hàm Rồng - Thái Bình tuy nhỏ so với Nam Côn Sơn 2, lô B - Ô Môn về quy mô và công suất, nhưng là dự án thu gom khí đầu tiên của PV Gas tại miền Bắc, tạo nền tảng ban đầu để PV Gas thâm nhập thị trường mới, chuẩn bị cho việc triển khai thêm các dự án mới khác nơi đây.

Nhập khẩu LNG

- Mục đích: trong tương lai, nếu chỉ dựa vào nguồn khí trong nước, nhu cầu tiêu thụ khí sẽ lớn hơn khả năng cung cấp. Vì vậy, cần nhập khẩu LNG để bổ sung nguồn cung cấp khí cho thị trường tiêu thụ.

- Dự án: PV Gas đầu tư để nhập khẩu LNG theo 2 giai đoạn, bao gồm: kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải, và kho chứa, cảng LNG 3 - 6 triệu tấn/năm tại Sơn Mỹ.

Kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải đã hoàn thành thiết kế kỹ thuật tổng thể, khởi công xây dựng vào năm 2013, dự kiến hoàn thành vào năm 2015 và cung cấp sản phẩm LNG đầu tiên tại Việt Nam. Kho chứa, cảng LNG 3 - 6 triệu tấn/năm tại Sơn Mỹ là một thành phần quan trọng của Tổ hợp khí - điện quốc gia tại Sơn Mỹ, Bình Thuận. PV Gas đã lập xong dự án đầu tư và trình PVN, Bộ Công Thương để thông qua.

Tăng cường năng lực chế biến, tàng trữ khí, sản phẩm khí

- Mục đích: đầu tư thêm nhà máy xử lý khí, kho chứa LPG để tăng cường năng lực chế biến, tàng trữ khí, sản phẩm khí.

- Dự án: kho chứa LPG lạnh và nhà máy xử lý khí Cà Mau. Kho chứa LPG lạnh 60.000 tấn, hoàn thành vào quý I/2013, là kho chứa LPG lạnh hiện đại nhất, lớn nhất và duy nhất tại Việt Nam hiện nay, góp phần nâng công suất kho chứa LPG của PV Gas lên 50% tổng công suất kho chứa LPG của cả nước, hội đủ điều kiện cho phép PV Gas có những giải pháp tàng trữ LPG với khối lượng lớn, lâu dài, tạo thêm lợi thế trong kinh doanh LPG.

Nhà máy xử lý khí Cà Mau sẽ sử dụng nguồn khí PM3 đã có hiện nay và nguồn khí lô B - Ô Môn để sản xuất khí khô, LPG và Condensate, tăng thêm giá trị sử dụng của khí, dự kiến hoàn thành vào năm 2016 và sẽ trở thành nhà máy xử lý khí thứ ba của PV Gas.

CÔNG TY TRỰC THUỘC VÀ CÔNG TY THÀNH VIÊN

Vai trò trụ cột của các công ty trực thuộc và sự phối hợp nhịp nhàng của các công ty liên quan với địa bàn hoạt động rộng khắp tạo nên sức mạnh tổng hợp cho PV Gas trong vận hành và khai thác an toàn, liên tục, hiệu quả toàn bộ dây chuyền khí.

CÔNG TY TRỰC THUỘC

Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ

Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ là đơn vị quản lý, vận hành hệ thống đường ống dẫn khí từ bể Cửu Long (mỏ Bạch Hổ, Vòm Bắc, Rạng Đông, Phương Đông, Rồng, Đồi Mồi, Sư Tử Đen, Sư Tử Vàng, Sư Tử Trắng, Tê Giác Trắng, Cá Ngừ Vàng) đến Bà Rịa – Phú Mỹ – Nhơn Trạch – Hiệp Phước, dài trên 370 km và Trung tâm phân phối khí Phú Mỹ – Trung tâm phân phối khí hiện đại và lớn nhất hiện nay tại Việt Nam. Với kinh nghiệm hoạt động ngay từ những ngày đầu tiên có khí vào bờ, Công ty luôn quản lý và vận hành hệ thống đường ống dẫn khí và Trung tâm phân phối khí Phú Mỹ an toàn, liên tục, đảm bảo phân phối hợp lý, hiệu quả các nguồn khí Cửu Long và Nam Côn Sơn đến toàn bộ các Nhà máy nhiệt điện (sử dụng nhiên liệu khí), Nhà máy đạm và khách hàng tiêu thụ khí thấp áp tại khu vực Đông Nam Bộ.

Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn

Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn là đơn vị quản lý, vận hành hệ thống đường ống dẫn khí từ bể Nam Côn Sơn (lô 06.1, 11.2, Chim Sáo) đến Phú Mỹ, dài 400 km và Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn (sản xuất khí khô và Condensate). Với lợi thế là một đơn vị được tổ chức trên cơ sở một Hợp doanh với các Tập đoàn dầu khí hàng đầu thế giới, Công ty đã xây dựng và đang áp dụng phương thức quản trị tiên tiến, góp phần quản lý, vận hành an toàn, liên tục, hiệu quả hệ thống đường ống dẫn khí có công suất vận chuyển lớn nhất hiện nay, trung bình 20 triệu m³ khí/ngày đêm, hằng năm cung cấp trên 6 tỷ m³ khí cho các Nhà máy nhiệt điện (sử dụng nhiên liệu khí), Nhà máy đạm và khách hàng tiêu thụ khí thấp áp tại khu vực Đông Nam Bộ. Trong năm 2013, Công ty sẽ tiếp nhận và vận chuyển nguồn khí mới từ mỏ Hải Thạch, Mộc Tinh, càng khẳng định vai trò quan trọng của hệ thống khí Nam Côn Sơn trong toàn bộ hệ thống khí của PV Gas.

Công ty Khí Cà Mau

Công ty Khí Cà Mau là đại diện của PV Gas trong Cụm khí - điện - đạm Cà Mau, quản lý, vận hành hệ thống đường ống dẫn khí PM3 - Cà Mau từ ngoài khơi vào bờ, dài 325 km. Ưu thế nổi bật của Công ty là đội ngũ lao động trẻ về tuổi đời như chính Công ty (Công ty mới được thành lập năm 2006), nhưng đầy sáng tạo, nhiệt huyết và quyết tâm trong công việc, trong học tập. Vì vậy, trong những năm qua, Công ty đã cung cấp an toàn, liên tục gần 2 tỷ m³ khí mỗi năm cho các Nhà máy điện Cà Mau 1, Cà Mau 2 và Nhà máy đạm Cà Mau, góp phần phát triển kinh tế khu vực Tây Nam Bộ. Với sức trẻ trong lao động, đến nay, Công ty đã sẵn sàng để tiếp nhận, quản lý và đưa vào vận hành Trạm nén khí Cà Mau vào quý III/2013 để tăng sản lượng khí PM3 vào bờ cung cấp cho các khách hàng tiêu thụ.



Các công ty trực thuộc được xem như những trụ cột chính xây dựng nên, nâng đỡ và tạo sức sống cho ngôi nhà chung PV Gas, cùng trải nghiệm bao điều mới mẻ trong những ngày đầu hình thành ngành công nghiệp khí Việt Nam, vượt qua những thăng trầm để tồn tại và phát triển, chia sẻ nỗi xúc động, bùi ngùi trong ngày đón nhận dòng khí đầu tiên vào bờ, ngày khánh thành đưa vào hoạt động các công trình khí mới,...



Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu

Khác với các công ty trực tiếp vận hành sản xuất khác của PV Gas với hệ thống đường ống dẫn khí, cơ sở vật chất của Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu là Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (sản xuất khí khô, LPG và Condensate) và hệ thống kho chứa và cảng xuất nhập LPG, Condensate trên khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam (kho cảng Thị Vải, Gò Dầu, Dung Quất, Hải Phòng và kho nổi Maple). Mặc dù được giao quản lý và vận hành Nhà máy xử lý khí đầu tiên, Kho chứa sản phẩm lỏng lớn nhất Việt Nam vào năm 1998, nhưng lực lượng lao động của Công ty đã nhanh chóng tiếp cận và làm chủ công nghệ hiện đại để vận hành các công trình khí, không để xảy ra sự cố đáng tiếc nào làm ảnh hưởng đến dây chuyền sản xuất và tính mạng con người. Hoạt động sản xuất của Công ty không chỉ giúp gia tăng giá trị sản phẩm khí, tạo thêm doanh thu và lợi nhuận cho PV Gas, mà còn phối hợp nhịp nhàng với Công ty Kinh doanh sản phẩm Khí trong hoạt động kinh doanh LPG từ nguồn trong nước và quốc tế để chiếm lĩnh thị phần chi phối tại thị trường LPG Việt Nam. Nhờ năng lực và kinh nghiệm vận hành, trong đầu năm 2013, Công ty sẽ tiếp nhận, quản lý và vận hành kho chứa LPG lạnh tại Thị Vải với sức chứa 60.000 tấn - kho chứa LPG lạnh duy nhất, hiện đại nhất và lớn nhất tại Việt Nam, góp phần nâng công suất kho chứa LPG của PV Gas mà Công ty đang quản lý và vận hành lên 50% tổng công suất kho chứa LPG của cả nước.

Công ty Dịch vụ Khí

Tài sản lớn nhất của PV Gas là con người và điều này càng được thể hiện rõ đối với Công ty Dịch vụ Khí khi mà Công ty đã xây dựng được một lực lượng lao động có trình độ và thông thạo công tác bảo dưỡng sửa chữa các công trình khí của PV Gas. Với bàn tay và trí tuệ của những kỹ sư, người thợ của Công ty, toàn bộ hệ thống các công trình khí của PV Gas được bảo dưỡng, sửa chữa ngăn ngừa, thường xuyên, đột xuất và kiểm định, hiệu chuẩn kịp thời, có chất lượng, góp phần đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định. Năm 2012, Công ty hoàn thành 100% các đầu việc bảo dưỡng sửa chữa, thậm chí rút ngắn thời gian hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa trong đợt dừng khí toàn bộ hệ thống khí Cửu Long trước tiến độ 129 giờ và trong đợt dừng khí toàn bộ hệ thống khí PM3 - Cà Mau trước tiến độ 3 ngày. Các con số này thực sự ấn tượng khi xét trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas là 24/24 giờ, diễn ra trong tất cả các ngày trong năm. Việc rút ngắn thời gian dừng khí do hoàn thành tốt, trước thời hạn công tác bảo dưỡng sửa chữa không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với PV Gas khi hạn chế được việc giảm doanh thu, lợi nhuận trong thời gian dừng khí, mà còn đối với các nhà máy điện, đạm cũng nhanh chóng được cấp khí trở lại để tiếp tục sản xuất. Với đóng góp của Công ty trong ngôi nhà chung PV Gas, năm 2012, Công ty vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng danh hiệu Huân chương Lao động hạng Ba. Trong những năm tiếp theo, Công ty xác định tiếp tục duy trì và phát triển lực lượng lao động có tay nghề cao, chuyên sâu để tự thực hiện tất cả các công việc bảo dưỡng sửa chữa các công trình khí của PV Gas.

Công ty Kinh doanh sản phẩm Khí

Một trong những nét khác biệt của Công ty Kinh doanh sản phẩm Khí so với các công ty trực thuộc khác là Công ty không chỉ kinh doanh sản phẩm LPG do PV Gas sản xuất từ nguồn Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, mà còn cả sản phẩm LPG từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất và nhập khẩu từ nước ngoài, hoàn toàn theo giá LPG thế giới, với thị trường tiêu thụ chủ yếu tại Việt Nam và một phần

xuất khẩu sang các nước lân cận. Do đó, hoạt động kinh doanh LPG của Công ty chịu nhiều áp lực của thị trường về nguồn hàng, giá cả, chi phí và hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty lại có lợi thế vượt trội hơn bất kỳ đối thủ cạnh tranh nào tại thị trường Việt Nam về nguồn hàng đa dạng, dồi dào từ Dinh Cố, Dung Quất và Trung Đông; về hệ thống kho chứa và cảng xuất nhập LPG, Condensate trên khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam (kho cảng Thị Vải, Gò Dầu, Dung Quất, Hải Phòng và kho nổi Maple); về uy tín của thương hiệu PV Gas; về đội ngũ nhân viên am hiểu thị trường LPG Việt Nam và thế giới,...

Nhờ vậy, liên tục trong các năm qua, Công ty luôn giữ vững vị trí là Công ty kinh doanh LPG hàng đầu Việt Nam, hằng năm kinh doanh 1 triệu tấn LPG tại thị trường LPG Việt Nam và thế giới. Vị trí này ngày càng được củng cố vững chắc hơn nữa khi kho chứa LPG lạnh của PV Gas tại Thị Vải với sức chứa 60.000 tấn, duy nhất, hiện đại nhất và lớn nhất tại Việt Nam đi vào hoạt động trong những tháng đầu năm 2013, góp phần nâng công suất kho chứa LPG của PV Gas lên 50% tổng công suất kho chứa LPG của cả nước, hội đủ điều kiện cho phép PV Gas có những giải pháp tàng trữ LPG với khối lượng lớn, lâu dài, tạo thêm lợi thế trong kinh doanh.

Công ty Tư vấn Quản lý dự án Khí

Để có được những công trình khí quan trọng, bề thế như ngày hôm nay, những người làm công tác đầu tư xây dựng của PV Gas đã phải đi tiên phong vất vả trên những bãi đầm lầy, sù vệt hoang vắng để khảo sát địa chất, giải phóng mặt bằng; trải qua những ngày dài miệt mài để xuất, xem xét phương án thiết kế, thi công, những chuỗi ngày nắng gió công trường giám sát nhà thầu xây dựng,... Điều này không xa lạ nhưng cũng không là nỗi nhọc nhằn gì đối với người lao động tại Công ty Tư vấn Quản lý dự án Khí khi mà mỗi năm đi qua, hệ thống các công trình khí của PV Gas ngày càng được mở rộng với sự chung tay, góp sức chủ lực của người lao động của Công ty. Mặc dù có những thay đổi về phương án đầu tư, nhưng năm 2012, Công ty đã hoàn thành một khối lượng lớn công việc, trong đó, đã cơ bản hoàn thành kho chứa LPG lạnh, hoàn thành thiết kế kỹ thuật tổng thể kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải, dự án đầu tư hệ thống kho cảng tiếp nhận và phân phối LNG nhập khẩu tại Sơn Mỹ - là những dự án lần đầu tiên được đầu tư tại Việt Nam; triển khai thực hiện hợp đồng EPC hệ thống thu gom khí Hàm Rồng - Thái Bình, hoàn thành dự án đầu tư hệ thống thu gom khí Thăng Long - Đông Đô, và Rồng giai đoạn 1. Sang năm 2013, Công ty sẽ tiếp tục triển khai các dự án đang thực hiện cũng như bắt tay vào nghiên cứu, chuẩn bị đầu tư nhiều dự án mới khác về thu gom và tàng trữ khí và các sản phẩm khí, xây dựng thêm những nền móng vững chắc cho hoạt động của PV Gas.

Công ty Điều hành Đường ống lô B – Ô Môn

Để triển khai Hợp đồng hợp tác kinh doanh đường ống dẫn khí lô B – Ô Môn giữa PV Gas, Chevron, MOECO và PTTEP, Công ty Điều hành Đường ống lô B – Ô Môn được thành lập để chuẩn bị và thực hiện đầu tư dự án có tổng mức đầu tư trên 1,1 tỷ USD, với công suất 7 tỷ m³/năm nhằm thu gom khí từ lô B đưa về khu vực Tây Nam Bộ. Vì vậy, lực lượng lao động của Công ty đều là những người có chuyên môn và kinh nghiệm trong công tác đầu tư xây dựng có sự tham gia góp vốn của đối tác nước ngoài. Đến nay, Công ty đã cơ bản hoàn thành khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công, đang tiến hành bồi thường, giải phóng mặt bằng và xử lý nền,... phù hợp với tiến độ chung của các dự án liên quan ở khâu thượng nguồn, trung nguồn và hạ nguồn. Công ty quyết tâm sẽ cùng PV Gas đạt được những thành công trong hợp tác với đối tác nước ngoài cùng đầu tư và vận hành đường ống khí như dự án đường ống khí Nam Côn Sơn.

Ban Quản lý dự án Khí Đông Nam Bộ

Tương tự như Công ty Điều hành Đường ống lô B – Ô Môn, Ban Quản lý dự án Khí Đông Nam Bộ được thành lập để chuẩn bị và thực hiện đầu tư các dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 và mạng kết nối Đông Tây nhằm thu gom, bổ sung nguồn cung cấp khí cho thị trường tiêu thụ trong nước và xem xét việc kết nối hệ thống đường ống dẫn khí khu vực Đông Nam Bộ với Tây Nam Bộ, tiến tới hình thành hệ thống đường ống dẫn khí quốc gia. Do tính chất quan trọng và quy mô lớn của các dự án nên nhân sự của Ban đều là những thành viên kỳ cựu, từng tham gia công tác đầu tư xây dựng nhiều dự án trong ngành dầu khí, có bản lĩnh, sáng tạo xử lý tình huống khi có những thay đổi về phương án đầu tư. Hiện nay, Ban đang tập trung toàn bộ nhân lực để triển khai dự án.

Ban Quản lý dự án Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau

Là một trong hai thành viên trẻ nhất trong số các đơn vị trực thuộc được thành lập để chuẩn bị và thực hiện đầu tư dự án Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau (sản xuất khí khô, LPG, Condensate) nhằm gia tăng giá trị sử dụng khí, cùng với Công ty Khí Cà Mau và Công ty Điều hành Đường ống lô B - Ô Môn xây dựng nên những công trình khí mới, đầu tiên tại khu vực Tây Nam Bộ. Năm 2012, lực lượng lao động trẻ của Ban đã không ngừng tìm tòi, khám phá, sáng tạo đề xuất và bảo vệ thành công sáng kiến tối ưu hóa thiết kế kỹ thuật, tiết giảm tổng mức đầu tư, gia tăng hiệu quả kinh tế của dự án. Từ thành công trong năm 2012, Ban tin tưởng rằng lực lượng lao động trẻ của Ban sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh để đạt được những thành công mới trong quá trình đầu tư dự án trong những năm tiếp theo, tạo tiền đề thuận lợi cho vận hành và khai thác Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau.

CÔNG TY LIÊN QUAN

Nếu như các công ty trực thuộc được xem như những trụ cột chính xây dựng nên, nâng đỡ và tạo sức sống cho ngôi nhà chung PV Gas, thì các công ty liên quan, do tính chất độc lập của một công ty cổ phần với sự tham gia góp vốn của nhiều cổ đông, lại là người bạn tử tế, thân tình, cùng hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau. Chính vì vậy, PV Gas luôn quan tâm đầu tư đúng mức, hỗ trợ và phối hợp kịp thời với các công ty liên quan cùng sản xuất kinh doanh và phát triển để bảo toàn và phát huy nguồn vốn đầu tư tài chính của PV Gas, cũng như để nhận lại được sự phối hợp nhịp nhàng của các công ty liên quan trong vận hành và khai thác toàn bộ dây chuyền khí.

Ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ và tỷ lệ nắm giữ của PV Gas tại các công ty liên quan

Stt	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	PV Gas nắm giữ (%)
I Công ty PV Gas nắm quyền kiểm soát/cổ phần chi phối				
1	Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam – PV Gas South	Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí hóa lỏng (bán lẻ LPG) Sản xuất, kinh doanh khí nén (CNG)	380,0	35,3
2	Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc – PV Gas North	Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí hóa lỏng (bán lẻ LPG)	277,2	35,9
3	Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam – PV Gas D	Kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp bằng đường ống	429,0	50,5
4	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Khí – PVID	Bọc ống và xây lắp công trình dân dụng và công nghiệp	216,0	76,5
5	Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí – PV Pipe	Sản xuất ống thép và tấm thép	1.300,0	94,0
6	Công ty CP Bình khí Dầu khí Việt Nam – PV Gas Cylinder	Sản xuất bình Gas	71,5	70,9
7	Công ty CP Thể thao Văn hóa Dầu khí – PSCC	Tổ chức và kinh doanh dịch vụ liên quan đến hoạt động thể thao và văn hóa	10,0	60,0
II Công ty liên kết				
1	Công ty CP Đầu tư Phát triển Gas đô thị – Gas City	Kinh doanh Gas bằng đường ống; lắp đặt hệ thống cung cấp Gas cho khu đô thị, nhà cao tầng	188,7	35,5
III Đầu tư khác				
1	Công ty CP Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long – PCT	Vận tải hành khách (taxi)	230,0	19,6
2	Ngân hàng Thương mại CP Đông Nam Á – SeAbank	Kinh doanh tiền tệ	5.334,6	1,5

Kết quả kinh doanh năm 2012 của các công ty liên quan

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do tình hình kinh tế không thuận lợi, nhưng phần lớn các công ty liên quan đều duy trì và đạt được kết quả kinh doanh tốt.

STT	Tên công ty	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Doanh thu thuần (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Tỷ suất LNTT/ Vốn điều lệ (%)
I Công ty PV Gas nắm quyền kiểm soát/cổ phần chi phối					
1	Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam	380,0	6.374,9	255,1	67,1
2	Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc	277,2	4.297,2	36,7	13,2
3	Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	429,0	5.487,6	304,1	70,9
4	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Khí	216,0	887,6	72,7	33,7
5	Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí	1.300,0	Công ty vừa hoàn thành đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất ống thép, đang sắp xếp, chuẩn bị nhân lực, nguyên liệu, chứng chỉ sản xuất,... để chính thức sản xuất, kinh doanh trong các năm tiếp theo		
6	Công ty CP Bình khí Dầu khí Việt Nam	71,5	138,1	0,9	1,3
7	Công ty CP Thể thao Văn hóa Dầu khí	10,0	19,6	0,4	4
II Công ty liên kết					
1	Công ty CP Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	188,7	796,9	8,1	4,3
III Đầu tư khác					
1	Công ty CP Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	230,0	892,4	10	4,3
2	Ngân hàng Thương mại CP Đông Nam Á	5.334,6		180 (Kế hoạch)	3,4



ĐỔI MỚI VÀ TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Đối với Công ty mẹ PV Gas, ngày 21/05/2012, cổ phiếu của PV Gas chính thức được giao dịch tại HOSE với mã chứng khoán GAS theo Thông báo số 470/2012/TB - SGDHCM ngày 04/05/2013 của HOSE, hoàn thành quá trình cổ phần hóa PV Gas.

Ngoài ra, để hoàn thiện thủ tục pháp lý cho ngành nghề kinh doanh chính của PV Gas theo quy định của Nghị định số 43/2010/NĐ - CP ngày 15/04/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và Nghị định số 107/2009/NĐ - CP ngày 26/11/2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng, PV Gas đã bổ sung ngành nghề kinh doanh “nạp LPG vào chai, xe bồn” và thành lập 4 chi nhánh của PV Gas tại các tỉnh Đồng Nai, Quảng Ngãi và thành phố Hải Phòng. Việc thành lập các chi nhánh này là để phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đối với các công ty liên quan, PV Gas cũng đã xây dựng phương án niêm yết cổ phiếu của PVID và PV Gas Cylinder trên sàn giao dịch chứng khoán. Tuy nhiên, do tình hình thị trường chứng khoán chưa thuận lợi, nên tạm thời chưa triển khai kế hoạch niêm yết cổ phiếu của các công ty.

Bên cạnh đó, PV Gas cũng đã nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần của PV Gas tại PV Pipe từ 85% lên 94%. (PV Pipe sản xuất và cung cấp các loại ống dẫn khí cho các dự án khí của PV Gas và các dự án dầu khí khác thay vì phải nhập khẩu từ nước ngoài về Việt Nam).

Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc, khi thị trường chứng khoán thuận lợi và đạt được thỏa thuận chuyển nhượng hợp lý, PV Gas cũng sẽ xem xét khả năng chuyển nhượng phần vốn của PV Gas tại PV Gas Cylinder, PCT, SeABank cho đối tác thích hợp có hoạt động sản xuất kinh doanh liên quan trực tiếp hơn, và giải thể PSCC.



Năm 2012, PV Gas tiếp tục thực hiện quá trình đổi mới và tái cấu trúc doanh nghiệp để có những điều chỉnh phù hợp về mặt cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ trong toàn PV Gas nhằm củng cố và tập trung hơn nữa vào ngành nghề kinh doanh chính của PV Gas và các ngành nghề hỗ trợ liên quan.

CAM KẾT KINH DOANH AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ



NĂM 2012

TUÂN THỦ QUY TRÌNH QUẢN LÝ AT-CL-MT
THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ OHSAS 18001:2007,
ISO 9001:2008, ISO 14001:2004

THỰC HIỆN 6 TRIỆU GIỜ LAO ĐỘNG AN TOÀN

QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong bối cảnh của một nền kinh tế đang phát triển, cùng với việc mở cửa thương mại và tài chính Việt Nam ra thị trường quốc tế, Việt Nam đón nhận ngày càng nhiều những cơ hội, đồng thời những thách thức mới đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam phải đổi mới, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, trong đó quản trị rủi ro đóng vai trò quan trọng là chìa khóa giúp giảm thiểu những sự cố, tổn thất, giúp hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khả quan hơn, cũng như giúp công tác quản trị doanh nghiệp đạt hiệu quả cao hơn.

Trước xu thế đó, Ban lãnh đạo PV Gas nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quản trị rủi ro hơn bao giờ hết, đã nhận định, đánh giá những nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, đề ra phương án, giải pháp nhằm giảm thiểu, khắc phục những rủi ro này.

Nhân tố rủi ro	Giải pháp để kiểm soát rủi ro
Hoạt động sản xuất kinh doanh Rủi ro vận hành: Khí và các sản phẩm khí là những sản phẩm dễ cháy nổ, là nguyên nhân tiềm tàng gây thiệt hại về tài sản, con người, môi trường, làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas.	Đặt mục tiêu vận hành an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường lên trên hết, thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ các quy trình quản lý AT - CL - MT theo tiêu chuẩn quốc tế như OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008, ISO 14001:2004, thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng định kỳ hệ thống vận hành, mua bảo hiểm cho tất cả các tài sản của PV Gas: công trình khí, nhà xưởng, hàng hóa, thành phẩm tồn kho, hàng hóa vận chuyển trên đường, bảo hiểm con người có trách nhiệm cao.
Nhân sự: Lực lượng lao động hùng hậu, hội tụ phẩm chất và năng lực là yếu tố cần thiết để phát triển PV Gas do ngành công nghiệp khí là ngành đặc thù đòi hỏi công nghệ và kỹ thuật cao.	Luôn tạo mọi điều kiện cho nhân viên phát huy năng lực bản thân. Xây dựng và áp dụng Chính sách nhân viên phù hợp.
Công nghệ thông tin: Trở thành công ty cổ phần, PV Gas chú trọng nhiều hơn nữa đến mảng công nghệ thông tin, là cầu nối quan trọng giúp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thiết lập quan hệ với khách hàng, nhà đầu tư, đối tác, cổ đông.	Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh PV Gas: Áp dụng hệ thống quản lý ERP trong quản trị tài chính, kế toán; Mở rộng phần mềm Maximo trong bảo dưỡng, sửa chữa; Thiết lập phần mềm KPoint Online Project Collaboration trong quản lý dự án... Ngày càng hoàn thiện website PV Gas, tăng cường công tác quan hệ cổ đông.
Thị trường ● Rủi ro lãi suất: PV Gas chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. PV Gas chịu rủi ro lãi suất khi PV Gas vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định.	Duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.
● Rủi ro tỷ giá hối đoái: Hiện nay một số hoạt động của PV Gas chịu ảnh hưởng từ biến động tỷ giá: 1) Hoạt động kinh doanh khí thiên nhiên và các sản phẩm lỏng; 2) Vay vốn bằng ngoại tệ để đầu tư các dự án.	Đối với hoạt động kinh doanh khí thiên nhiên và các sản phẩm lỏng, PV Gas ký hợp đồng bán khí, LPG cho khách hàng theo tỷ giá hiện hành. Đối với các khoản vay ngoại tệ dài hạn, PV Gas đã chủ động làm việc với các Ngân hàng thương mại để thu xếp được nguồn ngoại tệ với giá cạnh tranh nhất, tránh phát sinh chi phí chênh lệch tỷ giá.
● Rủi ro biến động giá LPG: Giá LPG mà PV Gas đang nhập khẩu biến động theo giá CP tại thị trường Trung Đông	Đầu tư xây dựng hệ thống kho chứa LPG để tăng năng lực tồn trữ. Lập tổ chuyên trách theo dõi thị trường và dự báo giá LPG để hoạch định kế hoạch kinh doanh LPG hiệu quả.

Tính thanh khoản:

Hoạt động của PV Gas được duy trì rất ổn định và tăng trưởng liên tục trong những năm qua. Do đó, các chỉ số liên quan đến tính thanh khoản đều ở mức hợp lý đảm bảo nguồn vốn đáp ứng các nghĩa vụ tài chính của PV Gas.

Theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Tín dụng:

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng, dẫn đến các tổn thất tài chính cho PV Gas. Hiện nay, PV Gas không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc với đối tác, bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Duy trì chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem PV Gas có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Pháp lý:

Là công ty cổ phần, hoạt động trong lĩnh vực dầu khí, hoạt động của PV Gas chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Dầu khí và thị trường chứng khoán,...Sự thay đổi của Luật, các văn bản dưới Luật và biến động của thị trường chứng khoán ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas.

Cập nhật thường xuyên Luật và các văn bản dưới Luật.



Tổ chức, nhân sự quản lý AT-CL-SK-MT

Hệ thống quản lý AT-CL-SK-MT của PV Gas được quản lý thống nhất từ cấp Lãnh đạo đến các phòng ban, công ty trực thuộc và thành viên. Ban An toàn - Sức khỏe - Môi trường chịu trách nhiệm xây dựng, ban hành và trực tiếp kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách, quy định, quy trình của Hệ thống, cũng như tham mưu cho Ban lãnh đạo PV Gas về định hướng phát triển Hệ thống quản lý tích hợp AT-CL-SK-MT. Tại các công ty trực thuộc và thành viên, Phòng An toàn- Môi trường chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các chính sách, quy định, quy trình của PV Gas, cũng như tư vấn, hỗ trợ các phòng, bộ phận sản xuất thực hiện, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ và kịp thời phản ánh những vấn đề cần bổ sung, điều chỉnh nhằm bảo đảm hiệu lực và hiệu quả của Hệ thống trong thực tế. Ngoài ra, còn có Hội đồng bảo hộ lao động, Ban chỉ đạo ứng cứu tình huống khẩn cấp và mạng lưới các an toàn vệ sinh viên cùng tham gia bộ máy tổ chức quản lý AT-CL-SK-MT.

Hệ thống quản lý AT-CL-SK-MT

Hệ thống quản lý AT-CL-SK-MT áp dụng trong toàn PV Gas cơ bản bao gồm các quy định của pháp luật và Hệ thống quản lý tích hợp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008, ISO 14001:2004. Điều này cho phép PV Gas vừa tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật Việt Nam, vừa tiếp thu được những điều tiên bộ trên thế giới để áp dụng trong quản lý AT-CL-SK-MT.

Thực hiện chính sách về an toàn

- Xây dựng, ban hành và cập nhật thường xuyên để cải tiến các quy định, quy trình về an toàn.
- Thực hiện và kiểm soát an toàn 24/24h trong sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất và đánh giá chi tiết việc thực hiện an toàn.
- Điều tra, thống kê, lưu trữ đầy đủ, bài bản các tai nạn, sự cố và vi phạm an ninh, an toàn; thực hiện khắc phục, phòng ngừa kịp thời và rút kinh nghiệm và phổ biến rộng rãi.
- Duy trì và nâng cao hiệu quả huấn luyện, đào tạo về an toàn, thực hiện bảo hộ lao động, STOP và các chương trình an toàn khác.
- Chuẩn bị sẵn sàng và ứng cứu kịp thời, hợp lý các tình huống khẩn cấp.
- Phối hợp chặt chẽ với công an, bộ đội biên phòng, chính quyền địa phương, người dân trong an ninh, an toàn.

Chăm sóc sức khỏe người lao động

- Khám sức khỏe: thực hiện định kỳ mỗi năm cho 100% người lao động.
- Duy trì sức khỏe: tổ chức nhiều hoạt động luyện tập, thi đấu thể thao, văn hóa.
- Chăm sóc sức khỏe tại nơi làm việc: sắp xếp bộ phận y tế làm việc thường trực tại mỗi cơ sở sản xuất kinh doanh, khám, chữa bệnh ngay tại chỗ cho người lao động.
- Chăm sóc sức khỏe tại bệnh viện: mua bảo hiểm y tế, bảo



PV Gas tin tưởng rằng hệ thống quản lý AT-CL-SK-MT đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam, quốc tế và thực tế thực hiện công tác AT-CL-SK-MT của PV Gas đã, đang và sẽ luôn tạo ra những sản phẩm, dịch vụ đáp ứng yêu cầu của khách hàng; đảm bảo an toàn cho tài sản, người lao động của PV Gas và người dân xung quanh; giữ gìn màu xanh cho môi trường sống xung quanh ta.

hiểm con người với mức trách nhiệm cao cho 100% người lao động, giúp người lao động được hỗ trợ chi phí và được hưởng dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.

- Phục hồi sức khỏe: tổ chức đều đặn các kỳ nghỉ an dưỡng.
- Quản lý sức khỏe: xây dựng và vận hành hệ thống phần mềm quản lý, chăm sóc sức khỏe người lao động.

Giữ gìn, bảo vệ môi trường

- Sử dụng máy móc, trang thiết bị, kỹ thuật, công nghệ hiện đại.
- Đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh, xây dựng tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Quản lý, xử lý chất thải nghiêm ngặt.
- Giữ gìn môi trường làm việc xanh – sạch – đẹp.



CON NGƯỜI VÀ DOANH NGHIỆP



NĂM 2012

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG: **1.274** NGƯỜI

LAO ĐỘNG CÓ TRÌNH ĐỘ TỪ CAO ĐẲNG,
ĐẠI HỌC TRỞ LÊN CHIẾM **77%**

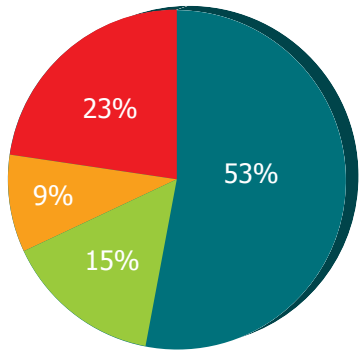
CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN PHÙ HỢP
VỚI XU THẾ CỦA THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG
VÀ TÌNH HÌNH THỰC TẾ CỦA PV GAS

Ở PV GAS, VĂN HÓA DOANH NGHIỆP
LUÔN LÀ CHÌA KHÓA VÀNG LÀM NÊN THÀNH CÔNG,
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP

ĐÓNG GÓP **150** TỶ ĐỒNG CHO HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

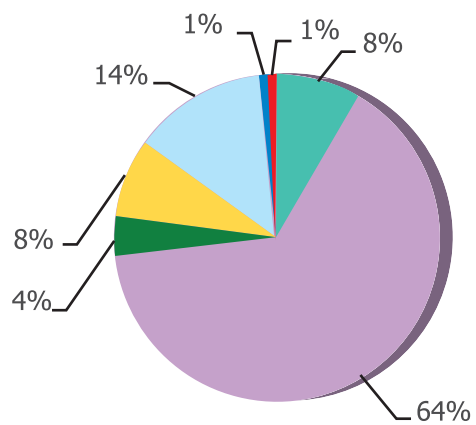
TIỀM LỰC CON NGƯỜI

Phân loại lao động theo ngành nghề



- Kỹ thuật (điện, cơ khí, lọc hóa dầu)
- Kinh tế
- Tài chính kế toán
- Ngành nghề khác

Phân loại lao động theo trình độ



- Tiến sĩ
- Thạc sĩ
- Đại học
- Cao đẳng
- Trung cấp
- Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

Lao động có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của ngành công nghiệp khí.

Công nghiệp khí là một ngành đòi hỏi kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, có yêu cầu cao về kỹ thuật lao động để thu gom, vận chuyển, chế biến, tàng trữ và phân phối khí và các sản phẩm khí an toàn từ thượng nguồn, trung nguồn đến hạ nguồn; cùng với đặc điểm PV Gas tham gia cả hai hoạt động trực tiếp sản xuất và kinh doanh khí và các sản phẩm khí, nên đội ngũ lao động của PV Gas là những người có chuyên môn, tay nghề cao, có ý thức tổ chức kỷ luật, trong đó lao động am hiểu về kỹ thuật (điện, cơ khí, lọc hóa dầu) chiếm đa số, tiếp theo là kinh tế và tài chính kế toán, và lao động có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên chiếm 77%.

Do đó, kết quả trong suốt hơn 22 năm hoạt động của PV Gas là chưa để xảy ra sự cố nghiêm trọng nào gây mất an toàn; sản phẩm và dịch vụ đáp ứng yêu cầu của khách hàng; kết quả kinh doanh tốt; đội ngũ lao động đã thay thế và đảm nhiệm những vị trí công việc trước đây phải thuê chuyên gia nước ngoài. Chính người lao động đã mang lại cho PV Gas một tài sản quý báu - nguồn nhân lực có chất lượng cao, tạo thêm thế và lực cho PV Gas.

Chính sách nhân viên

Chính sách nhân viên của PV Gas đã được xây dựng ngay từ khi thành lập PV Gas và tiếp tục được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở cập nhật những quy định mới của pháp luật, phù hợp với xu thế của thị trường lao động và tình hình thực tế của PV Gas. Chính sách nhân viên được xem như cầu nối PV Gas với người lao động, thậm chí cả những người thân của người lao động trong một số trường hợp; quy định cụ thể, rõ ràng tất cả vấn đề về quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động khi làm việc tại PV Gas, bao gồm: lương, thưởng, phụ cấp, trợ cấp, đào tạo, môi trường làm việc, chế độ bảo hiểm, nhà ở, khám và theo dõi sức khỏe, hoạt động thể thao văn hóa, du lịch, nghỉ dưỡng và nhiều chế độ phúc lợi khác dành cho người lao động và gia đình người lao động. Nét tiên tiến và tác động tích cực của chính sách nhân viên thể hiện rõ trong thực tế qua việc người lao động tại PV Gas được trả lương, thưởng và các chế độ phúc lợi dựa trên năng lực và hiệu quả công việc của từng cá nhân, tạo thu nhập ổn định để trang trải cuộc sống bản thân và gia đình, được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn để cập nhật những kiến thức mới, được chăm lo về mặt thể chất và tinh thần để phục hồi sức lao động, được bảo đảm chế độ đầy đủ khi nghỉ hưu, khuyến khích người lao động có chuyên môn và kinh nghiệm gắn bó lâu dài với PV Gas, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và hiệu quả.

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG VÀO NGÀY
31/12/2012:

1.274 NGƯỜI

Xây dựng và đẩy mạnh văn hóa doanh nghiệp là nền tảng cho sự thành công của PV Gas

Với PV Gas, văn hóa doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng làm nền tảng làm nên sự thành công, phát triển bền vững của doanh nghiệp trong thời đại hội nhập và phát triển toàn cầu. Vì vậy, Ban lãnh đạo PV Gas nhận thức được tầm quan trọng của yếu tố con người, lấy con người là tài sản vô giá làm nên giá trị, thành công, hiệu quả hoạt động của PV Gas.

Người lao động PV Gas đến từ 3 miền Bắc, Trung, Nam, với năng lực và trình độ cao, đáp ứng công việc được giao với tinh thần và trách nhiệm cao nhất. Sự hoà trộn năng lực, sự hội tụ nhiều quan điểm, cách làm và cách suy nghĩ đa dạng là những nhân tố làm nên giá trị tinh thần tại PV Gas.

Tại PV Gas, người lao động luôn được tạo mọi điều kiện làm việc trong môi trường chuyên nghiệp và thân thiện. Đam mê, tận tâm, có tinh thần trách nhiệm với công việc, tác phong chuyên nghiệp được coi là kim chỉ nam cho mọi suy nghĩ và hành động của người lao động tại PV Gas.

Ban lãnh đạo PV Gas thường xuyên quan tâm, chăm lo đời sống của nhân viên, cam kết đào tạo nâng cao kỹ năng, kiến thức nghề nghiệp, phát triển năng lực bản thân cho người lao động, tạo môi trường làm việc công bằng, công khai, minh bạch.



HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG



Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội, hoạt động cộng đồng là ý thức và trách nhiệm của PV Gas đối với xã hội, cộng đồng.



Như xu hướng chung của rất nhiều doanh nghiệp tiên tiến khác, trong hoạt động sản xuất kinh doanh, PV Gas không chỉ chú trọng đến quyền lợi kinh tế mang về cho PV Gas và cổ đông, mà còn quan tâm đến việc chung tay phát triển xã hội, cộng đồng. Điều này đã trở thành ý thức và trách nhiệm của PV Gas cũng như toàn thể CBCNV PV Gas trong nhiều năm qua.

PV Gas tham gia công tác an sinh xã hội, hoạt động cộng đồng ở cả hai mảng, cứu trợ nhân đạo để kịp thời chia sẻ bớt phần nào nỗi nhọc nhằn trong cuộc sống với những người có hoàn cảnh khó khăn, và hỗ trợ mang tính đầu tư dài hạn để phát triển y tế cộng đồng và thể hệ tương lai.

Cụ thể trong năm 2012, PV Gas đã đóng góp 150 tỷ đồng để xây dựng nhà Đại đoàn kết, trường học, trạm y tế, trao tặng trang thiết bị y tế, tài trợ chương trình khám, chữa bệnh cho người nghèo, ủng hộ quỹ khuyến học, bảo trợ trẻ em tại nhiều địa phương trong cả nước (các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Ninh Bình, Hà Nam, Hải Phòng, Hưng Yên, Yên Bái,...) và những người chiến sỹ đã và đang ngày đêm chiến đấu, giữ gìn sự bình yên cho đất nước,...

PV Gas tự nguyện trao gửi đến cộng đồng những tình cảm chân thành, những hỗ trợ thiết thực với mong muốn góp phần thực hiện ước nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành" và xây dựng một xã hội phát triển bền vững.



DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG

Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR500 do Công ty cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam, Tạp chí Vietnamnet.vn bình chọn.

Doanh nghiệp đạt chỉ số tín nhiệm – TrustPro Brand 2012 về chất lượng sản phẩm dịch vụ, hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế, trách nhiệm với môi trường, trách nhiệm với cộng đồng do Viện Nghiên cứu kinh tế phát triển và hệ thống mạng ngân hàng thương hiệu đánh giá.

Giải thưởng Thương hiệu Vàng – Logo và Slogan ấn tượng do Hiệp hội chống hàng giả và bảo vệ thương hiệu – Bộ Công thương tổ chức.

Top 10 Nhãn hiệu nổi tiếng, cạnh tranh an toàn, chất lượng, môi trường do Hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam bình chọn.

Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh.



PHÁT TRIỂN, CẢI TIẾN, ĐỔI MỚI



PHÁT TRIỂN PV GAS THEO HƯỚNG TĂNG TỐC, ĐỘT PHÁ, ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM, ĐẢM BẢO AN TOÀN, CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ VÀ BỀN VỮNG TRÊN CÔNG NGHỆ TIỀN TIẾN NHẤT, HƯỚNG TỚI LỢI ÍCH CHUNG CỦA CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI, ĐƯA CÔNG NGHIỆP KHÍ TRỞ THÀNH NGÀNH KINH TẾ KỸ THUẬT QUAN TRỌNG, ĐÁP ỨNG NHU CẦU THỊ TRƯỜNG TRÊN CƠ SỞ GIA TĂNG GIÁ TRỊ NGUỒN KHÍ TRONG NƯỚC, TẬN DỤNG NGUỒN KHÍ TỪ CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Quan điểm phát triển

- Phát triển PV Gas theo hướng tăng tốc, đột phá, đảm bảo an toàn, chất lượng, hiệu quả và bền vững trên công nghệ tiên tiến nhất, hướng tới lợi ích chung của cộng đồng xã hội; góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho đất nước và đảm bảo nguồn cung ổn định, lâu dài về khí và các sản phẩm khí, trong đó, an toàn và hiệu quả là kim chỉ nam xuyên suốt quá trình phát triển.

- Phát triển công nghiệp khí thành ngành kinh tế kỹ thuật quan trọng, đáp ứng nhu cầu thị trường trên cơ sở gia tăng giá trị nguồn khí trong nước, tận dụng nguồn khí từ các nước trong khu vực và thế giới; đưa PV Gas trở thành doanh nghiệp mạnh có thương hiệu trong khu vực và trên thế giới.

- Phát triển theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, tăng cường chế biến sâu để gia tăng giá trị khí; phát huy nội lực, tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, khai thác triệt để lợi thế là một thành viên của PVN.

- Coi con người là yếu tố then chốt, hình thành đội ngũ lao động có trình độ tiên tiến, tác phong công nghiệp, kỷ luật nghiêm ngặt; từng bước tiếp thu, nhận chuyển giao công nghệ, tiến đến làm chủ công nghệ nhằm chiếm lĩnh thị trường trong nước và mở rộng phát triển ra nước ngoài.

Mục tiêu tổng quát

Phát triển PV Gas vững mạnh, an toàn, chất lượng, hiệu quả, hiện đại, với phạm vi hoạt động hoàn chỉnh trong tất cả các khâu thu gom, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu; đa dạng hóa nguồn cung cấp khí và các sản phẩm khí; đẩy mạnh tìm kiếm nguồn cung bổ sung trong và ngoài nước; đẩy mạnh đa dạng hóa sản phẩm, đặc biệt chú trọng phát triển các dự án chế biến sâu nhằm gia tăng giá trị khí; đóng vai trò chủ đạo trong công

ngiệp khí trên toàn quốc và phát triển ra thị trường quốc tế, đưa ngành công nghiệp khí Việt Nam trở thành ngành kinh tế kỹ thuật quan trọng trong nền kinh tế đất nước; phấn đấu tốc độ tăng trưởng doanh thu từ 18-20%/năm, trong đó khí chiếm 61%, sản phẩm khí chiếm 17%, dịch vụ chiếm 22%.

Mục tiêu cụ thể

- Tăng cường thu gom khí tối đa, đầu tư hệ thống nhập LNG, đảm bảo nguồn cung khí, cấp khí liên tục cho các hộ tiêu thụ; phấn đấu sản lượng khí tiêu thụ từ 9 tỷ m³ trong năm 2013 lên 12,5 tỷ m³ trong năm 2015; dự kiến nhập khẩu 0,5 triệu tấn LNG vào năm 2016.

- Đầu tư phát triển mạng lưới đường ống trên bờ, kết nối khu vực Đông và Tây Nam Bộ, đảm bảo tiêu thụ khí hiệu quả.

- Đầu tư hệ thống tàng trữ để duy trì ít nhất 50% thị phần bán buôn LPG cả nước và phát triển hệ thống đại lý cửa hàng để chiếm 30% thị phần LPG bán lẻ toàn quốc.

- Phát triển và trở thành nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu trong lĩnh vực khí, đặc biệt là các dịch vụ vận chuyển, sản xuất ống, bọc ống, kho chứa; phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 20%/năm.

- Tiếp tục nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ, chất lượng và hiệu quả của các đề tài nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ, gắn kết chặt chẽ giữa các trung tâm nghiên cứu, trường đại học và các đơn vị sản xuất kinh doanh của PV Gas; đầu tư nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới từ khí, công nghệ khai thác và xử lý khí có hàm lượng CO₂ cao; xây dựng và hình thành đội ngũ cán bộ, công nhân có trình độ cao đủ khả năng nghiên cứu, triển khai ứng dụng, làm chủ công nghệ hiện đại/tiến tiến ở trình độ khu vực và quốc tế.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

Đặc điểm tình hình

Theo dự báo, trong thời gian tới nền kinh tế Việt Nam cũng như trên thế giới còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong công tác tiêu thụ sản phẩm, huy động vốn... Sản lượng cấp khí của mỏ Bạch Hổ giảm nhiều theo thời gian khai thác. Mỏ Hải Thạch - Mộc Tinh mới đi vào hoạt động có thể chưa ổn định. Nhiều dự án (lô B - Ô Môn, Nam Côn Sơn 2, Hàm Rồng - Thái Bình, LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải,...) đồng loạt triển khai, có nhu cầu vốn lớn, cần huy động nguồn lực lớn để đảm bảo tiến độ. Phương án/ tiến độ một số dự án của PV Gas triển khai có thể thay đổi.

Tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được trong năm 2012, vượt qua những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh để phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2013

Chỉ tiêu	Đvt	KH 2013
Chỉ tiêu khối lượng		
Khí khô	Tr.M3	9.010
Khí Cửu Long	Tr.M3	1.079
Khí Nam Côn Sơn	Tr.M3	6.231
Khí PM3	Tr.M3	1.700
Condensate	Tấn	51.000
LPG (Công ty mẹ)	Tấn	920.000
Chỉ tiêu tài chính		
Doanh thu	Tỷ đồng	55.751
Trong đó Công ty mẹ	Tỷ đồng	50.137
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	9.453
Trong đó Công ty mẹ (*)	Tỷ đồng	9.365
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7.693
Trong đó Công ty mẹ (*)	Tỷ đồng	7.624
Tỷ suất LNST/VĐL	%	40
Tỷ lệ chia cổ tức	%	20
Nộp ngân sách	Tỷ đồng	3.583
Trong đó Công ty mẹ	Tỷ đồng	3.493

(*): Năm 2013, PV Gas phấn đấu đạt **10.625** tỷ đồng LNTT và **8.594** tỷ đồng LNST (Công ty mẹ).

Giải pháp thực hiện

• Sản xuất kinh doanh

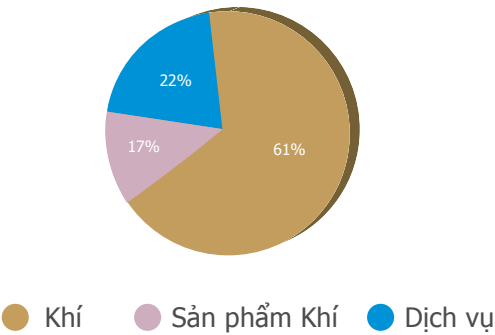
- Tăng cường bảo vệ, an ninh, an toàn trên các công trình khí; liên tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các qui định về an toàn, bảo dưỡng sửa chữa cũng như nghiêm túc thực hiện.

- Phối hợp chặt chẽ với các bên trong dây chuyền khí, giảm thiểu thời gian dừng khí để thực hiện bảo dưỡng sửa chữa, huy động tối đa công suất các hệ thống khí.

- Cân đối nguồn hàng, có kế hoạch cụ thể và thực hiện nhập khẩu LPG với giá cả cạnh tranh, đảm bảo hiệu quả trong kinh doanh và duy trì là nhà sản xuất và kinh doanh cung cấp LPG lớn nhất tại thị trường Việt Nam.

- Phát triển mạnh thị trường bán lẻ khí và các sản phẩm khí (khí thấp áp, CNG, LPG) nhằm gia tăng giá trị khí và chuẩn bị cho phát triển các dự án nhập khẩu LNG trong các năm tiếp theo.

CƠ CẤU DOANH THU 2011 - 2015



- Tăng cường quản trị doanh nghiệp; tổ chức tốt công tác dự báo để có các quyết định/điều chỉnh chính xác, kịp thời, mang lại hiệu quả cao cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Rà soát, bổ sung, sửa đổi các định mức kinh tế kỹ thuật về tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu, năng lượng; định mức khai thác và sử dụng máy móc, thiết bị; định mức lao động, tiền lương theo hướng quản lý chặt chẽ nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng năng suất lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

- Tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ giá thành, giá vốn các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ kết hợp với đổi mới quản trị doanh nghiệp, bảo đảm chất lượng và giá sản phẩm hàng hoá, dịch vụ ở mức cạnh tranh hợp lý.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát để chấn chỉnh kịp thời các chỉ tiêu chưa thực sự hợp lý; thực hiện cắt giảm chi phí thường xuyên, mua sắm vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu và sử dụng các dịch vụ đúng qui định và đảm bảo chất lượng.

● **Đầu tư xây dựng**

- Tập trung triển khai các dự án quan trọng là đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2, lô B - Ô Môn, Hàm Rồng-Thái Bình, kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải để bổ sung nguồn cung cấp khí và các sản phẩm khí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

- Kiểm soát chặt và liên tục rà soát tiến độ các dự án nhằm đạt được các mục tiêu kế hoạch; đảm bảo thu xếp đủ vốn cho dự án theo tiến độ.

- Căn cứ tính chất dự án và mức độ phân cấp, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc tại hiện trường, duy trì giao ban hàng tuần/tháng để tháo gỡ vướng mắc, xây dựng và áp dụng cơ chế thường phạt rõ ràng.

● **Huy động, quản lý, sử dụng vốn**

- Tận dụng tối đa nguồn vốn tín dụng của các tổ chức tài chính trong và ngoài nước, PVN; quản lý, sử dụng linh hoạt và hiệu quả nguồn vốn của PV Gas và các đơn vị, tạo sức mạnh tài chính trong toàn PV Gas.

- Cân đối thu - chi ngoại tệ, chủ động phối hợp với các Ngân hàng thực hiện chính sách kết hối ngoại tệ khi cần thiết, phục vụ kịp thời cho sản xuất kinh doanh, đầu tư; thu xếp vốn đủ, kịp thời theo tiến độ từng dự án; tăng cường sử dụng nguồn vốn vay từ gốc VNĐ để giảm thiểu rủi ro về tỷ giá.

- Quản lý, kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, nguồn hàng để tăng nhanh vòng quay vốn kinh doanh, tiết kiệm chi phí sử dụng vốn, cũng như giá thành, giá vốn các hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ, kết hợp với đổi mới quản trị doanh nghiệp để bảo đảm chất lượng và giá thành sản phẩm hàng hoá, dịch vụ ở mức cạnh tranh.

● **Khoa học công nghệ**

Duy trì hợp tác về khoa học công nghệ trong lĩnh vực chế biến khí với các tổ chức trong và ngoài nước; phát huy khả năng nghiên cứu, sáng kiến cải tiến khoa học của CBCNV PV Gas; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động để không ngừng đổi mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào ngành công nghiệp khí.

● **Nhân lực**

- Sắp xếp, bố trí lao động phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ; thực hiện luân chuyển cán bộ nhằm tăng khả năng lãnh đạo và hoàn thành tốt công việc.

- Đánh giá, củng cố chức trách và năng lực của người đại diện của PV Gas tại các công ty thành viên nhằm nâng cao vai trò và trách nhiệm của người đại diện.

- Đào tạo có trọng điểm và đào tạo, tái đào tạo cho các chức danh cần thiết.

- Áp dụng và điều chỉnh kịp thời chính sách lương, thưởng, phúc lợi thích hợp để thu hút và phát triển nguồn lực có trình độ và kinh nghiệm gắn bó làm việc lâu dài với PV Gas.

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, các quy định, quy chế quản lý ngày càng rõ ràng, cụ thể, minh bạch hơn và phù hợp với quy định của pháp luật.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo có tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch
Ông Vũ Đình Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Khang Ninh	Thành viên
Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Dân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Khang Ninh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hưng Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Mạnh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Tùng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mậu Dũng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Đỗ Khang Ninh
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 615 /Deloitte-AUDHN-RE

Kính gửi: **Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 14 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 42. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất tới các vấn đề sau: Như trình bày tại Thuyết minh số 32 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, thời điểm Tổng Công ty ghi nhận doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn là thời điểm phát hành hoá đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu và giá vốn của hoạt động bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2012 chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền lần lượt là 4.380 tỷ đồng và 3.376 tỷ đồng (doanh thu và giá vốn phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2011 được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền lần lượt là 3.137 tỷ đồng và 2.699 tỷ đồng).



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 3 năm 2013
Hà Nội. CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

		Đơn vị: VND			
TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		20.371.923.851.895	19.228.454.339.267
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	12.753.084.518.890	10.045.200.208.018
	1. Tiền	111		2.863.132.509.023	2.469.909.918.705
	2. Các khoản tương đương tiền	112		9.889.952.009.867	7.575.290.289.313
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		68.900.000.000	317.329.590.057
	1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	68.900.000.000	317.329.590.057
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.373.621.264.496	6.950.175.738.591
	1. Phải thu khách hàng	131		4.685.347.490.903	5.848.359.560.410
	2. Trả trước cho người bán	132		238.284.434.969	532.350.611.965
	3. Các khoản phải thu khác	135	7	503.275.558.814	576.915.982.111
	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(53.286.220.190)	(7.450.415.895)
IV.	Hàng tồn kho	140	8	1.613.861.504.515	1.058.438.475.370
	1. Hàng tồn kho	141		1.697.933.795.824	1.116.531.431.416
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(84.072.291.309)	(58.092.956.046)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		562.456.563.994	857.310.327.231
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		80.864.897.395	84.694.771.269
	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		242.263.975.928	240.658.682.211
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	746.260.576	35.267.267.043
	4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	238.581.430.095	496.689.606.708
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		24.154.899.329.132	25.690.247.699.060
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	4.271.313.000
	1. Phải thu dài hạn khác	218		-	4.271.313.000
II.	Tài sản cố định	220		20.995.219.488.496	21.690.932.957.816
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	15.322.431.154.651	16.880.391.593.443
	- Nguyên giá	222		28.892.920.270.805	27.455.376.602.037
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.570.489.116.154)	(10.574.985.008.594)
	2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	171.444.164.015	217.309.123.704
	- Nguyên giá	225		233.414.964.033	233.362.226.977
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(61.970.800.018)	(16.053.103.273)
	3. Tài sản cố định vô hình	227	13	344.498.531.074	266.163.593.071
	- Nguyên giá	228		365.265.638.716	277.339.154.931
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.767.107.642)	(11.175.561.860)
	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	5.156.845.638.756	4.327.068.647.598
III.	Bất động sản đầu tư	240		762.243.170	-
	- Nguyên giá	241		5.653.026.713	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4.890.783.543)	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		867.827.381.026	990.464.441.887
	1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	75.635.750.091	123.325.626.151
	2. Đầu tư dài hạn khác	258	18	847.600.283.780	892.138.815.736
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(55.408.652.845)	(25.000.000.000)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		2.291.090.216.440	3.004.578.986.357
	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	2.265.490.285.995	2.982.084.940.813
	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.521.287.287	3.696.280.326
	3. Tài sản dài hạn khác	268		22.078.643.158	18.797.765.218
C.	LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	269	20	619.357.443.887	692.064.922.695
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200+269)		270		45.146.180.624.914	45.610.766.961.022

Các thuyết minh từ trang 71 đến trang 99 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

		MẪU SỐ B 01-DN/HN	
		Đơn vị: VND	
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	
			31/12/201231/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		16.310.931.351.12320.591.723.900.161
I. Nợ ngắn hạn	310		8.056.204.626.14810.348.754.186.231
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	21	3.041.859.621.4802.866.904.584.313
2. Phải trả người bán	312		2.374.444.302.0834.215.277.931.471
3. Người mua trả tiền trước	313		11.632.553.84220.504.283.485
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	708.635.752.915596.751.265.911
5. Phải trả người lao động	315		163.803.747.694158.882.685.476
6. Chi phí phải trả	316	23	1.191.150.294.6641.042.983.577.594
7. Phải trả ngắn hạn nội bộ	317	24	45.631.637.35145.128.506.078
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	25	456.754.972.4291.280.701.753.553
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		62.291.743.690121.619.598.350
II. Nợ dài hạn	330		8.254.726.724.97510.242.969.713.930
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332	26	44.264.383.26944.264.383.269
2. Phải trả dài hạn khác	333	27	270.061.016.924265.905.529.389
3. Vay và nợ dài hạn	334	28	6.188.759.149.2078.149.810.808.499
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-3.137.375.655
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337		1.261.561.198-
6. Doanh thu chưa thực hiện	338		596.715.164.385633.140.614.765
7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.153.665.449.9921.146.711.002.353
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410+430)	400		27.192.763.424.09523.482.279.466.687
I. Vốn chủ sở hữu	410	29	27.191.199.379.24123.480.353.215.187
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.950.000.000.00018.950.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		33.010.841.08330.966.515.289
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-(71.056.425.755)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.548.073.253.137357.653.653.654
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.456.619.605.947456.640.566.558
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		131.687.747.553214.429.579.255
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.071.807.931.5213.541.719.326.186
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.564.044.8541.926.251.500
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		1.564.044.8541.926.251.500
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	30	1.642.485.849.6961.536.763.594.174
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		45.146.180.624.91445.610.766.961.022

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		31/12/2012	31/12/2011
	Đơn vị		
1. Hàng hóa nhận giữ hộ (LPG)	Kg	1.108.431	-
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		-	3.394.214.263
3. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ		4.596.527	4.234.016
Euro		1.638	128

Đặng Thị Hồng Yến
Người lập biểu

Mai Hữu Ngạn
Kế toán trưởng

Đỗ Khang Ninh
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 71 đến trang 99 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

		MẪU SỐ B 02-DN/HN	
		Đơn vị: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	
			20122011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	68.419.862.408.85564.299.749.211.153
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	118.503.607.85975.249.571.335
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	32	68.301.358.800.99664.224.499.639.818
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	53.394.663.454.29853.659.795.476.998
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		14.906.695.346.69810.564.704.162.820
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	1.143.873.657.0441.340.655.103.339
7. Chi phí tài chính	22	35	556.776.193.4361.711.071.240.942
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		449.624.014.624795.580.913.288
8. Chi phí bán hàng	24		1.272.656.622.7801.233.654.667.320
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.926.596.892.2731.611.467.625.426
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		12.294.539.295.2537.349.165.732.471
11. Thu nhập khác	31	36	90.534.302.545394.901.889.652
12. Chi phí khác	32	37	37.121.818.98261.863.897.237
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		53.412.483.563333.037.992.415
14. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	45		2.349.765.7283.494.842.988
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		12.350.301.544.5447.685.698.567.874
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	38	2.247.551.651.4411.265.060.723.188
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		791.039.463144.259.671
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		10.101.958.853.6406.420.493.585.015
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		294.622.980.277507.805.284.977
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		9.807.335.873.3635.912.688.300.038
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	5.1672.285

Đặng Thị Hồng Yến
Người lập biểu

Mai Hữu Ngạn
Kế toán trưởng

Đỗ Khang Ninh
Tổng Giám đốc

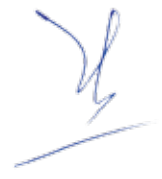
Ngày 14 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 71 đến trang 99 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng12 năm 2012

		MẪU SỐ B 02-DN/HN	
		Đơn vị: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.350.301.544.544	7.685.698.567.874
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.088.796.474.370	2.798.656.500.751
Các khoản dự phòng	03	102.223.792.403	72.119.982.228
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(5.685.400.262)	543.234.837.703
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.067.698.147.746)	(1.226.713.315.909)
Chi phí lãi vay	06	449.624.014.624	795.580.913.288
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.917.562.277.933	10.668.577.485.935
Biến động các khoản phải thu	09	1.479.228.476.613	1.314.786.561.964
Biến động hàng tồn kho	10	(581.402.364.408)	(166.744.194.873)
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.553.346.982.591)	(818.000.681.519)
Biến động chi phí trả trước và tài sản khác	12	1.081.050.011.962	455.028.257.928
Tiền lãi vay đã trả	13	(529.185.270.206)	(507.098.901.033)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.981.984.302.115)	(1.038.210.312.525)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	37.810.180.213	213.502.324.383
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(331.728.721.290)	(324.922.805.167)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.538.003.306.111	9.796.917.735.093
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(2.414.704.980.096)	(5.154.669.623.329)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	20.531.843.742	16.225.586.608
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(176.151.837.380)	(1.768.111.030.057)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	544.081.695.453	3.266.051.386.124
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(276.097.502.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	179.347.745.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.120.730.933.458	799.032.796.800
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(905.512.344.823)	(2.938.220.640.854)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.337.623.086.925	7.574.198.062.749
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.183.039.332.825)	(4.839.431.427.553)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(40.014.456.444)	(35.841.449.861)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.043.425.480.000)	(4.441.026.146.645)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.928.856.182.344)	(1.742.100.961.310)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.703.634.778.944	5.116.596.132.929
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.045.200.208.018	4.927.167.508.497
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.249.531.928	1.436.566.592
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	12.753.084.518.890	10.045.200.208.018


Đặng Thị Hồng Yến
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 71 đến trang 99 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất


Mai Hữu Ngạn
Kế toán trưởng


Đỗ Khang Ninh
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên - là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 2232/QĐ-DKVN ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500102710 cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007.

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 5 năm 2011 với vốn điều lệ là 18.950 tỷ đồng. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là GAS.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty có các công ty con sau:

- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là "PVGAS South")
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "PVGAS North")
- Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PVGAS D")
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí (sau đây gọi tắt là "PVID")
- Công ty Cổ phần Thể thao Văn hóa Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PSCC")
- Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PV Cylinder")
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PV Pipe").

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: Thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí và sản phẩm khí. Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống, chi tiết: Chế biến khí và sản phẩm khí. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Tổ chức phân phối và kinh doanh các sản phẩm khí khô, LNG, CNG, LPG, Condensate; Xuất nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, LPG, Condensate. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan, chi tiết: Tư vấn đầu tư, thiết kế xây dựng công trình công nghiệp cơ khí chế tạo. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, dân dụng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, chi tiết: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu, chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí, nhập vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cảng. Kinh doanh bất động sản.Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng từ khâu nguồn từ cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ. Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí. Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông lâm ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Dịch vụ vận tải và các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí, vận chuyển sản phẩm khí (kinh doanh dịch vụ vận chuyển các sản phẩm khí).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Quyết toán cổ phần hóa

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó tối đa là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Lợi thế thương mại (tiếp theo)

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được trình bày theo giá gốc, bao gồm tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng, khoản tiền ủy thác quản lý vốn ngắn hạn và hưởng lãi suất ủy thác tương ứng với kết quả của hoạt động ủy thác và các khoản đầu tư ngắn hạn khác.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền hoặc nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2012
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải	2 - 9
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 20

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, bản quyền, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa và các tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian được cấp, quyền sử dụng đất sử dụng lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ ba đến sáu năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào các công ty với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20% tổng số vốn tương đương quyền biểu quyết của các công ty này, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các niên độ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư (nếu có).

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị vô bình gas và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian ba (03) năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Giá trị vô bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian sử dụng ước tính của vô bình (Ký quỹ, ký cược vô bình gas nhận được từ khách hàng được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác và được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vô bình gas). Giá trị vô bình gas được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười (10) năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Khoản trả trước tiền thuê đất được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tương ứng với thời gian thuê. Các khoản chi trả trước còn lại được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng không quá ba (03) năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính. doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn được ghi nhận tại thời điểm Tổng Công ty phát hành hoá đơn giá trị gia tăng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Trong năm, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 sẽ tăng 24.660.145.215 đồng và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm 24.660.145.215 đồng và số dư khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 sẽ giảm 24.660.145.215 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 179 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập từ 10% thu thập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Số dư quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm số nhận bàn giao từ Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với số tiền là 1.146.711.002.353 đồng. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc trích quỹ như trên là phù hợp với hoạt động phát triển khoa học và công nghệ của Tổng Công ty

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	13.967.220.175	15.669.406.599
Tiền gửi ngân hàng	2.849.165.288.848	2.453.746.469.267
Tiền đang chuyển	-	494.042.839
Các khoản tương đương tiền (i)	9.889.952.009.867	7.575.290.289.313
	12.753.084.518.890	10.045.200.208.018

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng và tổ chức tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi có kỳ hạn và ủy thác quản lý vốn từ 12 tháng trở xuống	65.800.000.000	314.229.590.057
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	3.100.000.000	3.100.000.000
	68.900.000.000	317.329.590.057

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác liên doanh thực hiện xây dựng đường ống Lô B - Ô Môn	148.896.597.399	171.685.872.819
Tiền đặt cọc mua nhà tại Công ty Địa ốc Phú Long	215.139.399.300	201.625.000.000
Ứng trước cho PVC Mekong thực hiện xây dựng khu văn phòng cho thuê Bạc Liêu	50.000.000.000	49.998.681.817
Các khoản phải thu khác	89.239.562.115	153.606.427.475
	503.275.558.814	576.915.982.111

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng mua đang đi trên đường	24.239.996.690	46.379.441.072
Nguyên liệu, vật liệu	589.315.538.676	546.017.332.265
Công cụ, dụng cụ	64.028.781.677	35.756.779.421
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	96.321.933.781	21.157.667.225
Thành phẩm	163.692.283.252	58.760.517.432
Hàng hóa	760.335.261.748	408.459.694.001
	1.697.933.795.824	1.116.531.431.416
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(84.072.291.309)	(58.092.956.046)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.613.861.504.515	1.058.438.475.370

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	201.612.424	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	30.972.345.274
Thuế thu nhập doanh nghiệp	218.273.332	-
Các loại thuế khác	326.374.820	4.294.921.769
	746.260.576	35.267.267.043

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	370.300.170	248.053.350
Tạm ứng	16.447.885.255	12.729.966.825
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	221.763.244.670	478.761.148.691
Khác	-	4.950.437.842
	238.581.430.095	496.689.606.708

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	1.246.555.211.017	1.279.357.099.105	467.424.192.723	105.715.040.506	24.356.325.058.686	27.455.376.602.037
Mua trong năm	71.554.712.430	98.352.171.781	38.503.997.818	14.148.619.073	5.138.410.831	227.697.911.933
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	141.307.711.990	394.178.301.570	709.090.909	17.915.059.954	729.051.119.957	1.283.161.284.380
Điều chỉnh theo quyết toán	(212.500.000)	-	-	(41.736.000)	3.522.241.761	3.268.005.761
Tăng khác	23.005.220.109	12.137.650.634	-	978.016.522	-	36.120.887.265
Thanh lý, nhượng bán	(4.768.991.748)	(20.398.126.998)	(33.853.585.459)	(1.113.004.943)	(22.000.000)	(60.155.709.148)
Giảm khác	(35.059.936.934)	(1.956.181.784)	(10.539.883.653)	(1.189.640.359)	(3.803.068.693)	(52.548.711.423)
Phân loại lại	1.114.832.410.123	276.876.767.661	35.490.782.756	15.373.285.159	(1.442.573.245.699)	-
Tại ngày 31/12/2012	2.557.213.836.987	2.038.547.681.969	497.734.595.094	151.785.639.912	23.647.638.516.843	28.892.920.270.805
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	206.765.532.447	312.633.406.678	139.202.041.312	63.089.229.297	9.853.294.798.860	10.574.985.008.594
Khấu hao trong năm	220.135.996.788	284.637.790.025	95.740.798.089	22.942.192.899	2.405.121.962.325	3.028.578.740.126
Tăng khác	-	-	1.508.241.420	-	-	1.508.241.420
Thanh lý, nhượng bán	(1.724.409.275)	(2.654.415.768)	(74.887.932)	(1.101.008.658)	(20.906.867)	(5.575.628.500)
Giảm khác	(14.584.649.988)	(3.371.756.970)	(10.535.889.267)	(374.069.122)	(140.880.139)	(29.007.245.486)
Phân loại lại	573.412.592.355	142.864.549.615	28.777.197.595	10.537.945.022	(755.592.284.587)	-
Tại ngày 31/12/2012	984.005.062.327	734.109.573.580	254.617.501.217	95.094.289.438	11.502.662.689.592	13.570.489.116.154
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	1.573.208.774.660	1.304.438.108.389	243.117.093.877	56.691.350.474	12.144.975.827.251	15.322.431.154.651
Tại ngày 31/12/2011	1.039.789.678.570	966.723.692.427	328.222.151.411	42.625.811.209	14.503.030.259.826	16.880.391.593.443

Nguyên giá của các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 192.193.326.339 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 161.185.800.340 đồng).

Các công trình khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày trong nhóm "Tài sản cố định khác" bao gồm một số tài sản có nguyên giá là 5.550.544.476.967 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 5.595.290.547.246 đồng) được tạm tăng theo chi phí thực tế phát sinh đã tập hợp được để trích khấu hao khi công trình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá các công trình này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.

Tổng Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 412.884.826.211 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 433.437.291.896 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	231.840.991.977	1.521.235.000	233.362.226.977
Mua trong năm	52.737.056	-	52.737.056
Tại ngày 31/12/2012	231.893.729.033	1.521.235.000	233.414.964.033
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	14.940.035.187	1.113.068.086	16.053.103.273
Khấu hao trong năm	45.664.157.583	253.539.162	45.917.696.745
Tại ngày 31/12/2012	60.604.192.770	1.366.607.248	61.970.800.018
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	171.289.536.263	154.627.752	171.444.164.015
Tại ngày 31/12/2011	216.900.956.790	408.166.914	217.309.123.704

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	255.488.312.670	16.029.664.639	1.464.370.376	4.288.007.246	68.800.000	277.339.154.931
Tăng trong năm	53.778.427.765	15.611.048.020	-	-	-	69.389.475.785
Tăng khác	18.537.008.000	-	-	-	-	18.537.008.000
Tại ngày 31/12/2012	327.803.748.435	31.640.712.659	1.464.370.376	4.288.007.246	68.800.000	365.265.638.716
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	431.751.135	10.484.735.928	241.874.797	-	17.200.000	11.175.561.860
Khấu hao trong năm	2.160.661.842	7.131.295.744	94.363.040	-	22.933.330	9.409.253.956
Tăng khác	-	182.291.826	-	-	-	182.291.826
Tại ngày 31/12/2012	2.592.412.977	17.798.323.498	336.237.837	-	40.133.330	20.767.107.642
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	325.211.335.458	13.842.389.161	1.128.132.539	4.288.007.246	28.666.670	344.498.531.074
Tại ngày 31/12/2011	255.056.561.535	5.544.928.711	1.222.495.579	4.288.007.246	51.600.000	266.163.593.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	183.440.931.235	164.505.330.445
Kho chứa LPG lạnh	1.853.555.696.608	726.034.786.968
Đường ống dẫn khí Hải Sư Trắng/Tê Giác Trắng - Bạch Hổ	-	678.769.567.041
Dự án dây chuyền cấp khí cho Nhà máy đạm Cà Mau	-	40.142.631.634
Dự án Chung cư C2 Chí Linh	46.438.795.278	46.438.795.278
Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2	307.710.556.124	124.917.169.830
Kho cảng nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng	131.848.342.644	95.032.151.310
Hệ thống phân phối khí thấp áp	-	234.256.925.069
Dự án nhà máy sản xuất ống thép dầu khí (i)	2.034.167.598.362	1.988.240.629.620
Công trình trạm khí CNG cho xe ô tô	6.615.159.054	25.964.412.486
Nhà máy xử lý khí Cà Mau	73.445.529.518	24.366.339.348
Kho chứa LNG Thị Vải	69.941.941.558	8.573.391.650
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và mỏ Thái Bình	52.658.320.301	28.024.926.665
Các hạng mục dùng chung của kho chứa LPG lạnh Thị Vải và Kho LNG	181.933.290.591	-
Khác	215.089.477.483	141.801.590.254
	5.156.845.638.756	4.327.068.647.598

(i) Tổng Công ty đã thế chấp tài sản hình thành từ dự án sản xuất ống thép dầu khí làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (i)	TP HCM	35,26%	35,26%	Phân phối khí hóa lỏng
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (i)	Hà Nội	35,88%	35,88%	Phân phối khí hóa lỏng
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	TP HCM	50,50%	50,50%	Phân phối khí thấp áp
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	77,92%	90,87%	Sản xuất vỏ bình khí
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí	Vũng Tàu	76,50%	76,50%	Kinh doanh dịch vụ bọc ống
Công ty Cổ phần Thể thao Văn hoá Dầu khí	Hà Nội	60,00%	60,00%	Hoạt động thể thao và văn hóa
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Tiền Giang	94,00%	94,00%	Sản xuất ống thép

(i) Các khoản đầu tư vào các công ty mà Tổng Công ty góp dưới 50% vốn điều lệ nhưng nắm quyền chi phối. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, quyền chi phối của Tổng Công ty đối với các công ty nhận đầu tư này đã được xác định chắc chắn và việc xác định các công ty này là công ty con của Tổng Công ty phù hợp với bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	VND	VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	-	47.401.583.592
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	75.635.750.091	75.924.042.559
	75.635.750.091	123.325.626.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	Hà Nội	35,51%	Kinh doanh khí

17. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long hợp tác cùng góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án "Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower" tại số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty thực hiện quản lý và hạch toán kết quả kinh doanh của hợp đồng và phân chia lợi nhuận sau thuế cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Phần vốn góp của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần chiếm tỷ lệ:	70%
Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí chiếm tỷ lệ:	20%
Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long chiếm tỷ lệ:	10%

Dưới đây là số liệu về kết quả kinh doanh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên giá tài sản cố định	718.541.747.813	674.860.658.916
Hao mòn lũy kế tài sản cố định	28.497.981.337	7.919.251.823
Giá trị còn lại của tài sản cố định	690.043.766.476	666.941.407.093

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu	119.388.713.263	37.239.007.501
Chi phí quản lý tài sản liên doanh	50.892.819.786	12.683.001.881
Thu nhập khác	-	924.600.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.123.973.369	4.390.338.449
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.371.920.108	13.171.015.348
Phân chia theo tỷ lệ góp vốn:		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần	35.960.344.075	9.219.710.743
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí	10.274.384.022	2.634.203.070
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	5.137.192.011	1.317.101.535

18. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư cổ phiếu (i)	356.600.283.780	393.071.635.736
Ủy thác quản lý vốn dài hạn và tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	441.000.000.000	499.067.180.000
Góp vốn vào các đơn vị	50.000.000.000	-
	847.600.283.780	892.138.815.736

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

18. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (tiếp theo)

- (i) Đầu tư cổ phiếu bao gồm khoản mua cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á với số tiền là 311.250.000.000 đồng. Do số cổ phiếu này thuộc loại hạn chế chuyển nhượng và Tổng Công ty dự kiến nắm giữ dài hạn nên không thực hiện đánh giá mức tổn thất có thể xảy ra để trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh doanh nghiệp (i)	1.251.130.182.514	2.161.043.042.522
Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ	634.997.802.500	661.205.721.543
Chi phí trả trước dài hạn khác	379.362.300.981	159.836.176.748
	2.265.490.285.995	2.982.084.940.813

- (i) Lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 3 năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần. Giá trị đã phân bổ vào chi phí trong năm là 909.912.860.008 đồng.

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	2012	2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	692.064.922.695	15.653.645.437
Tăng trong năm	4.581.200.000	725.118.707.394
Phân bổ vào chi phí trong năm	(77.288.678.808)	(48.707.430.136)
Số dư cuối năm	619.357.443.887	692.064.922.695

21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	255.022.306.049	305.474.786.062
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 28)	2.786.837.315.431	2.561.429.798.251
	3.041.859.621.480	2.866.904.584.313

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	111.594.020.440	279.879.102.281
Thuế xuất, nhập khẩu	2.956.111.245	800.149.771
Thuế thu nhập doanh nghiệp	578.501.127.265	301.592.319.680
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.302.217.226	2.774.432.954
Thuế thu nhập cá nhân	11.610.834.793	10.021.047.535
Các loại thuế khác	671.441.946	1.684.213.690
	708.635.752.915	596.751.265.911

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

Chi tiêu	Tại ngày 31/12/2011	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày 31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	279.840.203.095	4.089.998.108.401	4.258.445.903.480	111.392.408.016
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.774.432.954	34.169.493.343	33.641.709.071	3.302.217.226
Thuế nhập khẩu	(30.172.195.503)	287.686.848.412	254.558.541.664	2.956.111.245
Thuế thu nhập doanh nghiệp	301.379.008.708	2.258.888.147.340	1.981.984.302.115	578.282.853.933
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	8.077.659.585	8.077.659.585	-
Thuế thu nhập cá nhân	10.021.047.535	78.081.023.518	76.491.236.260	11.610.834.793
Thuế môn bài	-	24.000.000	24.000.000	-
Thuế nộp thay nhà thầu phụ	-	5.896.306.086	5.679.255.875	217.050.211
Phí và các khoản lệ phí khác	(2.358.497.921)	60.176.739.211	57.690.224.375	128.016.915
Cộng	561.483.998.868	6.822.998.325.896	6.676.592.832.425	707.889.492.339

Trong đó:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	35.267.267.043	746.260.576
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	596.751.265.911	708.635.752.915

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí nhà điều hành Nam Côn Sơn	43.081.839.539	43.857.915.342
Trích trước chi phí vận hành mỏ Rồng Đồi Mồi và Vòm Bắc mỏ Bạch Hổ	-	87.017.231.586
Chi phí lãi vay	55.003.860.470	60.102.327.597
Trích trước chi phí sửa chữa công trình khí (i)	152.064.265.134	317.429.515.918
Trích trước chi phí mua khí	880.608.028.017	508.230.740.004
Các khoản khác	60.392.301.504	26.345.847.147
	1.191.150.294.664	1.042.983.577.594

- (i) Tổng Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng các công trình khí trên cơ sở dự toán chi phí phát sinh cho các hạng mục sẽ được sửa chữa trong năm 2013. Tổng Công ty tin tưởng rằng việc trích trước các khoản chi phí này là phù hợp với tình hình thực tế của Tổng Công ty.

24. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN NỘI BỘ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Quản lý phí phải nộp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	45.631.637.351	45.128.506.078
	45.631.637.351	45.128.506.078

Theo Hợp đồng đã ký kết giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty, Tổng Công ty phải nộp cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phí quản lý hàng năm theo mức từ 0,05% đến 0,5% tính trên từng loại doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả về cổ phần hóa	-	294.945.729.713
Phải trả do tăng giá bán khí	-	410.678.013.139
Các khoản phải trả khác	456.754.972.429	575.078.010.701
	456.754.972.429	1.280.701.753.553

26. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả dài hạn nội bộ	44.264.383.269	44.264.383.269
	44.264.383.269	44.264.383.269

Phải trả dài hạn nội bộ phản ánh khoản phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về số vốn cấp cho Ban Quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ (đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty) để thực hiện Dự án thu gom khí đồng hành mỏ Rồng Đồi Mồi.

27. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả về cổ phần hóa	-	2.068.800.000
Nhận ký quỹ, ký cược vô bình gas	267.116.214.489	263.836.729.389
Khác	2.944.802.435	-
	270.061.016.924	265.905.529.389

28. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn	8.842.599.162.464	10.541.929.108.071
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.149.003.481.765	2.866.458.345.557
Ngân hàng Standard Chartered	1.845.596.667.069	2.462.332.444.575
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	443.912.295.925	666.067.348.245
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	1.528.449.282.086	2.105.135.346.750
Ngân hàng Đầu tư Châu Âu	297.417.903.804	436.803.640.884
Ngân hàng Calyon Việt Nam	94.613.636.251	284.018.181.686
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	181.435.880.018	62.963.247.385
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	28.443.740.793	56.699.769.980
Ngân hàng TMCP Quân đội	121.077.559.790	162.217.101.970
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	933.834.738.963	1.167.691.565.039
Nợ dài hạn	132.997.302.174	169.311.498.679
Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính - Sacombank	65.384.465.635	84.701.917.931
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu	27.567.735.349	36.997.242.227
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	36.598.588.969	43.141.187.529
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	3.446.512.221	4.471.150.992
	8.975.596.464.638	10.711.240.606.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

28. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

Trừ: nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày trên phần nợ ngắn hạn)	2.786.837.315.431	2.561.429.798.251
Vay và nợ dài hạn phải trả sau 12 tháng	6.188.759.149.207	8.149.810.808.499

Các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty được giải ngân/nhận nợ bằng đồng Việt Nam, Euro và Đô la Mỹ để phục vụ cho việc đầu tư mua sắm tài sản cố định/thuê tài chính của Tổng Công ty. Chi tiết số tiền vay theo đồng tiền giải ngân/nhận nợ như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay bằng EUR	28.443.740.793	55.482.012.781
Vay bằng USD	6.323.771.178.055	8.159.969.470.638
Vay bằng VND	2.623.381.545.790	2.495.789.123.331
	8.975.596.464.638	10.711.240.606.750

Các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tín chấp	7.032.143.971.015	7.944.984.517.681
Bảo lãnh của bên thứ 3	513.109.099.845	883.038.924.812
Bảo đảm bằng tài sản của Tổng Công ty	1.297.346.091.604	1.713.905.665.578
Thuê tài chính	132.997.302.174	169.311.498.679
	8.975.596.464.638	10.711.240.606.750

Các khoản vay của Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Lãi suất trong năm là từ 10,5% đến 17,4%/năm đối với đồng Việt Nam, từ 1,5% đến 4,5%/năm đối với đồng Đô la Mỹ và 6%/năm đối với đồng Euro. Các khoản vay được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay theo lãi suất cố định	860.130.564.872	1.602.870.989.401
Vay theo lãi suất thả nổi	8.115.465.899.766	9.108.369.617.349
	8.975.596.464.638	10.711.240.606.750

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	2.786.837.315.431	2.561.429.798.251
Trong năm thứ hai	2.429.288.754.212	2.545.330.557.746
Từ ba năm đến năm thứ năm	2.664.767.125.454	3.596.858.839.088
Sau năm năm	1.094.703.269.541	2.007.621.411.665
	8.975.596.464.638	10.711.240.606.750
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	(2.786.837.315.431)	(2.561.429.798.251)
Số phải trả sau 12 tháng	6.188.759.149.207	8.149.810.808.499

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 16/5/2011	-	-	-	-	-	-	-	-
Nhận bàn giao	18.950.000.000.000	30.966.515.289	91.757.438.974	16.605.122.426	(12.704.896.239)	264.613.657.480	-	19.341.237.837.930
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	4.334.181.077.976	-	4.334.181.077.976
Trích lập các quỹ	-	-	260.712.709.832	440.035.444.132	-	(915.177.733.219)	214.429.579.255	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(58.351.529.516)	-	-	(58.351.529.516)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(144.227.637.813)	-	(144.227.637.813)
Thay đổi khác	-	-	5.183.504.848	-	-	2.329.961.762	-	7.513.466.610
Số dư tại ngày 01/01/2012	18.950.000.000.000	30.966.515.289	357.653.653.654	456.640.566.558	(71.056.425.755)	3.541.719.326.186	214.429.579.255	23.480.353.215.187
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	10.101.958.853.640	-	10.101.958.853.640
Trích lập các quỹ (i)	-	5.846.098.031	1.344.672.211.493	1.013.814.499.699	-	(2.370.332.809.223)	6.000.000.000	-
Chênh lệch tỷ giá trong năm	-	-	-	-	76.799.420.013	-	-	76.799.420.013
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành (i)	-	-	-	-	-	(83.029.522.589)	-	(83.029.522.589)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	(6.064.000.000.000)	-	(6.064.000.000.000)
Hoàn nhập quỹ (i)	-	-	-	-	-	85.771.831.702	(85.771.831.702)	-
Thay đổi khác	-	(17.192.985)	-	-	-	(67.894.882.324)	-	(67.912.075.309)
Trừ lợi ích cổ đông thiểu số	-	(3.784.579.252)	(154.252.612.010)	(13.835.460.310)	(5.742.994.258)	(72.384.865.871)	(2.970.000.000)	(252.970.511.701)
Số dư tại ngày 31/12/2012	18.950.000.000.000	33.010.841.083	1.548.073.253.137	1.456.619.605.947	-	5.071.807.931.521	131.687.747.553	27.191.199.379.241

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(i) Trong đó bao gồm các khoản trích lập các quỹ tại Công ty mẹ - Tổng Công ty như sau:

- Công ty mẹ - Tổng Công ty thực hiện trích bổ sung vào Quỹ đầu tư và phát triển phần còn thiếu giữa số được phê duyệt theo Nghị quyết số 50/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 so với số đã tạm trích trong năm 2011 từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 là 1.072.147.896.273 đồng; Công ty mẹ - Tổng Công ty cũng thực hiện tạm trích Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận năm 2012 với số tiền 988.616.250.552 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng số tạm trích quỹ trên sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013.
- Công ty mẹ - Tổng Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2012 được ban hành kèm theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 số 50/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2012 với số tiền là 67.126.229.367 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng số tiền trích các quỹ trên sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013.
- Hoàn nhập số chênh lệch Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ giữa số tạm trích lập trong năm 2011 với số được phê duyệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 số 50/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2012 với số tiền là 85.771.831.702 đồng.

(ii) Công ty mẹ - Tổng Công ty thực hiện chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2011 với tỷ lệ 12% mệnh giá cổ phần và tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận năm 2012 với tỷ lệ là 20% mệnh giá cổ phần

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ %	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.832.835.900	96,72	18.328.359.000.000
Các cổ đông khác	62.164.100	3,28	621.641.000.000
	1.895.000.000	100	18.950.000.000.000

Cổ phiếu:

Số lượng cổ phần Tổng Công ty đã đăng ký và phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.895.000.000 cổ phần. Toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty là cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu	31/12/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.895.000.000	1.895.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.895.000.000	1.895.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.895.000.000	1.895.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.895.000.000	1.895.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ tức:

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 số 50/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2012, Công ty mẹ - Tổng Công ty đã trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 với số tiền là 2.274.000.000.000 đồng (tương đương với 1.200 đồng/cổ phần).

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 98/NQ-KVN ngày 21 tháng 8 năm 2012 và số 129/NQ-KVN ngày 20 tháng 11 năm 2012, Công ty mẹ - Tổng Công ty đã tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 với số tiền là 3.790.000.000.000 (tương đương với 2.000 đồng/cổ phần). Mức cổ tức chính thức năm 2012 sẽ được Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Tổng Công ty thông qua trong năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

30. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	892.131.685.993	772.377.185.300
Vốn khác thuộc chủ sở hữu	8.110.915.588	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	14.845.685.500	-
Thặng dư vốn cổ phần	38.055.042.784	37.365.433.320
Quỹ đầu tư phát triển	350.828.893.291	178.287.165.203
Quỹ dự phòng tài chính	56.816.699.268	33.916.629.704
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(14.353.832.780)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.970.000.000	48.150.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	278.726.927.272	529.122.863.427
	1.642.485.849.696	1.536.763.594.174

31. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Tổng Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, Tổng Công ty tổ chức các hoạt động kinh doanh theo từng lĩnh vực trên cơ sở các công ty con hoạt động tương đối riêng biệt.

Hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các bộ phận như sau:

- Hoạt động kinh doanh khí và các sản phẩm khí (gồm có Công ty mẹ, PVGAS South, PVGAS North và PVGAS D);
- Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí: sản xuất ống thép và bình khí, xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình khí (gồm có PV Pipe, PV Cylinder và PVID);
- Các hoạt động khác: tổ chức các hoạt động thể thao và văn hóa (gồm có PSCC).

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí 31/12/2012 VND	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí 31/12/2012 VND	Các hoạt động khác 31/12/2012 VND	Loại trừ nội bộ 31/12/2012 VND	Tổng cộng 31/12/2012 VND
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.496.833.314.313	243.715.574.449	12.535.630.128	-	12.753.084.518.890
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	68.900.000.000	-	-	-	68.900.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	7.020.982.617.013	112.552.699.080	1.961.933.022	(1.761.875.984.619)	5.373.621.264.496
Hàng tồn kho	1.328.942.560.940	235.350.690.430	-	49.568.253.145	1.613.861.504.515
Tài sản ngắn hạn khác	517.727.049.597	43.792.751.822	936.762.575	-	562.456.563.994
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-	-
Tài sản cố định	18.436.443.609.421	2.524.063.970.801	649.596.118	34.062.312.156	20.995.219.488.496
Bất động sản đầu tư	762.243.170	-	-	-	762.243.170
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.473.938.042.362	-	-	(2.606.110.661.336)	867.827.381.026
Tài sản dài hạn khác	2.123.239.625.517	168.854.677.219	521.340.939	(1.525.427.235)	2.291.090.216.440
Lợi thế thương mại	17.896.602.910	-	-	601.460.840.977	619.357.443.887
Tổng tài sản hợp nhất	45.485.665.665.243	3. 328.330.363.801	16.605.262.782	(3.684.420.666.912)	45.146.180.624.914
Nợ phải trả					
Nợ ngắn hạn	8.952.240.055.646	780.506.529.502	1.703.460.318	(1.678.245.419.318)	8.056.204.626.148
Nợ dài hạn	7.222.509.672.706	1.029.551.479.504	4.191.000.000	(1.525.427.235)	8.254.726.724.975
Tổng nợ phải trả hợp nhất	16.174.749.728.352	1.810.058.009.006	5.894.460.318	(1.679.770.846.553)	16.310.931.351.123

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

31. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí VND	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Tổng doanh thu thuần	76.234.360.604.680	997.691.942.135	19.616.722.357	(8.950.310.468.176)	68.301.358.800.996
Doanh thu nội bộ	8.658.482.979.412	278.638.488.764	13.189.000.000	(8.950.310.468.176)	-
Doanh thu bán ra bên ngoài	67.575.877.625.268	719.053.453.371	6.427.722.357	-	68.301.358.800.996
Chi phí kinh doanh	64.529.658.045.736	921.636.236.650	21.151.123.382	(8.878.528.436.417)	56.593.916.969.351
- Giá vốn hàng bán	61.414.273.214.945	849.665.426.835	1.305.525.445	(8.870.580.712.927)	53.394.663.454.298
- Chi phí bán hàng	1.344.085.216.192	1.771.256.592	-	(73.199.850.004)	1.272.656.622.780
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.771.299.614.599	70.199.553.223	19.845.597.937	65.252.126.514	1.926.596.892.273
Kết quả hoạt động kinh doanh	11.704.702.558.944	76.055.705.485	(1.534.401.025)	(71.782.031.759)	11.707.441.831.645
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết					2.349.765.728
Doanh thu hoạt động tài chính					1.143.873.657.044
Chi phí tài chính					(556.776.193.436)
Lãi từ hoạt động khác					53.412.483.563
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp					12.350.301.544.544
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					2.247.551.651.441
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					791.039.463
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					10.101.958.853.640

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

32. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	68.419.862.408.855	64.299.749.211.153
Doanh thu bán khí khô	36.645.020.843.182	32.430.656.101.906
Doanh thu bán LPG	27.581.037.326.065	28.626.711.770.361
Doanh thu vận chuyển khí	2.401.913.832.649	1.929.655.701.435
Doanh thu vận chuyển condensate	-	48.699.710.795
Doanh thu bán condensate	375.864.602.078	297.173.290.500
Doanh thu cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	119.388.713.263	37.239.007.501
Doanh thu khác	1.296.637.091.618	929.613.628.655
Các khoản giảm trừ doanh thu	118.503.607.859	75.249.571.335
Chiết khấu thương mại	84.334.114.516	48.233.817.652
Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu	34.169.493.343	27.015.753.683
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	68.301.358.800.996	64.224.499.639.818

Tổng Công ty xác định thời điểm ghi nhận doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn là thời điểm phát hành hoá đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu và giá vốn của hoạt động bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2012 chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền lần lượt là 4.380 tỷ đồng và 3.376 tỷ đồng (doanh thu và giá vốn phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2011 được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền lần lượt là 3.137 tỷ đồng và 2.699 tỷ đồng).

Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đang trong quá trình thương thảo hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển khí cho Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau và Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau theo ủy quyền của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tổng Công ty đang ghi nhận doanh thu dịch vụ vận chuyển khí nêu trên đã thực hiện cho giai đoạn từ tháng 7 năm 2012 đến tháng 12 năm 2012 vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo giá tạm tính với số tiền là 707.894.913.266 đồng.

33. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn bán khí khô	27.851.151.959.167	26.913.044.255.341
Giá vốn bán LPG	23.911.742.387.020	25.393.661.433.474
Giá vốn vận chuyển khí	446.533.183.600	448.153.958.657
Giá vốn vận chuyển condensate	-	35.851.780.774
Giá vốn bán condensate	188.672.821.820	184.700.867.648
Giá vốn cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	46.840.855.174	7.919.251.823
Giá vốn khác	949.722.247.517	676.463.929.281
	53.394.663.454.298	53.659.795.476.998

34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.077.249.409.492	899.194.542.896
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	44.910.354.472	122.455.945.482

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

34.	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (tiếp theo)	2012 VND	2011 VND
	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.552.538.080	-
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.161.355.000	72.949.141.388
	Lãi từ bán các khoản đầu tư	-	242.493.160.054
	Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.562.313.519
	1.143.873.657.044	1.340.655.103.339	
35.	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	2012 VND	2011 VND
	Chi phí lãi vay	449.624.014.624	795.580.913.288
	Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	56.468.087.880	347.456.862.446
	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.867.137.818	543.234.837.703
	Lỗ từ bán các khoản đầu tư	-	1.366.417.529
	Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	26.820.754.050	12.945.239.580
	Chi phí tài chính khác	1.852.884.870	10.486.970.396
	Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	19.143.314.194	-
	556.776.193.436	1.711.071.240.942	
36.	THU NHẬP KHÁC	2012 VND	2011 VND
	Thu từ thanh lý tài sản	20.531.843.742	47.835.177.029
	Thu tiền phạt, bồi thường theo hợp đồng	12.121.487.954	284.684.057.015
	Thu nhập khác	57.880.970.849	62.382.655.608
	90.534.302.545	394.901.889.652	
37.	CHI PHÍ KHÁC	2012 VND	2011 VND
	Chi phí thanh lý tài sản cố định	20.740.531.608	34.392.287.929
	Chi phí khác	16.381.287.374	27.471.609.308
	37.121.818.982	61.863.897.237	
38.	THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	2012 VND	2011 VND
	Lợi nhuận trước thuế	12.350.301.544.544	7.685.698.567.874
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Trong đó:		
	- Công ty mẹ	2.105.673.268.625	1.058.136.072.180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

	2012	2011
	VND	VND
	2.105.673.268.625	1.058.136.072.180
- PVGAS South	46.694.986.009	50.374.850.228
- PVGAS North	9.292.623.519	44.696.263.053
- PVID	9.777.912.769	8.767.873.062
- PSCC	67.511.514	87.562.077
- PV Cylinder	-	-
- PV Pipe	-	1.832.736.899
- PVGAS D	76.045.349.005	101.165.365.689
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.247.551.651.441	1.265.060.723.188

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty có các khoản ưu đãi thuế lớn như sau:

(i) Công ty mẹ - Tổng Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% đối với Dự án Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8898-BKH/DN ngày 31 tháng 12 năm 2001. Dự án Dịch vụ Vận chuyển condensate Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3399-BKH/DN ngày 28 tháng 5 năm 2002 và Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 6011-BKH/DN ngày 18 tháng 9 năm 2002 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ngoài ra, Công ty mẹ - Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo đối với Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn.

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với Dự án Trạm nạp LPG Thị Vải theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000055 ngày 10 tháng 8 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (đơn vị cổ phần hóa) đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Công ty mẹ - Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với Dự án Hệ thống Phân phối khí thấp áp Giai đoạn 2 theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000047 ngày 02 tháng 7 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Công ty mẹ - Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 1 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo đối với Dự án Đường ống dẫn khí Sư Tử Đen/Sư Tử Vàng - Rạng Đông theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 491210000102 ngày 08 tháng 5 năm 2008. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Công ty mẹ - Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Công ty mẹ - Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo đối với Dự án Đường ống dẫn khí PM3 - Cà Mau theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 61101000095 ngày 09 tháng 02 năm 2010. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Công ty mẹ - Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

(ii) Công ty con - PVGAS South được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh khí CNG, hoạt động kinh doanh khí CNG sẽ được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế hai năm và giảm 50% cho sáu năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - công ty con của PVGAS South có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 25% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo.

(iii) Công ty con - PV Pipe được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 53101000116 ngày 21 tháng 10 năm 2010 của UBND tỉnh Tiền Giang. Công ty được hưởng ưu đãi đầu tư đối với dự án đầu tư trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang). Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất và thời gian miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể: Thuế suất ưu đãi 20% áp dụng trong thời gian 10 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế, miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty mẹ	9.807.335.873.363	5.912.688.300.038
Lợi nhuận trả cho các bên tham gia liên doanh tòa nhà PVGas Tower	15.411.576.032	3.951.304.604
Lợi nhuận từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 15 tháng 5 năm 2011 của Công ty TNHH MTV	-	1.578.507.222.062
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.791.924.297.330	4.330.229.773.372
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	1.895.000.000	1.895.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.167	2.285

40. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và tiền mua khí từ các chủ mỏ	28.446.231.296.620	37.140.316.925.250
Chi phí nhân công	769.216.391.395	663.536.914.599
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.088.796.474.370	2.798.656.500.751
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.037.843.553.621	1.256.267.840.395
Chi phí khác	1.396.860.398.851	3.053.864.849.688
	35.738.948.114.857	44.912.643.030.683

41. CÁC KHOẢN CAM KẾT

i) Cam kết vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới một số hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản lớn đang thực hiện chưa hoàn thành sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Kho chứa LPG lạnh	733.282.927.297	726.034.786.968
Kho chứa LNG quy mô 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải	955.832.499.248	1.023.385.647.974
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và Thái Bình lô 102 và 106	612.479.893.472	660.727.849.050
Công trình Mở rộng hệ thống thu gom khí mỏ Rồng giai đoạn 1	1.108.081.241.716	1.164.550.000.000

(ii) Cam kết khác

Các khoản cam kết liên quan đến hoạt động kinh doanh và vận chuyển khí:

Cam kết mua hàng

Cam kết mua hàng	Sản lượng cam kết	Thời gian cam kết
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 06.1	Tối thiểu là 4 tỷ m³/năm	Đến 30 tháng 6 năm 2014
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 11.2	Tối thiểu là 1,216 tỷ m³/năm	Đến hết Giai đoạn Bình ổn của Lô 11.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

41. CÁC KHOẢN CAM KẾT (tiếp theo)

Cam kết mua hàng (tiếp theo)

Cam kết mua hàng	Sản lượng cam kết	Thời gian cam kết
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô PM3 CAA	Lượng khí cố định là 1,3 tỷ m³/năm; từ năm hợp đồng thứ 9 (từ ngày 01 tháng 4 năm 2011 đến ngày 31 tháng 3 năm 2012) là 1,664 tỷ m³/năm; từ năm hợp đồng thứ 10 trở đi (từ ngày 01 tháng 4 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013) là 1,819 tỷ m³/năm)	Hết hạn năm 2018
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 46 Cái Nước	Lượng khí cố định hàng năm là 0,206 tỷ m3/năm	Hết hạn năm 2015

Cam kết bán hàng

Cam kết bán hàng	Sản lượng cam kết	Thời gian cam kết
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Tối thiểu hàng năm là 1,85 tỷ m³	Trong giai đoạn bình ổn theo hợp đồng
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Phú Mỹ 3 BOT Power (PM3 BOT)	Tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m³	Đến năm 2023
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Năng lượng Mekong (PM 2.2 BOT)	Tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m³	Đến năm 2023
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Tối thiểu hàng năm là 0,447 tỷ m³	Trong giai đoạn bình ổn theo Hợp đồng
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Tối thiểu hàng năm là 0,785 tỷ m³	Đến 30 tháng 6 năm 2014
Bán khí PM3 CAA và Lô 46 Cái Nước cho Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Lượng khí cố định hàng năm là 1,5 tỷ m³	Đến năm 2023
Bán khí PM3 CAA và Lô 46 Cái Nước cho Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Lượng khí cố định hàng năm là 457,38 triệu m³	Đến năm 2023

Tổng Công ty đã ký hợp đồng với Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc cung cấp khí cho các nhà máy điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam từ nguồn bể khí Nam Côn Sơn. Việc cung cấp khí được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2009. Hợp đồng cung cấp khí giữa các bên có xác định định mức bao tiêu khí hàng năm, nhưng chưa có quy định về đơn giá áp dụng cho lượng khí giao nhận vượt trên định mức bao tiêu (nếu có) này. Tổng Công ty đang ghi nhận doanh thu bán khí đối với lượng khí giao vượt trên định mức bao tiêu trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo đơn giá tạm tính.

Đến ngày phát hành báo cáo này, Tổng Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang trong quá trình thương thảo để thống nhất đơn giá bán khí áp dụng cho lượng khí giao nhận vượt trên định mức bao tiêu quy định trong hợp đồng mua bán khí nêu trên. Số chênh lệch doanh thu (nếu có) khi áp dụng đơn giá bán khí mới sẽ được Tổng Công ty điều chỉnh và ghi nhận vào kết quả kinh doanh của các kỳ tiếp theo ngay khi thống nhất với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

42. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

42. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.753.084.518.890	10.045.200.208.018
Đầu tư ngắn hạn	68.900.000.000	317.329.590.057
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.920.197.430.227	6.216.200.126.626
Đầu tư dài hạn	792.191.630.935	867.138.815.736
Tài sản tài chính khác	221.763.244.670	478.761.148.691
Tổng cộng	18.756.136.824.722	17.924.629.889.128
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	9.230.618.770.687	11.016.715.392.812
Phải trả người bán và phải trả khác	3.184.763.534.307	5.845.192.182.630
Chi phí phải trả	1.191.150.294.664	1.042.983.577.594
Tổng cộng	13.606.532.599.658	17.904.891.153.036

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Tổng Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Tổng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá cả của hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào các đơn vị khác. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác cũng như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay theo lãi suất cố định và lãi suất thả nổi và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ ảnh hưởng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

42. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
		VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	+200	162,309,317,995
VND	-200	(162,309,317,995)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
VND	+200	182,167,392,347
VND	-200	(182,167,392,347)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.753.084.518.890	-	12.753.084.518.890
Đầu tư ngắn hạn	68.900.000.000	-	68.900.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.920.197.430.227		4.920.197.430.227
Đầu tư dài hạn	-	792.191.630.935	792.191.630.935
Tài sản tài chính khác	221.763.244.670	-	221.763.244.670
	17.963.945.193.787	792.191.630.935	18.756.136.824.722
31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	3.041.859.621.480	6.188.759.149.207	9.230.618.770.687
Phải trả người bán và phải trả khác	2.869.176.572.916	315.586.961.391	3.184.763.534.307
Chi phí phải trả	1.191.150.294.664		1.191.150.294.664
	7.102.186.489.060	6.504.346.110.598	13.606.532.599.658
	10.861.758.704.727	(5.712.154.479.064)	5.149.604.225.064
Chênh lệch thanh khoản thuần			
31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.045.200.208.018		10.045.200.208.018
Đầu tư ngắn hạn	317.329.590.057		317.329.590.057
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.216.200.126.626		6.216.200.126.626
Đầu tư dài hạn		867.138.815.736	867.138.815.736
Tài sản tài chính khác	478.761.148.691		478.761.148.691
	17.057.491.073.392	867.138.815.736	17.924.629.889.128

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

42. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	2.866.904.584.313	8.149.810.808.499	11.016.715.392.812
Phải trả người bán và phải trả khác	5.535.022.269.972	310.169.912.658	5.845.192.182.630
Chi phí phải trả	1.042.983.577.594		1.042.983.577.594
	9.444.910.431.879	8.459.980.721.157	17.904.891.153.036
Chênh lệch thanh khoản thuần	7.612.580.641.513	(7.592.841.905.421)	19.738.736.092

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	2.148.143.021.112	1.967.082.038.863
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	2.871.034.208.573	1.926.772.134.124
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	376.850.833.585	297.173.290.500
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	536.032.910.353	386.484.302.193
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.631.792.874.737	13.794.031.472.969
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	847.415.322.123	297.873.728.326
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	135.141.156.645	85.591.892.993
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.131.037.918.994	-
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.121.317.224.264	-
Mua hàng		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.230.919.847.651	3.279.090.625.388
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	10.004.217.529.659	10.472.590.321.292
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	636.702.516.661	559.833.031.446
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	6.867.827.928.823	1.711.219.882.696
Xí nghiệp Việt-Nga VietsovPetro	301.734.504.667	206.218.644.332
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển	-	37.950.165.096
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	92.424.852.452	43.433.430.118
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	178.401.029.882	-
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	15.103.655.470	13.940.508.323

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Các khoản phải thu	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	335.694.672.382	1.154.163.132.997
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	-	300.023.952.348
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	-	165.577.192.223
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	62.180.376.705
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần	263.117.723.252	195.468.590.693
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	-	100.630.797.547

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

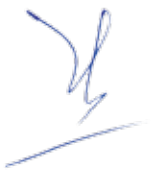
43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu (tiếp theo)	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	-	62.300.330.400
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	39.076.911.280	46.274.800.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	-	49.998.681.817
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	97.686.018.925	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	40.453.188.086	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	778.684.404.634	-
Các khoản phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	50.395.748.460	894.818.602.495
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	90.647.474.754	96.228.984.596
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	776.452.354.601	702.015.053.140
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	-	132.565.294.118
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	-	248.070.281.647
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	16.534.498.331	127.928.474.017
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp ráp máy Dầu khí	339.288.708	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí	-	40.000.000.000
Xí nghiệp Việt-Nga VietsovPetro	41.621.760.075	-
Các khoản ủy thác đầu tư		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	346.000.000.000	350.772.275.057
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	-	50.000.000.000
Các khoản vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	1.528.449.282.083	2.350.208.932.728

44. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 nên kỳ kế toán đầu tiên của Tổng Công ty dưới hình thức công ty cổ phần là từ ngày 15 tháng 6 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lập cho mục đích tham khảo thêm thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong một năm tài chính, không phải là báo cáo tài chính theo luật định.


Đặng Thị Hồng Yến
Người lập biểu
Ngày 14 tháng 3 năm 2013


Mai Hữu Ngân
Kế toán trưởng


Đỗ Khang Ninh
Tổng Giám đốc





TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP

Tòa nhà PV Gas TOWER, 673 đường Nguyễn Hữu Thọ,
xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

